



TRONG  
THẨM SÂU CỦA  
**BÍ ẨN** 1

*Các hiện tượng siêu linh và kỳ bí của nhân loại*



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



TRONG  
THÂM SÂU CỦA  
**BÍ ẨN**

1

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

**Nguyễn Thị Kim Anh**

Trong tầm sâu của bí ẩn. T.1 / Nguyễn Thị Kim Anh. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011.  
168tr. ; 20cm.

1. Tiểu thuyết Việt Nam — Thế kỷ 21. 2. Văn học Việt Nam — Thế kỷ 21. 3. Vĩnh Hạ Long (Việt Nam) — Giai thoại.

**895.92234 — dc 22**

**N573-A60**

NGUYỄN THỊ KIM ANH  
*biên soạn*

TRONG  
THẨM SÂU CỦA  
**BÍ ẨN**

1

**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**



## Lời nói đầu

---

Trong suốt chiều dài lịch sử của mình, loài người luôn mang theo những bí ẩn lớn.

Những bí ẩn đó thường đưa kẻ trong cuộc lẫn người chứng kiến vào một thế giới tưởng chừng như phi thực. Chúng thể hiện cả tâm trạng sợ hãi lẫn những hoài vọng bấy lâu chôn giấu. Do vậy, dù rất ít bộc lộ và đôi khi còn sai lệch, nhưng chúng vẫn thể hiện được những chặng đường lịch sử mà loài người đã đi qua.

Chúng vén bức màn bí mật nhiều điều mà sử sách bỏ qua hoặc đẩy vào phạm trù tín ngưỡng - dị đoan. Bộ sách này thuật lại những bí ẩn lớn nhất của loài người. Mục đích của nó không phải để phán xét mà để mọi người cùng biết, không phải để chỉ trích mà để am hiểu, không phải để lên án mà để giải thích. Và một trong những mục đích chính của bộ sách là tìm hiểu về tổ tiên của chúng ta: Họ là ai? Họ sợ hãi và mong đợi điều gì? Và họ nhìn nhận ra sao về thế giới này?

Chúng ta khó mà không phì cười trước một số câu hỏi mà tổ tiên chúng ta từng đặt ra, và ta càng buồn cười hơn nữa với những lời giải đáp của họ. Nhưng chính dòng lịch sử ngập tràn những điều chưa biết, những lăm lăm và đôi khi cả những thâm kịch đã giúp ta có cái nhìn rõ ràng hơn về cuộc chiến giữa bóng tối và ánh sáng, một cuộc chiến của chính con người ngay từ thuở khai thiên lập địa. Ta có thể cho là họ ngây thơ hoặc kém hiểu biết nhưng thực ra đây chỉ là cách cảm nhận khác về thế giới, là cách nhìn, cách nghe và cách cảm nhận khác về những hiện tượng xảy ra. Mỗi sự thực đều có vô vàn cách lý giải khác nhau và cách lý giải đó có chính xác hay không là còn tùy vào kết quả

thực tế, tùy vào cách suy nghĩ và thể hiện riêng của từng nền văn minh, từng thời đại. Con đường dẫn đến sự thật thật khó xâm nhập, hay nói đúng hơn là khó trù liệu. Có thể trên con đường ấy đã xảy ra rất nhiều lầm lẫn khiến ta phải phì cười, nhưng chính nhờ những lầm lẫn ấy mà khoa học mới đạt được bấy nhiêu thành tựu lớn.

Bộ sách này sẽ không đạt được mục đích đề ra nếu như không đồng thời mở rộng cánh cửa giúp trí tưởng tượng của độc giả bay bổng. Có lẽ trên hết, mục đích của bộ sách là kể chuyện, là khơi dậy sự hiếu kỳ, đánh thức khát vọng được ngẫm nghĩ, suy tư và mơ mộng của mỗi chúng ta. Tràn ngập trong sách là những câu chuyện về kho tàng bí mật, về những quái vật nơi biển rộng non cao, về những hồn ma bóng quế và những hiện tượng không thể lý giải, giống như những câu chuyện mà khi bé chúng ta thường say sưa lắng nghe cô cậu hay ông bà kể lại.

Theo dòng thời gian, các bí ẩn luôn thay đổi. Nếu như hòn đá hóa vàng xưa kia nay chỉ còn là một đề tài thú vị cho một cuốn tiểu thuyết kỳ ảo hay một bộ phim hay thì cũng vẫn còn đó những bí ẩn khác khiến chúng ta tiếp tục thắc mắc. Cho dù các phương tiện nghiên cứu và kiểm tra hiện nay có tân tiến đến đâu thì những điều không thể lý giải vẫn cứ tiếp tục xuất hiện theo từng bước ta đi. Và chúng vẫn cần thiết y như trước. Cần thiết vì hai lẽ, thứ nhất bởi chúng giống như một thách thức giúp các nhà khoa học và các nhà nghiên cứu không ngừng tiến lên phía trước, thứ hai bởi chúng giúp ta mở rộng tầm nhìn và trở về với chính mình, với những suy nghĩ, thói quen và cả nỗi sợ hãi của bản thân.

Những bí ẩn này dựa vào đâu mà tồn tại? Chúng dựa trên những cảm giác đơn giản và mãnh liệt như nỗi kinh hoàng, tín ngưỡng, sự ham



*muốn. Và lời giải đáp cho những bí ẩn này thuộc phạm trù ma thuật, ảo ảnh và mộng tưởng.*

*Chính những nét đặc thù đó đã biến các bí ẩn lớn thành một phần chủ yếu của số phận con người. Chúng không phải là những điều mù mờ mà mọi người bắt buộc phải công nhận. Ngược lại, chúng là những câu hỏi cơ bản mà lịch sử thường xuyên đặt ra. Chúng là một phần của tuổi thơ không chịu ra đi của chúng ta, một tuổi thơ rất cần cho sự phát triển của mỗi chúng ta. Chúng là điều mà ta mơ ước và thường xuyên thắc mắc. Nếu không có ước mơ và thắc mắc thì cuộc sống con người làm sao có thể trọn vẹn?*

# Mục lục

---

Lời nói đầu	5
<b>Phần 1: HIỆN TƯỢNG SIÊU LINH</b>	11
Hồn ma cụt đầu Anne Boleyn	14
Vua George V và con tàu ma	20
Ngôi nhà ma ám	25
Phép thử lửa	32
Bị trời thiêu	36
Titanic - cái chết được dự đoán từ 14 năm	42
Thần lực của các lạt ma Tây Tạng	48
Tiếng gõ trên vách tường	53
Thuật khinh công của một nhà ngoại cảm tài năng	58
Các chiến binh biến vào đám mây	64
Chuyện gì xảy ra tại cuộc thử nghiệm Philadelphia?	69
Tam giác Bermuda có mở ra thế giới khác?	74
Có hay không hiện tượng đầu thai?	80

<b>Phần 2: QUÁI VẬT</b>	85
Bộ mặt thật của Dracula	88
Gille de Rais - chán tình hay yêu râu xanh?	93
Nửa người nửa sói	98
Giấc mơ của bác sĩ Frankenstein	103
Tồn tại giữa thiên nhiên	109
Sói - mãnh thú trời Tây?	117
Ác thú vùng Gévaudan, kẻ giết người hàng loạt ở thế kỷ 18	121
Cọp tinh Champawat và cuộc săn lùng của Jim Corbett	127
Nghĩa địa voi	132
Yeti, mi ở đâu?	135
Mỹ nhân ngư, nàng là ai?	141
Rắn biển khổng lồ ở vịnh Hạ Long	147
Có gì ở dưới hồ Loch Ness?	156



## P h ầ n 1

# HIỆN TƯỢNG SIÊU LINH

NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ THÔNG LINH, ĐIỀM BÁO HAY ĐẦU THAI LUÔN LÀ NHỮNG ĐỀ TÀI NÓNG BỎNG GÂY RA NHIỀU CUỘC BÚT CHIẾN TRONG XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI VỐN DĨ THƯỜNG BÁM VÍU THEO NHỮNG NGUYÊN TẮC THUẦN LÝ TRÍ.

Nền văn minh loài người đã phát triển đột phá kể từ khi cuộc cách mạng khoa học ra đời, phủ nhận mọi hiện tượng siêu linh.

Tuy nhiên, ở nhiều xã hội, các thế lực tâm linh vẫn được thừa nhận và đánh giá cao. Nhiều sự kiện liên quan đến tâm linh vì thế đã được phân tích rất kỹ càng.

Những oan hồn vất vưởng, những hồn ma quậy phá và những hiện tượng biến mất đột ngột vẫn không ngừng thu hút sự chú ý của loài người. Vẫn còn rất nhiều điều mà lý trí không thể nào giải thích được. Chúng góp phần đưa trí tưởng tượng của chúng ta phiêu du vào những thế giới khác và khiến ta luôn tự hỏi: “Đâu là thực tại? Đâu là giấc mơ?”



hồn ma



# Hồn ma cụt đầu Anne Boleyn

**B**ất kỳ nền văn hóa nào trên thế giới cũng đều hiện diện những hồn ma từ cõi chết trở về. Những bóng ma xuất hiện trong văn học dân gian Anh nhiều đến nỗi mỗi khi ai nhắc đến một trang viên hay lâu đài tại đây là trong đầu óc mọi người lại nảy ra từ “ma ám”.

- **Bóng ma người vợ thứ hai của vua Henry VIII ám ảnh “Tháp London”**

Tháp London là pháo đài nổi tiếng nhất nước Anh và cũng là nơi tương truyền có nhiều hồn ma nổi tiếng hiện về.

Sau khi kết hôn với vua Henry VIII được đúng một ngàn ngày thì Anne Boleyn bị kết án tử hình vì tội ngoại tình. Ngày 19 tháng 5 năm 1536, bà bị đưa ra pháp trường hành quyết. Người đao phủ

*Henry VIII và Anne Boleyn trong một bức họa hiện đại*



hành quyết bà được đặc cách đưa từ Pháp sang. Bà là vợ thứ hai trong số sáu người vợ của vua Henry VIII đồng thời cũng là người vợ đầu tiên bị nhà vua đưa lên đoạn đầu đài. Sau khi bị hành quyết, thi hài bà được an táng vội vã tại nhà thờ Saint-Pierre ở Tháp London, nơi bà bị giam trước đó. Kể từ đó,



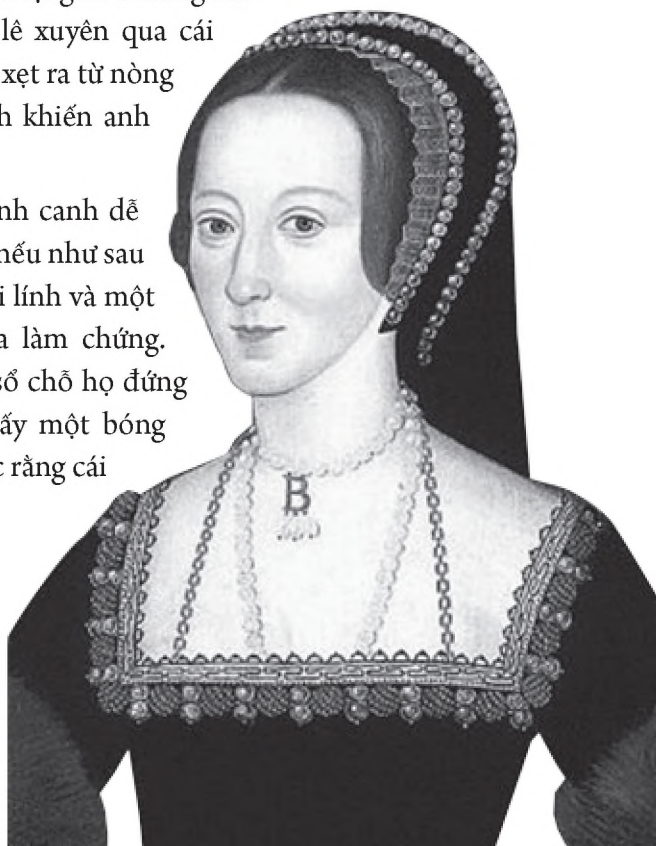
trong suốt nhiều thế kỷ, hôn bà thường xuyên hiện về nơi đây (lần cuối cùng bà hiện hồn là vào năm 1933).

- **Bóng ma không đầu**

Lần hiện hồn gây chú ý nhất của bà là vào mùa đông năm 1864. Một buổi tối nọ, mọi người phát hiện thấy một lính gác nằm mê man bất tỉnh. Anh chàng này bị kết tội ngủ gục trong khi làm nhiệm vụ và bị đưa ra tòa án binh. Tại đây, anh ta khai rằng vào lúc mờ sáng, anh nhìn thấy một bóng trắng từ màn sương mù bước ra. Bóng người này tiến về phía anh tuy nhiên anh không nhìn thấy đầu của người đó do nó khuất dưới chiếc mũ trùm đầu không vành. Như thông lệ, sau ba lần ra lệnh cho bóng người này đứng lại, người lính canh tiến lại gần. Nhưng khi anh ta vừa đâm lưỡi lê xuyên qua cái bóng thì một tia chớp xẹt ra từ nòng súng và trúng vào anh khiến anh lăn ra bất tỉnh.

Lời khai của anh lính canh dễ dàng bị cho là bịa đặt nếu như sau đó không có hai người lính và một sĩ quan khác đứng ra làm chứng. Họ khai rằng, từ cửa sổ chỗ họ đứng gác, họ cũng nhìn thấy một bóng ma. Khi xác định được rằng cái

*Chân dung Anne Boleyn  
– Tương truyền, bà thường  
xuyên hiện hồn về dưới  
dạng một bóng trắng  
không đầu.*



bóng ma mà cả bốn người lính đều nhìn thấy đã xuất hiện ở cánh cửa căn phòng mà Anne Boleyn bị giam giữ ngày cuối cùng trước cuộc hành quyết, tòa án đã quyết định trả tự do cho anh lính canh.

- **Bộ xương mèo**

Việc tòa tháp này từng được sử dụng làm nhà lao của triều đình suốt một thời gian dài trong quá khứ cùng với thân phận cao quý của một số người bị bắt giam và bị xử trảm bên trong bốn bức tường đó đã biến nơi đây thành nơi xuất phát nhiều truyền thuyết về oan hồn.



*Anne Boleyn trên điện ảnh. Bà bị hành quyết ngày 15 tháng 5 năm 1536 vì tội ngoại tình.*

Tương truyền, có nhiều mệnh phụ triều đình bị hành quyết trong tòa tháp thường xuyên hiện hồn về. Người ta thấy họ khi thì tản bộ nơi bờ thành lúc thì đi dọc theo các hành lang hay đi xuyên qua tường.

Trong số này có hồn ma của bà Margaret, nữ bá tước vùng Salisbury. Bà bị hành quyết năm 1541 ở tuổi gần 70. Bà chết thật thê thảm bởi gã đao phủ đã phải chém đi chém lại đến ba lần đầu bà mới đứt lia. Hồn bà sau đó hiện về một cách đều đặn, như là để “sống lại” những giây phút cuối cùng trước lúc lâm chung.



*Edward V và Quận công xứ York chờ ngày hành quyết trong Tháp London –  
Danh tác của Paul Delaroche*

Bên cạnh các hồn ma nữ cũng có nhiều hồn ma nam ở tòa tháp. Lâu đời nhất là hồn ma của thánh Thomas Becket, người bị giết chết khi đang làm lễ tại thánh đường Canterbury năm 1170. Hồn ông thỉnh thoảng lại quay về Tháp London, nơi mà ông từng một thời cai quản. Một hồn ma nổi tiếng khác là hồn ma ngài Walter Raleigh, một nhà thám hiểm lừng danh. Ngài bị vua Jacques I bắt giam từ năm 1603 đến năm 1616 vì tội mưu phản, sau đó được thả ra hai năm rồi bị bắt lại lần nữa và đến lần này thì bị chém đầu. Ngoài ra, người ta cũng nhìn thấy hồn ma của hai đứa trẻ mặc áo trắng dắt tay nhau đi dạo ở hành lang tòa

tháp. Đó là vua Edward V và em trai là quận công xứ York. Cả hai đều bị người cậu là vua Richard III giết chết năm 1483.

Có một điều lạ là các hồn ma không bao giờ thấy xuất hiện ở Tháp trắng tức tháp phòng ngự của pháo đài. Người ta đồn rằng ngay lúc khởi công xây tháp phòng ngự vào thế kỷ 11, người ta đã tể một con vật để xua đuổi tà ma. Sau này, khi xây sửa lại nơi đây vào thế kỷ 19, các công nhân đã tìm thấy một bộ xương mèo chôn trong hốc tường.

## GIẢI THÍCH THẾ NÀO VỀ CÁC HỒN MA?

Với những người không tin ma quỷ thì chuyện hiện hồn chỉ là do tưởng tượng mà ra. Các nhà ngoại cảm thời nay cho rằng cách nghĩ này là đúng trong nhiều trường hợp, tuy nhiên họ vẫn quả quyết rằng có một số trường hợp không thể giải thích bằng lý trí. Theo họ thì hồn ma chỉ có thể liên lạc với thế giới thực thông qua các nhà ngoại cảm. Ma là linh hồn của người chết, hay đó là sản phẩm tinh thần của nhà ngoại cảm và những người thấy ma hiện? Cách giải thích đầu tiên cho thấy có một thực thể tồn tại độc lập với thể xác (gọi là linh hồn) và thực thể này sẽ vẫn tiếp tục tồn tại sau khi thân xác chết đi và khi muốn thì sẽ hiện ra cho mọi người nhìn thấy. Cách giải thích thứ hai bề ngoài thì có vẻ giống với suy nghĩ của những người không tin ma quỷ nhưng trên thực tế nó cho thấy việc nhìn thấy ma hiện không hẳn chỉ là một ảo giác tâm lý.

## Những lâu đài bị ma ám

### Lâu đài Glamis ở Scotland.

Người ta thường xuyên thấy hồn ma Janet Douglas, một thiếu nữ bị hành hình ở thế kỷ 16, xuất hiện ở hành lang tòa lâu đài mà gia đình vua ở. Cũng tại nơi đây người ta nhìn thấy hồn ma của nhiều người đã chết từ thế kỷ 15 hiện về chơi bài. Vị hoàng tử dị dạng lúc sinh thời bị giam giữ nơi đây thỉnh thoảng cũng hiện về trong đêm tối để tru tréo trong đầu đôn.

### Lâu đài Hampton Court.

Tòa lâu đài trước đây từng là nơi cư ngụ của vua Henry VIII cùng các thế thiếp thường xuyên bị hồn ma của Anne Boleyn, Catherine Howard và Jane Seymour hiện về ám. Catherine Howard là vợ thứ năm của nhà vua. Bà cũng bị xử trảm năm 1542 vì tội ngoại tình. Còn Jane Seymour thì qua đời khi sinh hạ hoàng nhi. Ngoài ra các hồn ma khác như hồn bà nữ hầu của vua Edward VI, hồn hoàng hậu Elizabeth I và hồn vua Henry III cũng thường xuyên xuất hiện ở lâu đài.

**Lâu đài Windsor.** Người ta thường nhìn thấy hồn ma một kỵ sĩ trong khu rừng bao quanh lâu đài. Herne là một tay thợ săn trẻ một thời từng được vua Richard II sủng ái. Chàng tự vẫn sau khi không còn được trọng dụng. Hồn người kỵ sĩ này hiện về lần cuối vào năm 1976. Năm đó, một thanh niên đã nhìn thấy hồn người kỵ sĩ xuất hiện nhiều lần trong đêm khiến anh ta lẫn ra bất tỉnh vì sợ hãi...

# Vua George V và con tàu ma

**D**ọc theo chiều dài lịch sử hàng hải, ta thường thấy nhiều con tàu bị bão tố đánh đắm khi đang trên đường đi đến những vùng đất xa xôi. Tuy nhiên một số con tàu hình như đã không cam phận nằm sâu dưới lòng biển mà vẫn tiếp tục ám ảnh các đại dương một cách dai dẳng.

- **Quầng sáng đỏ**

Rất nhiều người đi biển quả quyết đã nhiều lần nhìn thấy tàu ma. Trong số đó có một người vô cùng nổi tiếng, đó là Quận công xứ York, chàng thanh niên sau này trở thành vua George V của nước Anh.

Lúc đó Quận công xứ York chỉ mới 16 tuổi và đang chu du vòng quanh thế giới trên con tàu *Bacchante* với tư cách là thiếu úy của lực lượng Hải quân Hoàng gia Anh. Vào đêm ngày 11 rạng sáng ngày 12 tháng 7 năm 1881, khi con tàu đang lênh đênh ngoài khơi vùng biển châu Úc thì đột nhiên một tia sáng lóe lên trong đêm tối. Trong luồng ánh sáng đó nhiều người thấy cách tàu khoảng vài trăm mét có một chiếc thuyền ba cột buồm bao

*Vua George V của Anh*



quanh bởi một quãng sáng đỏ nhạt đang cắt ngang đường đi của tàu *Bacchante*. Các cột buồm cùng trục căng buồm của con tàu ma hiện rõ dưới luồng ánh sáng phản quang kỳ lạ.

### • **Những cái chết kỳ lạ**

Viên trung úy hải quân lập tức được gọi lên boong để xem chuyện gì xảy ra, nhưng anh chưa kịp nhìn rõ thì con tàu kia đã biến mất một cách bí ẩn trong màn đêm. Quận công xứ York cùng 12 người trong thủy thủ đoàn là những người duy nhất chứng kiến

cảnh tượng kỳ lạ này. Vua George V tương lai tin rằng mình đã nhìn thấy con thuyền “Người Hà Lan bay” nổi tiếng mặc dù hình dáng con thuyền này không hẳn giống. Ngay đêm hôm đó, một trong những thủy thủ nhìn thấy tàu ma đột nhiên rơi từ cột buồm xuống chết. Vài tuần sau, viên đô đốc hải quân cũng qua đời. Một số người cho rằng những cái chết đó có liên quan đến việc nhìn thấy tàu ma. Cho đến nay vẫn chưa có lời giải thích hợp lý nào cho bí ẩn này.

## *Tàu Bacchante và tàu “Người Hà Lan bay”*

“Khoảng 4 giờ sáng đột nhiên có một chiếc thuyền ba cột buồm xuất hiện phía trước mũi tàu chúng tôi cách khoảng 300 mét và đâm thẳng về phía chúng tôi. Một luồng ánh sáng đỏ kỳ lạ soi sáng cột buồm, boong tàu cùng những cánh buồm của con tàu đó. Người phụ trách neo báo hiệu có tàu ở phía trước và báo cho viên thiếu úy hải quân. Một thiếu sinh quân được lệnh trèo lên chòi gác xem thử nhưng không nhìn thấy bất cứ dấu vết về sự hiện diện của con tàu. Có 13 người tận mắt nhìn thấy con tàu này. Bầu trời đêm lúc đó trong vắt và biển cũng rất lặng. Tàu *Tourmaline* và tàu *Cléopâtre* đang đi ở mạn phải phía trước chúng tôi cũng dùng tín hiệu để hỏi xem chúng tôi có nhìn thấy cái ánh sáng đỏ kỳ lạ đó không”.

Nhật ký tàu *Bacchante*

- ***Bán linh hồn cho Quỷ dữ***

Huyền thoại về con tàu ma do một người Hà Lan điều khiển đã tồn tại từ thế kỷ 17 nhưng ở mỗi nơi lại được kể mỗi khác.

Theo một phiên bản thì chủ nhân con tàu này là thuyền trưởng người Hà Lan Barent Fokke. Ông này sống ở thành phố Amsterdam vào thập niên 1650. Ông nổi tiếng là rất nóng nảy và thích nhậu nhẹt, tuy nhiên con tàu của ông thì lại có tiếng là đi nhanh hơn bất kỳ tàu nào khác. Từ Amsterdam đến Batavia, tàu ông chỉ đi mất ba tháng, một khoảng thời gian được xem là kỷ lục vào thời đó. Với nhiều người thì điều này chỉ có thể lý giải là do có bàn tay phù trợ của quỷ. Vì thế khi con tàu biến mất ngoài biển khơi, mọi người đồn âm lên khắp nơi rằng con tàu bị nguyên rủa vì đã bán linh hồn cho quỷ dữ. Trong một phiên bản khác thì người hùng xấu số là thuyền trưởng Van der Staten. Ông bị Chúa trời trừng phạt vì đã nhổ neo ra khơi vào ngày thứ Sáu thánh.

- ***Một thuyền trưởng bị trừng phạt vì tội báng bổ thánh thần***

Nhưng phiên bản được phổ biến rộng rãi nhất là huyền thoại về thuyền trưởng Van der Decken. Ông đang trên đường từ Hà Lan đến Đông Ấn thì một cơn bão lớn nổi lên ở ngoài khơi mũi Hảo Vọng. Do quá tự tin vào tài lái tàu của mình nên Van der Decken bỏ ngoài tai lời van xin của thủy thủ đoàn và kiêu ngạo thách thức đấng toàn năng làm đắm tàu mình. Ông thoát chết khi con tàu bị chìm nhưng bị trừng phạt phải lênh đênh suốt đời trên biển vì tội báng bổ thần thánh...

Câu chuyện này được truyền miệng suốt nhiều thế kỷ cho đến khi được một thi sĩ người Đức tên Heinrich Heine đưa vào một tác phẩm năm 1830. Trong tác phẩm này, vị thuyền trưởng lênh đênh trên biển được giải thoát khỏi lời nguyên nhờ được một





*Một bức họa mô tả tàu “Người Hà Lan bay” (Flying Dutchman)*

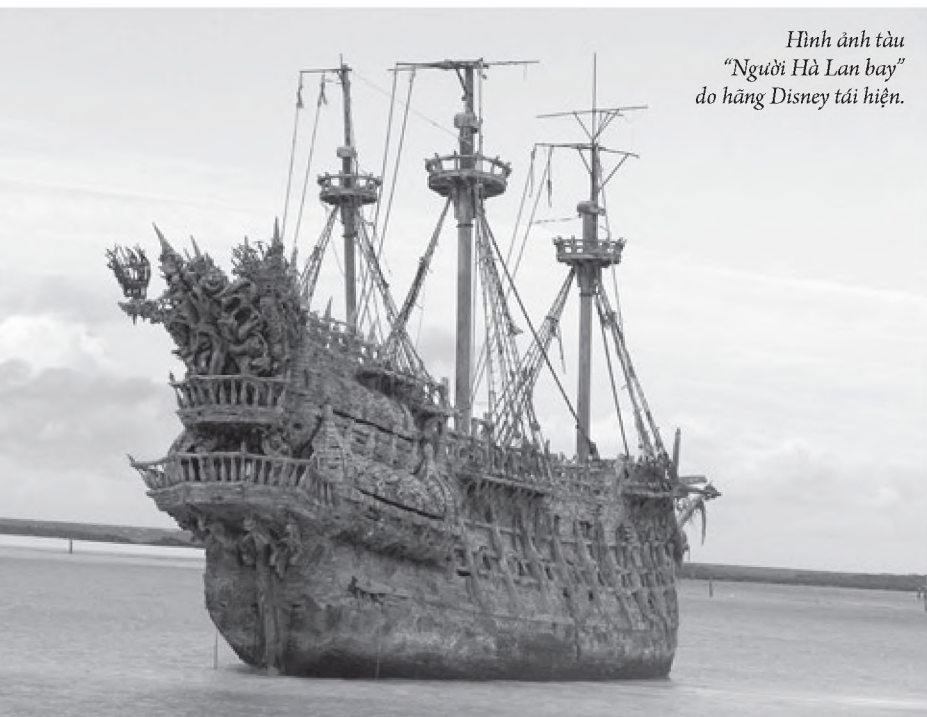
thiếu nữ yêu thương ông chấp nhận đền mạng thay cho ông để ông được yên nghỉ. Và cuối cùng thì chiếc thuyền mang những cánh buồm đỏ của ông cũng bị sóng nuốt chửng. Nhạc sĩ Richard Wagner lấy cảm hứng từ câu chuyện này để sáng tác vở nhạc kịch *Con tàu ma* năm 1843.

- **“Người Hà Lan bay” hiện hình**

Năm 1887, trên đường từ San Francisco đi Trung Quốc, thủy thủ đoàn tàu *Orion* của Mỹ nhìn thấy một chiếc thuyền buồm cổ (gồm ba cột buồm) xuất hiện trong một luồng ánh sáng trắng kỳ lạ. Con thuyền này tiến sát tàu *Orion* một lúc rồi đột ngột biến mất khi ánh trăng bị mây che khuất. Mặc dù không hề có chút gió nào nhưng tất cả các cánh buồm trên thuyền đều căng phồng.

Năm 1939, một chiếc thuyền tương tự được hàng trăm người đứng trên bờ biển Nam Phi nhìn thấy. Chiếc thuyền căng buồm và lướt rất nhanh trên mặt biển mặc dù ngoài khơi lúc đó không có lấy một ngọn gió. Tuy nhiên, chỉ trong khoảnh khắc chiếc thuyền đột nhiên biến mất một cách bí ẩn.

Người ta nhìn thấy chiếc thuyền buồm ba cột xuất hiện một lần nữa vào năm 1942 ở Mouille Point khi con thuyền mang hình dáng cổ này đang tiến gần vịnh La Table. Kể từ đó, chiếc thuyền này xuất hiện thưa dần. Những con tàu hiện đại có vẻ như đã đánh bật các con thuyền cổ và đồng thời cũng phần nào tước mất đi sự lãng mạn của biển cả.



*Hình ảnh tàu  
"Người Hà Lan bay"  
do hãng Disney tái hiện.*

# Ngôi nhà ma ám

**P**oltergeist là một từ tiếng Đức ghép từ hai từ cổ có nghĩa là “ma” và “hành”. Từ này thường được dùng để chỉ hiện tượng ma ám (đối với một nơi chốn) hay ma hành (đối với người), thường là mang hàm ý “dữ dội”.

- **Đồ đạc tự dịch chuyển**

Năm 1977 ở Enfield (Anh) có gia đình Harper sinh sống. Trong gia đình này có một người mẹ đã ly hôn sống cùng bốn người con là Rose 13 tuổi, Janet 11 tuổi, Pete 10 tuổi và Jimmy 7 tuổi. Chiều ngày 30 tháng 8, giường của Pete và giường của Janet ở cùng phòng bỗng nhiên nhúc nhích. Đến chiều hôm sau, bà Harper phát hiện thấy chiếc tủ trong phòng bà tự di chuyển ra xa cách chỗ cũ khoảng 50cm. Bà gọi láng giềng đến xem. Khi nghe họ nói là có nghe thấy những tiếng gõ bí ẩn trong nhà, bà liền báo ngay cho cảnh sát, nhưng cảnh sát cũng chẳng làm gì được. Ngày hôm sau, cũng vào giờ đó, một bàn tay vô hình bắt đầu quăng ném đồ chơi của các đứa bé.

*Ngôi nhà ma ám ở Enfield*





*Janet Harper*

- **Báo chí vào cuộc**

Các gia đình sống chung quanh liên báo ngay cho báo chí. Ban biên tập tờ *Daily Mirror* lập tức liên hệ với Hội nghiên cứu tâm linh. Hội này gửi ngay đến hiện trường một nhà điều tra nổi tiếng là Maurice

Grosse. Trước sự chứng kiến của các phóng viên và Grosse, các đồ vật trong nhà liên tục bị hất tung lên rồi rớt xuống. Một nhà ngoại cảm được mời tới nhà. Khi hỗn nhập, bà khẳng định là hiện tượng này nhằm vào cô bé Janet và hiện đang có nhiều hồn ma đang cố trút mọi năng lượng của chúng lên Janet và mẹ cô. Sau khi được nhà ngoại cảm “chăm sóc”, các hiện tượng trên ngưng bật suốt mấy tuần liền.

- **Ngày càng phức tạp**

Nhưng đến cuối tháng 10 thì mọi chuyện lại tiếp diễn, lần này với cường độ dữ dội hơn. Đồ đạc dịch chuyển, chân mền bị kéo ra khỏi giường, trên sàn bếp đột nhiên xuất hiện những vũng nước (trong đó có một vũng mang đường nét giống hệt hình người), một chiếc ví lò sưởi rơi xuống gối Jimmy gần ngay đầu cháu, bộ tản nhiệt chạy ga bị bứt khỏi tường.

Grosse và Playfair (hai nhà ngoại cảm) tìm cách nói chuyện với cái “thực thể” gây ra hiện tượng này và được nó cho biết là đã sống trong ngôi nhà từ 30 năm nay. Sau đó hồn ma bắt đầu tuôn ra những câu nói vô nghĩa. Tiếp theo, mấy đứa trẻ nhìn thấy những

cái bóng xuất hiện trong nhà. Trước sự chứng kiến của rất nhiều người, “thực thể” này đã hành hạ hai bé gái trong nhà và để lại một thông điệp cho biết nó không muốn ra khỏi ngôi nhà đó. Nghi ngờ rằng hiện tượng ma ám này là do Rose và Janet bày vẽ ra, Hội nghiên cứu tâm linh gọi một nhóm điều tra đến hiện trường làm việc. Họ không tìm thấy bất cứ dấu vết của một trò lừa bịp.

- **Janet lâm nguy**

Rõ ràng là tất cả mọi hiện tượng đều tập trung vào cô bé Janet. Cô bé ngày càng có nhiều biểu hiện cho thấy bị ma ám như co giật, mê sảng,... Đến tháng 12 thì hiện tượng ma ám ở Janet lại được bổ sung thêm bởi những tiếng huýt sáo và tiếng sữa, đồng

*Cảnh trong phim “Căn hộ 1303” (Apartment 1303) của đạo diễn Nhật Bản Ataru Oikawa*



thời từ cô bé cũng phát ra một giọng nói lạ, biến dạng, tự xưng mình là Joe Watson. Sau đó, giọng nói liên tục thay đổi và tự xưng ra nhiều cái tên khác nhau. Nhưng tất cả các giọng này đều cho rằng mình đại diện cho một người duy nhất đã chết. Ngoài ra, những giọng này tỏ ra cực kỳ cộc cằn và thô lỗ.

## NHỮNG HỒN MA QUẬY PHÁ

Tuy những mô tả đầu tiên liên quan đến hiện tượng ma quỷ quậy phá chỉ xuất hiện ở Đức trước năm 1000 một chút nhưng ai cũng biết là hiện tượng này đã có từ thời Cổ Đại.

Từ thời Trung Cổ, Giáo hội đã xem đây là biểu hiện của ma quỷ. Giáo hội cho rằng mỗi hành động quậy phá khác nhau là do một con quỷ khác nhau gây ra và quan điểm này tiếp tục duy trì cho đến khi xuất hiện thuật thông linh hay còn gọi là thuật cầu hồn.

Allan Kardec, người sáng lập ra phong trào cầu hồn, cho rằng các hồn ma quậy phá là những linh hồn nằm ở cõi giới thấp và từ chối không chịu tin rằng mình đã chết. Luận điểm này tiếp tục được chấp nhận bởi nó không có gì mâu thuẫn với việc các “nạn nhân” thường là những đứa trẻ bị rối loạn tâm lý khi đến tuổi vị thành niên hoặc những người bị mắc chứng loạn thần. Như trường hợp ở Enfield, các nhà ngoại cảm nghĩ rằng chính “nạn nhân” là người đã thu hút các hồn ma xấu một cách vô thức.

Ảo thuật gia người Mỹ James Randi là một trong những người không tin vào hiện tượng ma ám. Theo ông, chuyện hồn ma phá phách là do ảo giác sinh ra hoặc chỉ là trò bịp bợm. Ông tuyên bố có thể tái hiện tất cả những biểu hiện của ma ám. Khó tin là ông có thể làm được điều này, nhưng dù sao ông cũng đã chứng minh một số biểu hiện là có thể ngụy tạo được.

Con ma ngày càng bày ra nhiều trò hơn, tấn công Janet một cách dữ dội. Nó thắt cổ cô bé bằng tấm màn cửa và rượt đuổi bé bằng con dao lư lững trên không. Ngôi nhà bắt đầu bốc mùi hôi thối và đồ đạc bốc lửa hai lần từ trong các ngăn tủ. Hai con cá vàng bị giết chết trong bồn và trên tường xuất hiện những dòng chữ mang nội dung tục tĩu. Một nhà ngoại cảm khác được mời đến để bảo vệ mọi người trong nhà và ngôi nhà lại lảng xuống được vài tuần lễ.

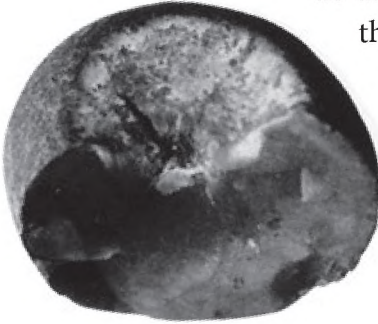


*Bích chương bộ phim “Quy ám”  
phiên bản gần đây nhất*

- **Hơn 1500 hiện tượng ma ám được ghi nhận**

Hiện tượng ma hành này sau đó vẫn cứ diễn ra. Nhiều hồn ma khác nhau xuất hiện thoáng qua, trong số đó có một hồn tự xưng là Maurice Grosse. Janet phải nhập viện, và trong thời gian này hiện tượng phá phách trong nhà bỗng nhiên giảm hẳn. Lúc cô bé trở về nhà với sức khỏe tốt hơn thì hiện tượng này gần như dứt hẳn. Một nhà ngoại cảm người Hà Lan tên Gmeling-Meyling có vẻ như đã giúp chấm dứt hẳn hiện tượng bằng cách bày lễ cúng sao. Đến khoảng tháng 4 năm 1979 thì mọi hiện tượng phá phách trong ngôi nhà chấm dứt hẳn. Cho dù có giải thích về hiện tượng ma ám này thế nào đi nữa (đã có cả thầy hơn 1500 sự kiện ma ám được ghi nhận) thì cũng cần phải lưu ý một điều là gia đình Harper lúc

đó đang trong tình trạng vô cùng căng thẳng xuất phát từ chuyện cha mẹ các bé ly hôn, đồng thời các bé cũng đang trong giai đoạn sắp bước vào tuổi dậy thì, tức lứa tuổi rất dễ bị rối loạn tinh thần và thể chất.



*Điều tra viên Maurice Grosse tìm thấy ba cục đá mà các hồn ma quỳ phá đã quăng ném trong nhà suốt nhiều giờ liền. Có điều lạ là ba hòn đá này lại lồng khít vào nhau để tạo thành một hòn duy nhất.*



Lửa



# Phép thử lửa

---

**X**ưa nay, ở mọi thời đại và ở mọi lục địa, con người vẫn luôn sợ lửa. Nhưng một số người lại có được khả năng kỳ lạ là không hề bị bỏng. Việc đi trên lửa đã tồn tại từ nhiều thế kỷ nhưng mãi đến năm 1937 các nhà khoa học mới chính thức chứng kiến cảnh tượng này lần đầu tiên.

- **Kinh Thánh từng ghi...**

Trường hợp “miễn nhiễm với lửa” xa xưa nhất được ghi nhận là từ một câu chuyện trong Kinh Thánh (*Daniel*, chương III). Nó kể rằng, dưới thời vua Nabuchodonosor, có ba vị giám quan bị xử hỏa thiêu nhưng ngọn lửa dường như không hề ảnh hưởng đến thân thể họ. Kinh Thánh ghi: “Các tổng trấn, quan tòa, thống đốc cùng các cận thần của nhà vua đều đổ xô đến xem ba vị giám quan. Lửa không hề xém vào thân thể các tội nhân, đầu tóc họ không bốc cháy, áo khoác ngoài cũng không hư hại, người họ không mang chút mùi cháy khét nào”. Giai thoại này được liệt vào những “phép mầu” trong Kinh Thánh và phải đến mấy thế kỷ sau Platon và Virgile mới đưa vào các tác phẩm của mình hình ảnh những người đi trên than hồng nóng rực mà không hề có cảm giác cháy bỏng.

- **Phán xét của Chúa**

Thời Trung Cổ, việc miễn nhiễm với lửa được xem như là “quà tặng của Chúa”. Cho đến cuối thời đó, người ta vẫn thường dùng lửa để thay cho lời phán xét của Chúa Trời: người nào nói đúng thì sẽ không bị lửa thiêu. Năm 1062, Đức Giám mục thành Florence bị một thánh nhân tên Pierre Aldobrandini kết tội hu

hóa. Để giải quyết chuyện này cả hai phải trải qua thử thách đi trên lửa. Sau khi rải những hòn than hồng đỏ rực dọc hành lang người ta bắt đầu đốt lửa ở hai đầu hành lang. Aldobrandini đi hết hành lang mà da và y phục ông không hề cháy xém. Đến phiên Đức Giám mục thì ông này không dám thử nên bị buộc từ bỏ cương vị Giám mục.



*Thời Trung Cổ, “phán xét của Chúa” thường xuyên được thực hiện bằng lửa. Chỉ những ai nói thật mới không bị bỏng lửa.*

Năm 1215, Hội nghị giám mục Latran ra quyết định chấm dứt việc thực hiện phán quyết của Chúa bằng lửa. Tuy nhiên, đến năm 1497 linh mục trưởng của tu viện Savonarole ở Florence bị kết tội theo dị giáo lại được yêu cầu đi trên lửa để chứng minh là ông ta không làm chuyện đó. Nhưng khi đứng trước đồng than hồng ông đã tìm cách tránh né nên bị xử có tội và bị... đưa lên giàn hỏa.

### • **Chân trần trên lửa**

Từ thế kỷ 17 trở đi, nhiều người trở về từ các xứ sở xa xôi đã kể lại một số chuyện mà họ tận mắt chứng kiến. Paul Lejeune, một thầy tu dòng Tên, khi quay trở về từ Tân Thế Giới đã viết lại cuộc chuyện phiêu lưu của mình ở miền đất của bộ tộc Huron ở Ấn Độ vào năm 1637 như sau: “Các bạn phải tin tôi bởi những điều tôi kể là do chính mắt tôi nhìn thấy”. Sau đó ông kể tiếp rằng người Huron dùng than hồng cháy đỏ chà xát lên da thịt các bệnh nhân mà da họ không hề bị bỏng.

Nhiều người từ châu Á về cũng thuật lại các câu chuyện đi trên lửa mà họ tận mắt chứng kiến. Họ nói đã thấy nhiều người băng



*Đi trên lửa cũng là một tục lệ tại ngôi làng nhỏ ở Bulgari. Nghi lễ này thường được tiến hành vào ngày 3 đến 4 tháng 6 hàng năm nhằm trừ tà, đuổi bệnh cho dân làng.*

qua hố than hồng với chân trần mà không hề bị phỏng rộp hay đau đớn. Năm 1890, bốn người Anh trong đó có bác sĩ Hocken đã thử bước đi trên lửa ở Polynesia. Họ sống sót khi nhận thấy chân mình chỉ hơi nhói nhói một chút. Câu chuyện này gây chấn động giới khoa học ở London khiến mọi người không ngớt tranh luận suốt nhiều năm trời. Nhiều nhà bác học cho đây là trò bịp bợm. Theo họ thì người bản xứ đã bước qua con đường lửa quá nhanh nên da chưa kịp bỏng, hoặc là trước khi đi trên lửa họ đã bôi một chất gì đó để bảo vệ da hay uống một thứ thuốc gì đó để làm tiêu tán cơn đau.

- ***Hiện tượng được công nhận***

Ngày 9 tháng 4 năm 1937, các nhà nghiên cứu thuộc đại học London muốn biết đích xác câu chuyện này nên đã cho tiến hành một thí nghiệm trong phạm vi khoa học. Họ cho đào một hố sâu 7 mét ở Carshalton, một vùng ngoại ô của Surrey, rồi đổ đầy than hồng xuống. Nhiệt độ mà nhiệt kế ghi nhận được trên mặt hố là

430 độ C. Một thanh niên Ấn Độ tình nguyện băng qua hồ than hồng. Ở đây không có bất kỳ sự gian lận nào. Gan bàn chân của chàng thanh niên Ấn Độ cũng rất mỏng và không hề chai sần. Trước sự chứng kiến của các nhà bác học, anh ta băng qua băng lại hồ than tới bốn lần. Ngay sau đó, người ta quan sát chân anh ta và xem xét lại lần nữa vào ngày hôm sau. Kết quả cho thấy chân anh ta không hề có vết bỏng. Kể từ ngày đó, hiện tượng này được hàng ngàn nhân chứng sống ở khắp nơi trên thế giới chứng kiến. Họ đến từ châu Phi, Bắc Mỹ, Haiti, Ấn Độ, Polynesia, Malaysia, Tây Tạng, Philippines, quần đảo Fidji, Nhật Bản và cả châu Âu. Cứ mỗi tháng 3 hàng năm, cộng đồng dân tộc Tamil (Nam Ấn Độ) lại tổ chức những màn trình diễn đi trên lửa, thu hút rất nhiều du khách đến xem.

### THỬ THÁCH MÀ AI CŨNG VƯỢT QUA ĐƯỢC

Theo tác phẩm mang tên *Trở thành phù thủy, trở thành bác học* (2002) của nhà vật lý học Georges Charpak thì thử thách đi trên lửa không có gì là bí ẩn, và lý do vì sao da thịt không tổn thương khi đi trên lửa có thể giải thích bằng một số yếu tố vật lý. Thứ nhất là thời gian bàn chân tiếp xúc với than hồng ở mỗi bước đi kéo dài chưa đến nửa giây. Lớp da chân chai sần cũng là yếu tố giúp chân không bị bỏng. Liên quan đến chất đốt, nếu xem xét kỹ ta sẽ thấy khả năng phát nhiệt và dẫn nhiệt của than rất yếu. Hơn nữa khi chân giẫm lên các cục than hồng sẽ khiến oxy không truyền được tới than và chính điều này đã ngăn không cho than phát nóng trong một quãng thời gian ngắn. Chính vì thế mà ai cũng có thể bước trên than hồng mà ít có nguy cơ bị bỏng.

# Bị trời thiêu

---

**T**hời nào cũng có những câu chuyện về những người bị ngọn lửa vô hình thiêu đốt, biến thân xác họ thành tro bụi trong khi mọi thứ xung quanh vẫn không hề hấn gì.

- **Rất nhiều trường hợp xảy ra**

Ở mọi quốc gia đều xảy ra hiện tượng một người tự nhiên bốc cháy. Với phần lớn trường hợp gây tử vong, cảnh sát đều tiến hành điều tra. Họ lưu giữ rất nhiều tư liệu ghi lại hình ảnh các vụ việc gần đây kèm với những báo cáo rất hay của các chuyên gia, tuy nhiên chưa ai giải thích được nguyên nhân vì sao lại xảy ra hiện tượng này. Trong tất cả các vụ tấn công của “lửa trời”, như cách gọi của người xưa, thì có lẽ trường hợp của bà Mary Reeser, một phụ nữ Mỹ 67 tuổi, là ly kỳ nhất.

- **Đống tro tàn**

Bầu trời chiều ngày 1 tháng 7 năm 1951 ở bang Florida (Mỹ) và bến cảng Saint-Petersburg - nơi bà Reeser đang sinh sống - rất đẹp mặc dầu có dấu hiệu cho thấy một cơn dông cận nhiệt đới đang kéo đến. Đến khoảng 9 giờ tối, khi bà Carpenter - chủ căn hộ mà bà Reeser đang thuê - đến chào thì thấy bà này đang mặc áo ngủ ngồi trên ghế bành phì phèo điếu thuốc. Bà Carpenter là người cuối cùng nhìn thấy bà Reeser còn sống.

Năm giờ sáng hôm sau, bà Carpenter ngủ thấy mùi cháy khét và đến 8 giờ thì bà phát hiện thấy tay nắm cửa căn hộ bà Reeser gần như nóng bỏng. Bà vội vàng gọi hai công nhân đến giúp. Khi một trong hai người công nhân lấy giẻ lót tay mở được cánh cửa

ra thì một luồng hơi nóng từ bên trong xộc ra ngoài. Trong căn hộ vắng tanh, giữa một vòng tròn đen nhem có đường kính rộng khoảng 1,2 mét là mấy cái lò xo ghế bành, một chiếc bàn nhỏ một chân và các mảnh kim loại của cây đèn cháy thành tro cùng những gì còn sót lại của thi hài người thuê nhà xấu số. Những thứ sót lại bao gồm “một lá gan cháy đen dính ở một đoạn cột sống, một chiếc sọ teo nhỏ như quả banh bóng chày, một cẳng chân mang giày sa-tanh đen bị cháy đến gót và một đống tro tàn đen xỉn”. Chưa bao giờ có vụ bốc cháy tự phát nào lại thiêu hủy toàn bộ con người và gây ấn tượng mạnh đến thế.

- **Một vòng hơi nóng 1,2 mét**

Điều kỳ lạ là hơi nóng tác động đến đồ đạc chung quanh một cách có chọn lọc. Nó làm biến dạng các thiết bị điện, làm chảy lớp sáp nến bên ngoài nhưng lại không ảnh hưởng đến sợi bắc bên trong. Nó làm nứt một tấm gương trên tường và thiêu chảy chiếc cốc nhựa trong phòng tắm nhưng lại không đụng đến mấy cái bàn chải đánh răng sát cạnh đó. Cách mặt đất 1,2 mét trở lên, mọi tấm kính đều phủ một lớp bồ hóng nhờn nhẫy trên bề mặt. Những vật nằm



*Bà Reeser sống ở cảng Saint-Petersburg tại bang Florida, Mỹ phải chăng là nạn nhân của một vụ bốc cháy tự phát?*

ở dưới mức 1,2 mét đều còn y nguyên ngoại trừ nạn nhân, chiếc ghế bành, chiếc bàn một chân và cây đèn. Bức tường phía sau ghế bành và xấp báo cũ nằm cách vòng tròn đen 20cm thì lại không hề hấn gì. Như vậy sức nóng chỉ tác động đến khoảng không gian nằm trong đường kính 1,2 mét mà thôi. Bàn chân mang giày vải đen của nạn nhân sờ dĩ còn nguyên vẹn có lẽ là vì thò ra ngoài cái vòng tròn định mệnh đó.

Việc cơ thể bà Reeser bị cháy gần hết cùng với chuyện nạn

*Bàn chân mang giày sa-tanh đen và gót chân là những bộ phận duy nhất còn nguyên vẹn sau khi bà Mary Reeser bốc cháy.*



nhân không hề kêu la và không có mùi cháy khét là hiện tượng điển hình của các trường hợp bốc cháy tự phát. So với các vụ bốc cháy tự phát khác thì điểm khác biệt ở đây là sự của nạn nhân bị teo nhỏ một cách kỳ lạ.

#### • **Kết luận không mấy thuyết phục**

Cuộc điều tra tiến hành ngay sau đó quy tụ đầy đủ các chuyên viên FBI, bác sĩ, chuyên gia về tội phạm phóng hỏa và cả các nhà khí tượng học. Người ta cũng cho gọi các nhà sản xuất ghế bành đến và yêu cầu họ chứng minh là ghế



## ĐẶC TRUNG VÀ GIẢ THUYẾT

Các vụ bốc cháy tự phát đều giống nhau ở điểm: nạn nhân không ý thức được chuyện gì xảy ra với họ, hơi nóng hắt ra từ ngọn lửa rất dữ dội, ngọn lửa không lan rộng (cơ thể nạn nhân bị cháy thành than nhưng quần áo bên ngoài vẫn gần như nguyên vẹn) và không có một nơi nào được miễn trừ khỏi hiện tượng này cho dù là ngoài trời hay trên tàu biển, trong xe hơi hay thậm chí là trong quan tài.

Nhiều giả thuyết được đặt ra nhưng không giả thuyết nào làm mọi người hài lòng. Ở thế kỷ 19 có giả thuyết cho rằng chuyện này chỉ xảy ra với những kẻ say sưa mình mẩy ướm sừng rượu. Một giả thuyết khác lại cho rằng việc bốc cháy thường là do ngọn lửa từ lò sưởi gây ra...

Người ta lại cũng nói đến cả những quả cầu lửa bí ẩn, đến ảnh hưởng của sự phát triển đường cong địa từ của Trái Đất, đến "những vụ tự sát tâm lý" hay sự tấn công của quỷ dữ.

Về phần các bác sĩ, họ đã phủ nhận hiện tượng này do không thể nào hiểu nổi. Nhưng họ đã quên rằng một số đồng nghiệp của họ cũng nằm trong danh sách những nạn nhân bị thiêu cháy thành tro.

bành không thể tự bốc cháy hay tự phát nổ. Tất cả những điều này đều không đi đến đâu và báo cáo cảnh sát cuối cùng đành kết luận rằng bà Reeser ngủ quên với điều thuốc trên tay khiến tàn lửa từ điều thuốc bắt sang quần áo rồi sau đó lan sang chiếc ghế bành làm nó bốc cháy và chính hơi nóng tỏa ra từ chiếc ghế bành bốc cháy này đã thiêu hủy xác bà Reeser cùng chiếc bàn và cây đèn.

Kết luận này hoàn toàn mâu thuẫn với thực trạng vì để có thể đốt xương cốt ra tro thì nhiệt độ tối thiểu phải là 1650°F (khoảng

900°C), chứ còn ngọn lửa bốc ra từ ghế bành hay quần áo thì không đủ sức làm điều đó. Hơn nữa, nếu nhiệt độ cao đến mức ấy thì đã phải thiêu hủy toàn bộ ngôi nhà (hơi nóng tỏa ra từ chiếc xe hơi đang bốc cháy chỉ khoảng 700°F (khoảng 370°C)...). Cuối cùng, lượng bồ hóng tạo ra từ ngọn lửa cho thấy ngọn lửa đã thiêu hủy bà Reeser một cách từ từ.

Những lời khẳng định trong báo cáo này đối lập với lời khai của thám tử Cass Burgess một năm sau đó. Theo ông này thì “vụ điều tra vẫn bỏ ngõ. Từ lúc bước vào căn hộ của bà Reeser cho đến nay, chúng tôi vẫn chưa thể xác định một cách logic đâu là nguyên nhân gây ra cái chết của bà”.

# điềm báo



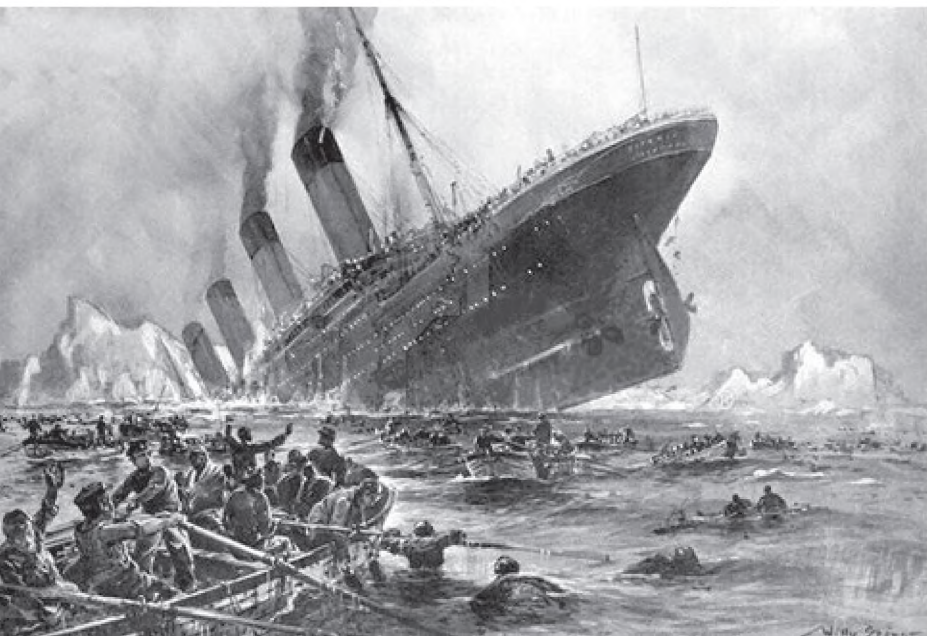
# Titanic - cái chết được dự đoán từ 14 năm

**Đ**iểm báo là một hiện tượng khó hiểu. Hiện nay số lượng điểm báo ít nhiều có kiểm chứng đã lên đến con số hàng ngàn. Đa số các điểm báo đều xuất phát từ giai thoại cá nhân nhưng một số lại liên quan đến những sự kiện nổi tiếng trên thế giới và xuất hiện vào thời điểm trước khi sự kiện đó thực sự xảy ra.

- **Sự trùng hợp kỳ lạ**

Điểm báo được mọi người biết đến nhiều nhất chính là đề tài một quyển truyện ngắn trong đó mô tả chi tiết vụ đắm tàu *Titanic*. Tiểu thuyết này được nhà văn người Mỹ Morgan Robertson sáng tác 14 năm trước khi thảm họa Titanic thực sự xảy ra.

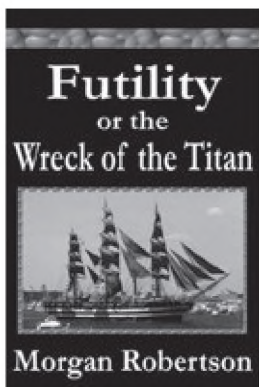
*Vụ đắm tàu Titanic là một trong những thảm họa tàu biển lớn nhất thời đại. Trong số 2.230 hành khách trên tàu chỉ còn 709 người sống sót nhờ được tàu chở hàng Carpathia cứu hộ.*



Sinh ra năm 1861, Morgan Robertson - một tác giả chuyên viết về các câu chuyện xảy ra trên biển - ngày nay đã không còn được nhiều người biết đến. Duy nhất chỉ một tác phẩm mang tên *Futility* (Vô vọng) mà ông sáng tác năm 1898 là có tiếng tăm mặc dù đây cũng chẳng hề là tác phẩm hay nhất của ông. Tập truyện ngắn này kể về sự bất lực của con người trước sức mạnh của định mệnh thông qua vụ đắm tàu *Titan*, “một tàu khách lớn nhất từ trước đến nay”. Con tàu này bị một tảng băng trôi đâm lủng trước khi nó chìm hẳn xuống đáy đại dương cùng với hầu hết hành khách trên tàu do không trang bị đủ ca nô cứu hộ. Nhưng sự trùng hợp của tập truyện ngắn này với thảm họa tàu *Titanic* không dừng ở đó. Mọi chi tiết trong truyện đều trùng khớp với câu chuyện thực một cách lạ lùng. Sau đây là một số chi tiết trong truyện được xem là rất giống với thảm họa tàu *Titanic*: trong truyện, con tàu ra khơi vào tháng 4 (tàu *Titanic* ra khơi ngày 10 tháng 4 năm 1912), trọng tải tàu là 70.000 tấn (tàu *Titanic* có trọng tải 66.000 tấn), chiều dài tàu là 800 feet (chiều dài tàu *Titanic* là 882.5 feet), tàu có 3 chân vịt (tàu *Titanic* cũng 3 chân vịt), tốc độ lướt sóng tối đa là 24/25 hải lý/giờ (tàu *Titanic* có tốc độ y như vậy), sức chứa khoảng 3.000 hành khách (tàu *Titanic* có sức chứa tương tự), số hành khách trên tàu là 2.000 người (số hành khách trên tàu *Titanic* là 2.230), tàu có 24 ca nô cứu hộ (tàu *Titanic* có 20), tàu có 19 buồng kín (tàu *Titanic* có 15), tàu có 3 máy (tàu *Titanic* cũng có 3 máy), vỏ tàu bị xé rách ở mạn phải (ở tàu *Titanic* cũng tương tự)... Chỉ có điều là *Futility* (Vô vọng) đã được sáng tác trước khi người ta đóng tàu *Titanic* 9 năm và trước cả khi người ta nghĩ đến việc thiết kế con tàu này, vì vậy khả năng quyền truyện lấy ý tưởng từ những thông tin thực tế đã bị loại bỏ.

- **Để tài câu chuyện do một linh hồn gợi ý...**

Morgan Robertson khẳng định rằng suốt cuộc đời, ông luôn được một “cộng tác viên nhà trời” gợi ý sáng tác. Có nghĩa là ông được một linh hồn dẫn dắt và gợi ý trong sự nghiệp sáng tác văn chương. Đó là câu trả lời duy nhất mà ông đưa ra nhằm giải thích cho sự trùng hợp kỳ lạ giữa hư cấu và thực tế. Mặc dù được tái bản nhưng tác phẩm này cũng không gặt hái được nhiều thành công nhờ những điểm báo của nó. Độc giả thích những chi tiết giật gân của cuộc điều tra hơn là một câu chuyện viễn tưởng, cho dù nó có thể hiện một sự trùng hợp kỳ lạ.



◀ Tác phẩm “Futility” (Vô vọng) của Morgan Robertson

◀◀ Morgan Robertson nói ông được một linh hồn hướng dẫn sáng tác tiểu thuyết Futility (Vô vọng).

- **... hay sản phẩm của một trí tưởng tượng phong phú?**

Có rất nhiều sự kiện bi thảm mà mãi sau này người ta mới nhận ra là chúng đã từng được miêu tả trước đây trong các tiểu thuyết viễn tưởng chủ đề khoa học hay chính trị.

Sau sự kiện nước Mỹ bị khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001, người ta mới nhận ra rằng nhiều biến cố xảy ra ngoài đời thực

rất giống với các biến cố miêu tả trong một số truyện của Tom Clancy. Tương tự, một số đoạn trong bộ phim *Die Hard* (Khó chết) cũng được cho là “điểm báo” cho tấn thảm kịch này.



*Tom Clancy – nhà văn đã dự báo nhiều chi tiết của sự kiện khủng bố 11-9-2001*

## **NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC XEM LÀ ĐIỂM BÁO**

Đó là những điều kiện khá khắt khe bởi mọi thứ liên quan đến hiện tượng xảy ra đều mơ hồ. Ta có thể tóm tắt những điều kiện đó như sau: giấc mơ hay linh cảm phải được thuật lại cho một hay nhiều nhân chứng đáng tin biết trước khi nó xảy ra ngoài đời thực. Khoảng cách giữa giấc mơ và câu chuyện thực phải tương đối ngắn vì nếu thời gian càng dài thì càng làm tăng khả năng xảy ra sự trùng khớp ngẫu nhiên. Tuy nhiên điều kiện này cũng có ngoại lệ như trong trường hợp tàu *Titanic*. Giấc mơ này không được tỏ ra quá khó tin ngay cả với người nằm mơ hay người nghĩ ra nó, hoặc nó phải liên quan đến một lĩnh vực mà họ không biết hoặc biết rất ít. Nó phải dựa vào một sự kiện chính xác chứ không phải một điều gì đó chung chung có thể áp dụng cho nhiều sự kiện khác nhau thông qua cách lý giải tượng trưng (như trường hợp mọi người phải tự diễn giải các bài sấm của Nostradamus theo ý mình chẳng hạn). Cuối cùng, các chi tiết trong giấc mơ phải khớp với các chi tiết thực tế, ít ra là ở các điểm chính.

## THẨM HỌA ĐẮM TÀU TITANIC

Ngày 10 tháng 4 năm 1912, chiếc tàu khách *Titanic* của công ty hàng hải *White Star* của Anh rời Southampton để khởi hành đi New York. Đây là lần ra khơi đầu tiên của con tàu được xem là “không thể nào chìm” nhờ hệ thống buồng kín kiên cố. Trong số các hành khách đi tàu, bên cạnh giới doanh nhân quý tộc anglo-saxon còn có những người nhập cư đi vé hạng ba. Những khách nhập cư này được xếp chỗ ở dưới khoang tàu, tức phía dưới mức đường mức nước. Đêm 14 rạng sáng ngày 15 tháng 4, khi còn cách Newfoundland khoảng 300 dặm (khoảng 550km) về phía đông-nam của Newfoundland thì tàu *Titanic* va vào một tảng băng trôi khiến mạn phải vỏ tàu bị xé rách một đường dài 90m. Đến 2 giờ 30 sáng thì con tàu khách to lớn này hoàn toàn biến mất khỏi mặt nước. Trong số 2.230 hành khách đi trên tàu chỉ có 709 người là được tàu chở hàng *Carpathia* đi ngang cứu được. Phần lớn số người mất tích là hành khách đi vé hạng ba. Do một số nạn nhân trong vụ đắm tàu này là những người có máu mặt, do có nhiều bí ẩn xung quanh vụ đắm tàu và cũng do quy mô của biển cổ này nên tàu *Titanic* lập tức trở thành một huyền thoại bi thảm của ngành hàng hải. Nó chiếm một

vị trí tương đương với vị trí của con tàu “*người Hà Lan bay*” trong danh sách những con tàu xấu số. Năm 1985, sau một thời gian dài xác tàu bị mất tích, đột nhiên nó được tìm thấy dưới biển ở độ sâu 3.987m. Năm 1988, việc trục vớt *Titanic* được tiến hành và người ta đã vớt lên được một phần vỏ tàu cùng nhiều đồ vật khác nhau.

*Titanic* từng làm rung chuyển thế giới điện ảnh. Nó dự kiến sẽ trở lại màn ảnh lớn ở dạng 3D vào năm 2012, đúng 100 năm sau khi con tàu này hạ thủy.





thần lực



# Thần lực của các lạt ma Tây Tạng

Nhiều nền văn minh trên thế giới vẫn đặt tinh thần lên cao hơn vật chất. Các nhà sư Tây Tạng đặc biệt tin vào sự hiện hữu của một nguyên lý tinh thần có khả năng tạo ra những hình hài bằng tâm thức nhìn thấy được mà họ gọi là *tulpa*.

- *Người phụ nữ Pháp ở xứ sở lạt ma*

Sau một thời gian dài sống dưới chân núi Himalaya, tháng Sáu năm 1912 một phụ nữ Pháp 44 tuổi tên Alexandra David-Neel

bắt đầu đi lên xứ sở “vùng cao” tức Tây Tạng. Bà ghi lại kỷ niệm về chuyến đi này và các chuyến tiếp theo trong nhiều bài viết trong đó tác phẩm đầu tiên mang tựa đề *Hành trình của một phụ nữ Paris đến Lhasa* được xuất bản năm 1927. Trong quyển sách này có rất nhiều đoạn kể về một hiện tượng kỳ lạ mà người Tây Tạng gọi là *tulpa*.

Với người Tây Tạng thì *tulpa* là một hình hài được tạo ra bằng tâm thức. Ta có thể gọi đó là bóng ma. Bóng ma này do các nhà sư Tây



*Alexandra David-Neel*

Tạng hay do những người đăc đạo tạo ra sau một thời gian dài thiền định. Bóng ma này có thể mang hình dáng một con vật, một cảnh vật, một đồ vật hay một con người. Nó không phải là ảo ảnh mà là một thực thể bằng xương bằng thịt có thể tỏa mùi hương và phát ra âm thanh,... Trong tác phẩm *Những điều thần bí và các pháp sư Tây Tạng* (1929), Alexandria David-Neel viết: “Hương của bụi hoa hồng ma lan tỏa rất xa; căn nhà ma là nơi mà những du khách bằng xương bằng thịt có thể cư trú...”

- ***Phải chăng vũ trụ chỉ là một cấu trúc tinh thần?***

Việc tạo ra các *tulpa* được các lạt ma Tây Tạng giải thích như sau: theo quan niệm của họ về thế giới thì vũ trụ quanh ta đơn giản chỉ là ảo ảnh do tinh thần tạo ra. Không có gì tồn tại nếu như không phải từ suy nghĩ của con người mà ra. Vì vậy mục đích của lễ thụ pháp chính là nhằm phát triển khả năng hình thành suy nghĩ ở con người để biến những cái ở thể tiềm tàng - tức không gian rỗng - thành thể xác thực - tức sự vật có thực.

*Theo các lạt ma Tây Tạng thì tinh thần có khả năng hình thành nên những hình hài vật lý.*



Ta thường nghĩ ngay rằng các hình hài vật lý mà người Tây Tạng gọi là *tulpa* chỉ là một ảo giác. Nhưng nếu vậy thì đó phải là ảo giác của nhiều người bởi trong rất nhiều trường hợp, không chỉ người tạo ra *tulpa* mới nhìn thấy hình ảnh đó mà cả những người xung quanh ông ta cũng nhìn thấy.

Trong thế giới của người Tây Tạng, từ *tulpa* được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Một số lạt ma cho rằng đó là một hình hài vật lý thực sự hiện hữu. Điều này có nghĩa là tinh thần có thể tạo ra hình thể vật chất. Một số khác lại cho rằng người tạo ra *tulpa* đã truyền suy nghĩ của mình cho những người khác và khiến họ có thể nhìn thấy cái đang nằm trong suy nghĩ của mình. Trong trường hợp này, *tulpa* là một dạng ám thị ở cường độ rất mạnh.

- ***Kylkhor, các thế giới thu nhỏ***

Giáo dục tôn giáo của người Tây Tạng chủ yếu tập trung vào việc phát triển sức mạnh tâm thức. Các bài tập rèn luyện cho một tiểu tăng Tây Tạng đều hướng đến việc tập làm chủ hơi thở (để giúp tâm bình an) và tập thiền. Bài tập thiền dựa trên một *kylkhor* tức một đồ hình vẽ trên vải, viết trên giấy hay khắc trên đá.

Một số đồ hình thể hiện hình ảnh thế giới thu nhỏ. Ở trung tâm các thế giới thu nhỏ đó là một nhân vật, thường là một vị thần hộ mệnh gọi là *yidam*. Vị tiểu tăng càng đạt nhiều tiến bộ thì càng thành công trong việc “thổi hồn” vào cái đồ hình mà mình tập trung hướng đến. Nói cách khác, những gì được vẽ trên đồ hình mà vị tiểu tăng đang tập trung suy nghĩ sẽ biến thành hiện thực. Nhờ sự khai tâm này mà vị tiểu tăng hiểu rằng mọi thứ trên cõi đời chỉ là ảo ảnh do trí tưởng tượng mà ra. Kể từ đó có thể chế ngự được sự sợ hãi và mọi cảm giác. Vị lạt ma nào đạt đến cảnh giới này thì có thể chống lại cái rét đến mức có thể nằm trần truồng



*Bức họa một yidam*

suốt đêm dưới trời tuyết. Cảm giác nóng hoặc lạnh với vị lạt ma chỉ còn là ảo giác của tâm trí mà ông ta dùng một ảo giác khác để chống lại. Ảo giác này là dùng ý chí kích thích để tạo ra sức nóng bên trong cơ thể. Từ đó, tinh thần sẽ không còn phải e ngại vật chất bởi đã hoàn toàn kiểm soát được vật chất và có thể điều khiển vật chất theo ý mình.

## CÁCH TẠO TULPA

Những buổi thiền định để tạo ra tulpa không hề giống với các buổi cầu hồn ở các nước phương Tây. Các tu sĩ có thể ngồi ngay dưới ánh mặt trời chói chang và không cần đến sự hiện diện của một nhà ngoại cảm. Bà Alexandra David-Neel cho biết bà từng chứng kiến việc tạo ra các hình hài tâm thức. Tại một trong những dịp như thế, bà đã tận mắt chứng kiến sự xuất hiện của một hình hài giống hệt với người tạo ra nó và thậm chí bà còn chạm được vào hình hài đó. Tuy nhiên do cái hình hài được tạo ra từ tinh thần này không đủ độ đậm đặc nên nó đã từ từ biến mất. Ở trường hợp khác, bà nhìn thấy xuất hiện trước mặt một bản sao của một lạt ma mà bà quen biết trong lúc người này đang ở cách xa bà nhiều cây số. Bản thân Alexandria cũng muốn kiểm tra xem mình có khả năng hình thành một hình hài như thế không. Sau vài tháng tập trung tư tưởng cao độ, bà tạo ra được một người mà theo lời bà thì nhiều người khác cũng nhìn thấy. Nhưng do còn thiếu kinh nghiệm nên bà đã bị phân tâm và đánh mất khả năng kiểm soát hình hài mà bà đã tạo ra, khiến cho hình hài đó biến đổi một cách đáng ngại. Bà phải cố hết sức gạt bỏ hình hài này ra khỏi suy nghĩ của mình nó mới biến mất vĩnh viễn. Tuy nhiên, người Tây Tạng cho rằng có đôi khi hình hài không biến mất mà tiếp tục tồn tại một cách độc lập với người tạo ra nó.

# Tiếng gõ trên vách tường

**X**ua nay, con người vẫn luôn mơ ước trò chuyện được với người chết bởi họ tin rằng linh hồn vẫn tiếp tục tồn tại ngay cả sau cái chết. Các nhà ngoại cảm hay các chuyên gia tâm linh ở thế kỷ 19 đã cố tìm cách để nói chuyện với những linh hồn.

- **Xác chết trong hầm rượu**

Tại Hydesville, một thị trấn nhỏ ở bang New York, có gia đình nhà Fox gồm hai vợ chồng cùng các cô con gái là Margaret 14 tuổi và Kate 11 tuổi sống trong một căn nhà mà người ta đồn rằng bị ma ám. Mọi người trong gia đình thường xuyên nghe thấy tiếng gõ trong nhà nhưng không biết nó xuất phát từ đâu mặc dù đã nhiều lần sục sạo tìm kiếm khắp nơi. Đến năm 1848 thì tiếng gõ trở nên ngày càng dồn dập khiến những người trong nhà không tài nào ngủ được. Do không kiểm chế được nên, vào đêm 31 tháng 3, cô bé Kate đã lớn tiếng thách thức kẻ phá phách trả lời các câu hỏi của cô. Cả gia đình sống sờ khi “hồn ma” (vì từ lâu gia đình đã không còn tin tiếng động đó là do người gây ra) đáp trả bằng hàng loạt tiếng gõ âm ỉ.

*Hai chị em Margaret Fox và Kate Fox trong tranh vẽ của họa sĩ người Ý Daniele Duò.*



Biết được tin này, một người sống ở Rochester, một thành phố gần đó, đã đưa ra một sáng kiến: gia đình giao hẹn với hồn ma là sẽ đọc to từng chữ trong bảng chữ, đến chữ nào mà hồn ma muốn chọn thì nó sẽ gõ vào vách. Thế là từ đó gia đình nhà Fox đã tìm ra được cách thức giao tiếp với hồn ma. Hồn ma cho biết nó tên Charles B. Rosma, lúc sinh thời làm nghề bán hàng rong. Năm năm trước, Charles bị một người cư ngụ ở ngôi nhà này trước đây cắt cổ chết để cướp tiền bạc rồi sau đó vùi xác anh ta trong hầm rượu.

- ***Phát hiện mới***

Sau thời gian sục sạo tìm kiếm, cuối cùng người ta tìm thấy dưới mặt đất khoảng 1,5 mét có mớ tóc và vài mảnh xương mà một nhà chuyên môn xác định là xương người. Điều lạ lùng là lời tố cáo của hồn ma đã được xác nhận lần thứ hai, sau đó 56 năm, khi một bộ xương gần như nguyên vẹn được tìm thấy dưới một bức tường đổ nát của ngôi nhà. Bên cạnh bộ xương là một hộp thiếc đựng các món hàng rong. Hiện chiếc hộp này đang được lưu giữ ở Lilydale, nơi được xem là tổng hành dinh của hoạt động thông linh. Tuy nhiên, dù đã nỗ lực tìm kiếm nhưng người ta vẫn không phát hiện thấy dấu vết của bất kỳ người nào mang tên Charles Rosma trong hồ sơ lưu trữ. Sự kỳ lạ này vẫn không làm nản lòng các tín đồ thông linh học. Theo họ thì các hồn ma mặc dù cung cấp thông tin chính xác nhưng cũng thường xuyên nói sai họ tên của mình.

- ***Những chiếc bàn xoay***

Sau khi sự kiện năm 1848 xảy ra được một thời gian thì gia đình nhà Fox dọn đi nơi khác vì muốn được yên tĩnh. Nhưng sau khi đến căn nhà mới thì hiện tượng này lại tái diễn. Họ lại nghe





*Câu hôn bằng bàn xoay vào cuối thế kỷ 19*

thấy những tiếng gõ trên vách tường. Hiện tượng này luôn xảy ra mỗi khi có sự hiện diện của hai chị em Margaret và Kate. Tin đồn nhanh chóng lan ra khiến nhiều người đổ xô đến vì tin rằng họ đã tìm được cách nói chuyện với người chết. Ngày 14 tháng 11 năm 1849, các môn sinh của thuyết duy linh lần đầu tiên tập hợp ở Rochester xung quanh hai cô con gái của gia đình Fox. Một ban nghiên cứu được lập ra với mục đích quan sát các biểu hiện thông linh. Sau đó Kate và Margaret cùng mẹ thực hiện những chuyến lưu diễn nói chuyện với người chết ở khắp Hoa Kỳ và sang tận Anh Quốc. Chuyến đi nào của họ cũng thành công rực rỡ. Kể từ đó, họ không cần đợi sự tình cờ giúp họ nói chuyện với người chết nữa mà là khiến người chết nói chuyện với họ trước bằng cách tập

## NHÀ THÔNG LINH ALLAN KARDEC

Allan Kardec (1804-1869) tên thật là Hippolyte Léon Denizard Rivail. Ông hành nghề bác sĩ và là người đưa thuật thông linh vào đất Pháp. Cái tên “thông linh” (spiritism) là do chính ông đặt ra.

Năm 1850, Kardec nghiên cứu hiện tượng thông linh thông qua hai cô con gái một người bạn. Cả hai cô gái này đều là những đồng nữ. Năm 1856 ông cho xuất bản một tác phẩm mang tựa đề *Quyển sách về các linh hồn*, trong đó ông tổng hợp lại nhiều cuộc “trò chuyện” với thế giới bên kia. Tác phẩm này lập tức thành công vang dội. Năm 1858 ông sáng lập *Hội nghiên cứu tâm lý* và một thời gian sau thì thành lập tờ *Tạp chí thông linh*. Ông tham dự nhiều hội nghị ở Paris cũng như ở các tỉnh khác và trở nên nổi tiếng. Cả hoàng đế Napoleon III cũng rất thích thú được thảo luận đề tài này với ông.

Theo Kardec thì con người tiến hóa về mặt tâm linh nhờ đầu thai nhiều lần. Bản thân ông sở dĩ chọn cho mình bút danh Kardec cũng bởi ông được một linh hồn cho biết trước đây ông từng sinh sống ở xứ Gaule dưới cái tên này. Theo ông thì trước khi đầu thai vào một thân thể khác thì linh hồn đã mang cá tính riêng mà nó giữ lại sau khi rời khỏi thể xác.

trung khả năng chú ý vào những chiếc bàn tròn để buộc chúng phải nhúc nhích mỗi khi người chết muốn nói chuyện. Cầu hồn bằng bàn xoay ra đời từ đó.

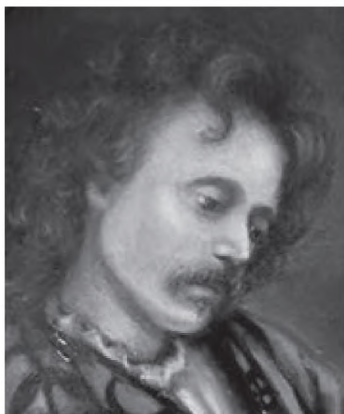
- **Những nhà thông linh nổi tiếng**

Nhưng báo chí nói chung vẫn luôn chỉ trích hai chị em, còn Giáo Hội thì cực lực phản đối việc làm của hai cô. Chẳng bao lâu

sau, nhiều cuộc tranh cãi đã nổ ra nhắm vào Kate và Margaret. Năm 1888, Margaret thú nhận rằng tất cả những hiện tượng này là do hai chị em bày trò ra. Câu chuyện cầu hồn tưởng như chấm dứt ở đây nhưng đến ngày 16 tháng 11 năm 1889 thì Margaret đã nói ngược lại và quả quyết là có người đưa cô tiền và ép cô nói thế... Thực ra thì dù câu chuyện này có là thực hay giả thì cũng chẳng quan trọng bởi vì lúc này những người nổi tiếng đã quá say mê với trò cầu hồn (văn hào Victor Hugo, nhà thiên văn Camille Flammarion và tiểu thuyết gia Arthur Conan Doyle là những người cùng đứng tên sáng tác *Câu chuyện thông linh* trong những năm 1920) còn các tổ chức thông linh, như *Hội nghiên cứu tâm linh* thành lập năm 1882 thì ngày càng có nhiều người gia nhập.

# Thuật khinh công của một nhà ngoại cảm tài năng

Vừa nửa cuối thế kỷ 19, thuật thông linh đã làm lộ ra một số người có năng lực siêu nhiên và điều này đã làm nảy sinh câu hỏi “phải giải thích như thế nào?” Nhiệm vụ trả lời được giao phó cho một ngành học mới có tên gọi là “cận tâm lý” (parapsychology), ở đó các nhân vật đặc biệt tài năng như Daniel Dunglass Home được nghiên cứu kỹ càng.



*Daniel Dunglass Home đã dùng năng lực siêu nhiên của mình để xây dựng một sự nghiệp quốc tế.*

## • Home trở tài bay

Ngày 16 tháng 12 năm 1868 tại Anh Quốc, trước sự chứng kiến của một số người trong đó có huân tước Adare, huân tước Lindsay, đại úy Wynne và ông Smith Barry, một người tên Home, trong trạng thái nhập hồn, đã nhắc bóng người lên khỏi mặt đất, bay qua cửa sổ căn nhà rồi bay tiếp 20 mét nữa trước khi bay trở về căn phòng khách bên cạnh xuyên qua một cánh cửa sổ khác, rồi sau cùng mới về lại căn

phòng của huân tước Adare. Do huân tước không hiểu làm cách nào Home có thể bay qua một cánh cửa sổ khép hờ nên anh lặp lại việc này một lần nữa.

Anh lại nhắc bóng người lên khỏi mặt đất và bay qua cửa sổ, đầu đi trước, thân theo sau ở trạng thái nằm ngang và cứng đờ.

Đây không phải là lần đầu và cũng chẳng phải là lần cuối anh làm chuyện này. Trước đây, vào năm 1866, Home đã nhắc người bay đến tận trần nhà và đánh dấu chữ thập lên đó để chứng minh cho những người chứng kiến rằng họ không hề bị ảo giác. Trong suốt sự nghiệp của mình, anh đã bay bổng như thế đến 50 lần trước sự chứng kiến của nhiều người.

- ***Thiên bẩm***

Home ra đời năm 1833 tại làng Currie gần thành phố Edimburgh, Anh. Ngay từ khi mới lên bốn, nhà ngoại cảm tương lai này đã gây kinh ngạc cho mọi người xung quanh khi báo trước một sự kiện sau đó đã xảy ra. Có vẻ như anh được kế thừa khả năng tâm linh từ mẹ, một phụ nữ cũng rất nổi tiếng nhờ được trời phú cho tài thấy trước những chuyện chưa xảy ra. Khi lên 9 tuổi thì Home mất cả cha lẫn mẹ. Anh được bà dì Cook nhận nuôi và bà ta đã đưa anh sang Hoa Kỳ sinh sống. Năm 13 tuổi, một ngày kia Home đột nhiên thốt lên rằng cậu bạn Edwin của anh sẽ chết và ba ngày sau Edwin quả thật đã từ trần. Vài năm sau, trong lúc đang ngồi trong nhà thì Home chợt nghe có nhiều tiếng động và nhìn thấy những chiếc bàn

*Trong trạng thái nhập hồn, Daniel Douglas Home bay lên cao trước sự chứng kiến của nhiều người hâm mộ.*



trượt đi mỗi khi anh tiến lại gần. Sự kiện này tái diễn nhiều lần khiến anh buộc lòng phải rời khỏi nhà bà dì dọan vì bà này cho rằng anh bị quỷ ám.

- ***Chinh phục các bậc vương tôn***

Lúc đó là năm 1851, tức không bao lâu sau khi xảy ra các sự kiện kỳ lạ ở gia đình Fox tại Hydesville - những sự kiện đánh dấu sự ra đời của thuật thông linh. Khả năng kỳ lạ của chàng thanh niên khiến nhiều người chú ý. Kể từ đó chàng trai bắt đầu bước vào con đường sự nghiệp mang tầm vóc quốc tế, đưa anh đi lưu diễn khắp châu Âu. Home là một thanh niên hiền lành, dễ mến, quyến rũ và ưa thích cuộc sống xa hoa mặc dù anh không bao giờ lấy tiền những người đến xem anh trình diễn. Triều đình các nước

## **NGHIÊN CỨU CÁC HIỆN TƯỢNG SIÊU NHIÊN**

Các hiện tượng siêu nhiên mà ngành cận tâm lý nghiên cứu có thể phân chia thành nhiều thể loại khác nhau. Có loại liên quan đến năng lực giao tiếp, như đoán biết được suy nghĩ của người khác (thần giao cách cảm) hay biết trước những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Người có năng lực này có thể đoán biết một cách trực tiếp hoặc dựa vào những phương tiện như quả cầu thủy tinh hay bộ bài tây. Ngoài ra còn có loại hiện tượng siêu nhiên liên quan đến việc tác động lên vật chất bằng suy nghĩ, như bẻ cong một đồ vật ở xa, làm đồ vật ở xa dịch chuyển, hay tác động lên chính bản thân (bay lên khỏi mặt đất). Môn cận tâm lý ngoài ra còn nghiên cứu cả năng lực cảm xạ (giúp tìm ra vật thất lạc hay thi hài người chết bằng chiếc đũa hay con lắc). Nó nghiên cứu cả những trường hợp tự khỏi bệnh do tâm lý hay khỏi bệnh vì tin tưởng tuyệt đối vào bác sĩ.



*Trong đêm kỷ niệm 2 năm ngày mất của Giáo hoàng John Paul II, nhiếp ảnh gia nghiệp dư Grzegorz đã chụp được tâm hình một đám lửa cháy bùng với hình ảnh tương tự “vortex” của Giáo hoàng. Thời điểm chụp ảnh 21 giờ 37 phút 30 giây, vô tình trùng khớp với giờ khắc lâm chung của Giáo hoàng*

tranh nhau mời anh đến biểu diễn. Trong số những người ái mộ và đứng ra bảo hộ cho anh có hoàng đế Napoleon III, Sa hoàng Nga và vua xứ Bayern. Tuy nhiên, triều đình và nhất là các chức sắc tôn giáo ở Ý thì không hề tán thưởng tài năng này mà còn trục xuất anh ra khỏi Ý. Năm 1862, anh xuất bản tập hồi ký mang tên *Những tiết lộ về cuộc sống siêu nhiên của tôi*.

- ***Con người nhiều quyền phép***

Một Ủy ban điều tra do đại học Harvard gửi đến đã xác nhận rằng khi có sự hiện diện của Home thì chiếc bàn tự động dịch chuyển và bay lên cao cách mặt đất vài cm còn nền nhà thì rung

chuyển nhẹ. Home có thể biểu diễn ở bất cứ môi trường nào và những người đứng xung quanh có thể vừa quan sát vừa xì xào bàn tán mà không gây ảnh hưởng gì đến hoạt động của anh. Mỗi khi nhập hỗn Home có thể tạo ra nhiều hiện tượng khác nhau (mà không thể giải thích vì sao) chẳng hạn như bay lên khỏi mặt đất trong trạng thái hoàn toàn sáng suốt, kéo dài thân mình, thoát hỗn, dùng siêu năng lực làm dịch chuyển những đồ vật ở xa, làm phát ra tiếng nhạc trong phòng, tạo ra nhiều hiện tượng ánh sáng và âm thanh khác nhau, v.v... Anh cũng có thể cầm than hồng trong tay mà không bị phỏng rộp.

- **Không hề gian lận!**

Hiếu kỳ trước tiếng tăm của Home, ngài William Crookes, nhà hóa học lừng danh từng khám phá ra nguyên tố *thallium* năm 1861, đã tìm đến gặp anh để xin kiểm tra năng lực siêu nhiên của anh trong suốt nhiều năm liền. Kết quả điều tra của ông được đăng trong tờ *Tạp chí khoa học hàng quý* phát hành năm 1871. Chúng hoàn toàn thuận lợi cho Home. Nhà khoa học này mô tả chi tiết những thí nghiệm mà ông yêu cầu Home thực hiện và nhận thấy anh quả thật có thể khiến cho cây đàn xếp (accordeon) để ở xa tự chuyển động và các phím của nó tự tạo ra âm nhạc. Đến năm 1870, Home lại được kiểm tra một lần nữa ở Saint-Petersburg nhưng lần này anh không phát huy được năng lực của mình. Điều này không làm Crookes ngạc nhiên. Bản thân ông cũng nhận thấy là nhiều buổi trình diễn của Home không đạt hiệu quả. Điều này chứng tỏ thần lực của Home không phải bất cứ lúc nào cũng phát tác, nhưng chính như thế lại có lợi cho Home. Cho đến lúc Home qua đời vào năm 1886 vì căn bệnh lao mà anh mắc từ thuở nhỏ, vẫn chưa ai tìm thấy bất cứ điều gì chứng tỏ anh bị bịp.



mất tích



# Các chiến binh biến vào đám mây

---

**M**ột vụ biến mất bí ẩn đã xảy ra trong thời kỳ Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất: nguyên một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn Hoàng gia Norfolk đã đột nhiên biến mất vào tháng 8 năm 1915 ngay giữa chiến dịch Dardanelles. Đây được xem là một trong những bí ẩn lớn nhất vì nó không chỉ liên quan đến một người mà là cả một đoàn người.

- *Trận đánh ở Dardanelles*

Trong suốt khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 12 năm 1915, quân Anh và Pháp tìm mọi cách chinh phục Dardanelles bởi nó trấn giữ một vị trí chiến lược mà từ đó có thể kiểm soát mọi di chuyển giữa Địa Trung Hải và các bến cảng của Nga ở Hắc Hải. Nhưng dưới sự chỉ huy của Đức, quân đội của đế chế Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ) đã đánh bại đạo quân viễn chinh đồng minh. Do tổn thất quá lớn (46.000 người chết) nên cuối cùng, vào tháng 12 năm 1915, quân đồng minh đành bỏ cuộc.

- *Các binh sĩ của trung đoàn Norfolk biến mất*

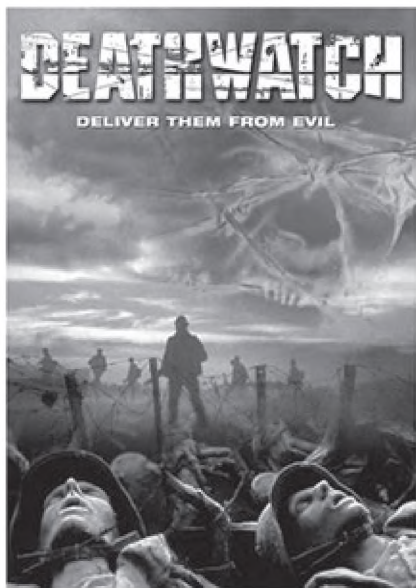
Sở dĩ người ta biết được chuyện này là qua lời kể của các binh sĩ khối Thịnh Vượng Chung trực tiếp chứng kiến. Ngày 21 tháng 8 năm 1915, trong trận tiến công vào bán đảo Gallipoli, một trong những giai đoạn đẫm máu nhất của cuộc chiến Dardanelles, 22 người lính New Zealand thuộc một đại đội công binh đã trông thấy trung đoàn 4 Norfolk gồm 267 người đến cứu viện cho binh đoàn ANZAC (binh đoàn của Úc và New Zealand) lúc đó đang

## *Lời chứng của các binh sĩ New Zealand (1965)*

“(Ngày 24 tháng 8 năm 1915) Đám mây dày đến mức trông như đặc cứng. Nó nằm cách nơi diễn ra trận chiến khoảng 900 đến 1.100m, trên phần đất do quân Anh kiểm soát. (...). Nơi chúng tôi đang đứng ở cao hơn mục tiêu 60 khoảng 90m và trông xuống đó. Chỉ một lúc sau, đám mây kỳ lạ kia đã bao phủ lòng thác khô cạn và chúng tôi có thể nhìn thấy rõ cả phần mép lẫn hai đầu đám mây khi nó hạ xuống đất. Như mọi đám mây khác, đám mây này có màu xám nhạt. Lúc đó chúng tôi nhìn thấy một binh đoàn Anh gồm mấy trăm binh sĩ thuộc trung đoàn 4 Norfolk đang đi trên lối vốn trước đây là lòng thác và hướng về mục tiêu 60.

Khi đến chỗ đám mây, họ không chút ngần ngại bước vào nhưng không thấy ai từ đó bước ra để đến chiến đấu ở mục tiêu 60. Khoảng một tiếng sau khi binh sĩ cuối cùng biến mất vào đám mây, thì đám mây từ từ dâng lên khỏi mặt đất. Như bất kỳ đám mây hay đám sương mù nào, nó chậm rãi bay lên cao cho đến khi nhập vào các đám mây khác (...).”

tấn công vào mục tiêu 60 phía nam vịnh Suyla. Khi tới một lòng thác khô cạn thì các chiến binh của trung đoàn Norfolk gặp phải một đám mây kỳ lạ. Khi những chiến binh vừa biến mất vào đó thì đám mây từ từ bốc lên cao và bị gió cuốn đi xa, cho đến khi hoàn toàn mất dạng. Trong cái thung lũng nhỏ lúc này không còn một bóng người nào! Thổ Nhĩ Kỳ sau đó khẳng định họ không hề



Vụ biến mất của các binh sĩ Norfolk tạo cảm hứng cho bộ phim ma "Trận địa kinh hoàng" (Deathwatch).

bắt giữ một binh sĩ nào thuộc trung đoàn Norfolk.

- **Một lời chứng mâu thuẫn**

Câu chuyện này chỉ căn cứ vào một tài liệu duy nhất được soạn ra 50 năm sau khi chiến dịch Dardanelles kết thúc. Được ba người lính New Zealand thuộc tiểu đội 3 của đại đội 1 công binh viết ra trong cuộc gặp gỡ tưởng niệm binh đoàn ANZAC, tài liệu này là một lá thư kêu gọi những người nào còn sống và từng chứng kiến sự kiện biến mất kể trên xác nhận

lại câu chuyện. Tuy nhiên, khi xem xét kỹ tài liệu này, người ta nhận thấy có một số dữ kiện không đúng với thực tế khiến cho nó trở nên đáng ngờ. Trong tài liệu, binh đoàn 4 Norfolk mà ba người lính nói đến không phải là một trung đoàn mà là một tiểu đoàn, và đó chính là tiểu đoàn 4 đã tham gia đến cuối chiến dịch Dardanelles. Trên thực tế thì tiểu đoàn 5 Norfolk mới chính là binh đoàn bị báo mất tích trong cuộc tấn công. Cuộc tấn công xảy ra không phải vào ngày 21 tháng 8 như ghi trong chứng thư mà là ngày 12 theo tư liệu của quân đội Anh, cách nơi những người New Zealand nhìn thấy sự kiện biến mất đến 5km. Tuy nhiên một tư liệu khác cũng nói về một giai đoạn tương tự và được thảo ra không lâu sau ngày xảy ra chiến dịch. Trong tư liệu này không có

điểm nào mâu thuẫn cũng như không có lý lẽ nào đáng ngờ, vì thế nó rõ ràng là đáng tin cậy hơn.

- **Hồi tưởng hay suy đoán?**

Chúng ta đang nói về *Báo cáo cuối cùng của Ủy ban Dardanelles* đưa ra năm 1917. Theo tài liệu này thì vào ngày 21 tháng 8 có một màn sương kỳ lạ phản chiếu ánh mặt trời bao trùm khắp vùng vịnh và đồng bằng Suyla. Màn sương này che phủ chiến hào của quân Thổ Nhĩ Kỳ, cho phép họ dễ dàng nả súng vào quân đồng minh. Nhưng dù kỳ lạ đến đâu thì hiện tượng thời tiết đó cũng không hề lạ lẫm đối với khu vực này. Ngày 21 tháng 8 cũng là ngày mà



Một hiện tượng bí ẩn khác thể hiện trên tấm ảnh do Phó đô đốc Anh Victor Goddard chụp ngay sau khi kết thúc thế chiến thứ nhất. Trên ảnh, ta có thể thấy khuôn mặt người thợ cơ khí máy bay Freddy Jackson (sau khuôn mặt của người hàng trên cùng, thứ tư, từ trái sang). Hai ngày **trước đó**, anh ta đã bị chết tại chỗ sau khi ngã vào cánh quạt máy bay đang quay nhanh.

báo cáo ghi lại rằng 3.000 quân của ANZAC tấn công mục tiêu 60 vào buổi trưa. Khi nhìn vào hai quăng thời gian mô tả trong tài liệu chính thức, ta thấy có nhiều điểm rất giống với lời khai của ba người lính New Zealand. Thực tế thì những người lính New Zealand đã trộn lẫn hai sự kiện vào nhau còn bản báo cáo chính thức thì tách bạch hai sự kiện ra trên hai trang giấy đối xứng nhau.

Phải chăng cách trình bày này đã tác động đến trí nhớ của 3 nhân chứng? Cần phải nói thêm rằng 122 xác binh sĩ của tiểu đoàn 5 Norfolk bị báo mất tích trước đó đã được tìm thấy vào ngày 23 tháng 9 năm 1919. Bởi có đến 27.000 binh sĩ chưa được chôn cất trong số 34.000 lính tử trận (kể cả lính Anh lẫn lính ANZAC) cho nên ta cũng có thể cho rằng thi hài của 145 người lính mất tích này đang nằm đâu đó dưới lớp đất cát chiến trường và đã thối rữa dưới cái nóng thiêu đốt. Tất cả những yếu tố này đều không thuận với lời khai của ba nhân chứng New Zealand.

# Chuyện gì xảy ra tại cuộc thử nghiệm Philadelphia?

**T**rong chiến tranh thế giới thứ hai, cả hai phe đối địch đều không ngừng chạy đua thử nghiệm các loại vũ khí để đưa vào sử dụng. Vụ thử nghiệm lạ lùng nhất có lẽ là vụ diễn ra năm 1943 ở xưởng quân giới Philadelphia tại Hoa Kỳ.

- *Cuộc điều tra của tiến sĩ Jessup*

Năm 1955, tiến sĩ Morris K. Jessup, một nhà vật lý thiên văn, đã xuất bản một tác phẩm nói về các vật thể bay không xác định mang tựa đề *The Case for the UFO* (“Trường hợp vật thể bay không xác định”). Đến giữa tháng 10 năm đó, một người tên Carlos Miguel Allende đã liên lạc với tiến sĩ Jessup và cho biết tên thật của mình là Carl Allen. Ba lá thư mà Allen gửi cho tiến sĩ Jessup làm ông hết sức hoang mang. Trong thư, Allen cho biết đã từng chứng kiến một cuộc thử nghiệm vũ khí kỳ lạ của Hải quân Mỹ ở ngoài khơi Philadelphia vào tháng 10 năm 1943. Theo Allen thì mục đích của cuộc thử nghiệm này là làm tàng hình một chiếc tàu hộ tống và cho nó vượt qua đoạn đường từ Philadelphia đến căn cứ hải quân Norfolk hầu như tức thời. Tác giả ba lá thư gắn câu chuyện này với các vật thể bay không xác định và muốn biết ý kiến của tiến sĩ Jessup vì ông ta nghĩ rằng các phi thuyền không gian ngoài hành tinh vẫn sử dụng cách tương tự như vậy để di chuyển. Allen còn tiết lộ cho Jessup biết là cuộc thử nghiệm của Hải quân Mỹ đã gây nhiều tác dụng phụ kinh hoàng cho thủy thủ đoàn, kết quả là đã có một số người chết, một số trở nên điên loạn và một số bị tan

biến một cách ghê rợn (thân thể từ từ bị thiêu rụi thành tro). Có vài trường hợp tác dụng phụ chỉ xảy ra sau khi cuộc thử nghiệm chấm dứt một thời gian dài.

Tiến sĩ Jessup tiến hành điều tra và đi đến kết luận rằng quả thật năm 1943 đã có một cuộc thử nghiệm quân sự được tiến hành ở cảng quân sự Philadelphia nhằm kiểm tra tác động của từ trường

*Các cuộc thử nghiệm quân sự nở rộ trong thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ hai. Cuộc thử nghiệm kỳ lạ nhất là “Thử nghiệm Philadelphia” với mục đích làm tàng hình một chiếc tàu hộ tống. Ảnh chụp tàu hộ tống Eldridge ngày 25 tháng 4 năm 1944.*



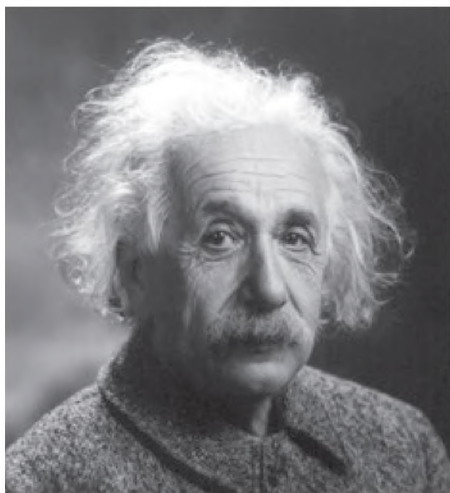


mạnh lên tàu *Eldridge* và lên thủy thủ đoàn. Ngay khi cuộc thử nghiệm bắt đầu, chiếc tàu hộ tống đã được bao bọc trong một luồng ánh sáng xanh lục và phần phía trên đường mớn nước của nó từ từ biến mất. Hiện tượng này sau đó được lặp lại ngoài khơi nhưng lần này thì hoàn hảo hơn bởi chiếc tàu hộ tống đã hoàn toàn biến mất trong quang thời gian vài phút. Đó là cảnh mà Carl Allen đã chứng kiến khi đang đi trên con tàu chở hàng *Andrew Furuseth*, một trong số những con tàu thuộc đoàn tàu mà tàu *Eldridge* hộ tống. Cũng theo điều tra của tiến sĩ Jessup thì có nhiều tin đồn nói rằng sau đó tàu *Eldridge* đã xuất hiện trở lại trong một thời gian ngắn ở cách căn cứ hải quân Norfolk 400km về phía nam, cứ như thể nó là một con tàu ma.

Trong thời gian tiến sĩ Jessup tiến hành điều tra, ông được Hải quân Mỹ triệu tập và đưa cho xem một quyển sách của chính ông do một người vô danh gửi đến. Trong quyển sách này có rất nhiều ghi chú liên quan đến cuộc thử nghiệm năm 1943. Nét chữ ghi chú viết tay là nét chữ của... Carl Allen. Chính những chi tiết này đã khiến Hải quân Mỹ chú ý. Họ nhờ công ty Varo Corp ở Dallas in ra 127 bản và phát cho một số phòng ban để nghiên cứu sâu hơn. Do không tìm ra được con người bí ẩn tên Allen nên Hải quân Mỹ đề nghị ông Jessup hợp tác tìm kiếm, nhưng ông này từ chối. Tháng 4 năm 1959 tiến sĩ Jessup tự tử vì một số chuyện cá nhân.

- ***Chuyện gì xảy ra ở Philadelphia?***

Sau cái chết của tiến sĩ Jessup, cuộc điều tra chững lại đó. Mãi đến cuối thập niên 1970 vụ việc này mới nổi lên trở lại nhờ sự thúc đẩy của Charles Berlitz - tác giả quyển sách viết về tam giác Bermuda - và William L. Moore, người từ lâu rất quan tâm đến



Những người khởi xướng cuộc “Thử nghiệm Philadelphia” lấy ý tưởng từ các công trình nghiên cứu của nhà bác học Einstein.

các vật thể bay không xác định. Trong tác phẩm *Chiến dịch Philadelphia* của Charles Berlitz và William L. Moore, hai ông đã tổng hợp các yếu tố đã biết sau khi tình cờ tìm thấy tung tích của Carl Allen, con người bí ẩn mà 20 năm trước đây Hải quân Mỹ đã không tìm ra. Những phát hiện của hai ông có thể tóm tắt như sau: thứ nhất, Allen quả thật trước đây từng là thủy

thủ của tàu *Andrew Furuseth* và con tàu này quả thực đang ở ngoài khơi Philadelphia tại thời điểm ghi nhận. Tàu hộ tống *Eldridge* cũng ở đó vào thời điểm ấy. Thứ hai, mặc dù đã qua 30 năm nhưng vẫn có một số người khẳng định rằng quả thực có nhiều cuộc thử nghiệm kỳ lạ liên quan đến từ trường đã được tiến hành ở quân cảng Philadelphia. Nhiều người trong số họ yêu cầu không tiết lộ danh tính. Thứ ba, hình như nhà bác học Einstein cũng đã từng làm việc một thời gian cho Hải quân Mỹ năm 1943. Tuy nhiên câu chuyện kỳ lạ về cuộc thử nghiệm con tàu tàng hình không phải là câu chuyện duy nhất mà các nhân chứng cung cấp. Những người cung cấp thông tin cho Berlitz và Moore cũng cho biết Hải quân Mỹ còn thử nghiệm một hệ thống chống thủy lôi từ tính của Đức và đặc biệt là thử nghiệm làm cho ra-đa tàng hình.

Tuy nhiên, các thử nghiệm này đều tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng

đến tính mạng con người và chính điều này đã buộc Hải quân Mỹ phải chấm dứt chúng. Quả thực là từ trường ở cường độ mạnh rất có hại cho sức khỏe và ảnh hưởng đến sự thăng bằng của thần kinh. Điều này có thể phần nào giải thích lý do vì sao một số thủy thủ trở nên điên loạn và chết cũng như vì sao Hải quân Mỹ từ chối nói về “cuộc thử nghiệm Philadelphia”. Tuy nhiên trong câu chuyện bí ẩn này vẫn còn tồn tại nhiều điều chưa sáng tỏ.

# Tam giác Bermuda có mở ra thế giới khác?

**X**ưa nay đã diễn ra rất nhiều vụ mất tích trên biển nhưng thường thì những vụ mất tích này luôn tìm được nguyên do. Chỉ duy nhất một nơi mà nguyên nhân xảy ra các bi kịch mất tích vẫn cứ mờ mịt. Đó là nơi ta vẫn thường gọi là “Tam giác Bermuda”.

- *Phi đội 19 không trả lời*

Năm 1964 là năm mà nhà báo Mỹ Vincent Gaddis lần đầu tiên đưa cái tên “Tam giác Bermuda” vào một bài báo. Kể từ đó, cái



Rất nhiều vụ mất tích khó hiểu xảy ra ở tam giác Bermuda, khu vực nằm từ eo biển Florida đến quần đảo Lesser Antilles. Những vụ mất tích này bị cho là do người ngoài hành tinh gây ra, do không gian/ thời gian bị bẻ cong hoặc do tác động của từ trường.

tên này được dùng để ám chỉ khu vực nằm giữa Florida, Bermuda và Puerto Rico, nơi mà hàng trăm máy bay, tàu thuyền và con người đã bốc hơi không để lại chút vết tích.

Ngày 5 tháng 12 năm 1945, 5 máy bay thả bom *Avenger* trang bị tối tân thuộc phi đội 19 rời căn cứ hàng không-hàng hải Fort Lauderdale ở Florida để lên đường công tác như thường lệ. Sau một tiếng rưỡi bay, mọi thứ đang bình thường thì bỗng nhiên đài kiểm soát không lưu nhận được tin báo về của trung úy Charles G. Taylor cho biết họ bị lạc và không thể nhận diện rõ mặt nước đại dương.

Đài kiểm soát yêu cầu phi đội bay về hướng Tây, nhưng câu trả lời lần này của viên sĩ quan còn lạ lùng hơn trước. Anh nói: “Chúng tôi không biết hướng Tây là ở đâu. Lạ quá, mọi thứ đều sai hết. Chúng tôi không biết hướng nào là hướng nào nữa. Ngay cả đại dương trông cũng không giống như bình thường”.

Sau khi liên lạc vô tuyến bị cắt đứt, một thủy phi cơ hai động cơ mang tên *Martin Mariner* được phái vội đến cứu hộ phi đội *Avenger*, nhưng chiếc thủy phi cơ này cũng lại biến mất một cách bí



*Chỉ trong vài giờ, 5 chiếc máy bay thả bom Avenger thuộc phi đội 19 đã biến mất mà không ai đưa ra được nguyên do hợp lý.*



*Trong một bức họa, tam giác Bermuda được mô tả như một con quái vật nuốt chửng mọi máy bay, tàu bè và phương tiện.*

ẩn. Chỉ trong vài giờ đã có đến 6 chiếc máy bay cùng 26 người mất tích nhưng Ủy ban điều tra của Hải quân Mỹ vẫn không thể đưa ra được lời giải thích hợp lý nào. Những “tiết lộ” sau đó cũng không lý giải nổi chuyện này.

#### • **Các giả thuyết**

Nhiều giả thuyết khác nhau được đưa ra nhằm giải mã bí ẩn của Tam giác Bermuda. Một số tác giả cho rằng người ngoài hành tinh đã xuống bắt con người và phương tiện

hiện đại để đem về nghiên cứu, một số khác lại nói hiện tượng mất tích này là do các sinh vật giống như người gây ra. Những sinh vật này thuộc một nền văn minh cao cấp, sống trong những mái vòm ở sâu dưới đáy biển.

Lại có người nghĩ rằng vùng tam giác này là tâm điểm của nơi mà cả không gian lẫn thời gian đều bị bẻ cong, khiến cho các tàu thủy và máy bay bị đưa vào một thời đại khác hay một thế giới khác. Theo một giả thuyết khác nghe hợp lý hơn thì do có sự hiện diện của một từ trường rất mạnh nên các thiết bị trên tàu đã bị rối loạn, tuy nhiên điều này lại không giải thích được nhiều khía cạnh bí ẩn khác.

- **Những vụ biến mất không thể giải thích**

Tuy cho đến nay phi đội 19 vẫn là vụ việc nổi cộm nhất, nhưng nó không phải là tai nạn duy nhất ở tam giác Bermuda: danh sách các nạn nhân của vùng tam giác này là rất dài! Chính vì con số các phương tiện mất tích ở khu vực này là rất lớn so với các khu vực biển khác mà nó trở nên nổi tiếng. Từ năm 1945 đến năm 1975 đã có cả thảy 37 máy bay, khoảng 50 tàu thủy và nguyên một tàu ngầm nguyên tử cùng phi hành đoàn hay thủy thủ đoàn của chúng bị bốc hơi mà không ai tìm được lý do vì sao. Cũng không ai tìm thấy mảnh vỡ hay xác chết nào từ các máy bay/tàu thủy bị mất tích.

Năm 1918, tàu chở than *Cyclop* của Hải quân Mỹ đã biến mất một cách bí ẩn. Trên tàu có 308 người trong đó có tổng lãnh sự Alfred Gouschalk. 30 năm sau, một máy bay vận tải DC 3 cũng chịu chung số phận khi chỉ còn cách thành phố Miami khoảng 50 dặm. Thông điệp cuối cùng mà đài kiểm soát không lưu nhận được từ viên cơ trưởng là tất cả mọi việc đều tốt đẹp và ông ta đang đợi lệnh hạ cánh.

Điều lạ lùng là ngoại trừ phi đội 19 ra, tất cả những nạn nhân khác đều không hề phát tín hiệu kêu cứu. Ngược lại, trong khoảng thời gian trước khi thảm kịch xảy ra, họ luôn khẳng định rằng cuộc hành trình đang diễn ra hoàn toàn bình thường.

- **Ánh sáng kỳ lạ**

Tuy vậy, nhiều nhân chứng đã kể lại những sự kiện bất thường, chẳng hạn như toàn bộ thiết bị trên máy bay/tàu bè bị hỏng. Có những hiện tượng mà họ nhìn thấy nhưng không biết là gì, hoặc giả có những luồng ánh sáng phát ra từ dưới biển. Năm 1966, khi

tàu cứu hộ *Good News* đang từ Puerto Rico đi về Fort Lauderdale thì đột nhiên bị một làn sương mù dày đặc bao phủ, cùng lúc đó nhiều đợt sóng dâng cao làm cho tàu chao đảo. Chẳng bao lâu sau la bàn cùng các dụng cụ điện khác cũng bắt đầu rối loạn. Nhưng đến khi con tàu thoát ra khỏi vùng sương mù bí ẩn đó thì bầu trời lại quang đấng, mặt biển cũng êm ả trở lại và các thiết bị lại hoạt động bình thường như cũ.

Hiện tượng tương tự đã xảy đến với phi công Chuck Wakely vào năm 1972. Khi ông đang bay từ Bimini đến Miami thì đột nhiên nhìn thấy cánh máy bay trở nên trong mờ. Chỉ trong vài phút phòng lái của ông tràn ngập một thứ ánh sáng kỳ lạ và máy bay đột nhiên đổi hướng mà ông không cách nào ngăn cản. Cuối cùng ánh sáng đó biến mất và các thiết bị trở lại bình thường.

Năm 1975, tàu tuần tra *Diligence* đang trên đường đến cứu hộ một tàu hàng bị cháy thì đột nhiên máy vô tuyến trên tàu không hiểu sao lại tắt ngấm. Thủy thủ đoàn nhìn thấy những tia sáng xanh lục bí ẩn từ trên trời rơi xuống. Sau đó người ta đã tiến hành điều tra nhưng không đưa ra được một lý giải hợp lý nào cho sự cố hỏng máy và các hiện tượng lạ lùng đó.



tiền kiếp



# Có hay không hiện tượng đầu thai?

**Ở** Ấn Độ, đầu thai được xem là điều hiển nhiên, miễn bàn luận. Nhưng ngay cả các tín đồ Phật giáo cũng không khỏi ngạc nhiên trước việc một số người vẫn còn nhớ về “cuộc sống ở kiếp trước”. Nhiều trường hợp đã được các nhà khoa học ghi âm và nghiên cứu, trong đó có trường hợp lạ lùng nhất của cậu bé Shankar.

- *Vết bút bí ẩn khi chào đời*

Ngày 19 tháng 1 năm 1951, bé Munna 6 tuổi đang chơi trước cửa tiệm hớt tóc của cha tại thành phố Khannauj phía bắc Ấn Độ thì có hai kẻ lạ mặt xuất hiện. Thừa lúc không ai để ý, chúng bắt bé đem đi.

Một lúc sau, cha của bé - ông Sri Jageshwar Prasad – phát hiện bé mất tích. Ông rất lo lắng và huy động tất cả mọi người đi tìm bé. Vài giờ sau, người ta tìm thấy thi thể bé ngoài bờ sông với chiếc cổ bị cắt đứt. Hai gã đàn ông nhanh chóng bị bắt giữ. Một trong hai tên này thoạt đầu khai nhận là đã giết đứa bé, nhưng sau đó lại phản cung. Do không có đủ bằng chứng nên cảnh sát buộc lòng phải thả chúng ra. Cả gia đình bé Munna vô cùng đau khổ và mẹ của bé bị khủng hoảng trầm trọng.

Sau khi bé Munna qua đời được 6 tháng thì gia đình ông Sri Babu Ram Gupta sống ở một khu phố khác ở Kannauj hạ sinh một bé trai tên Shankar. Ngay từ khi mới bập bẹ những từ đầu tiên, bé Shankar đã có những biểu hiện hết sức lạ lùng. Khi lên 2 tuổi, bé đã bập bẹ nói về “căn nhà kia” của mình và đòi về nhà.

## *Luân hồi, vòng tròn bất tận*

*Nhà hiền triết Samyutta Nikâva trong truyền thuyết Ấn Độ đã đề cập đến vòng luân hồi, tức vòng tròn chuyển kiếp của các linh hồn. Vòng luân hồi chỉ ngưng khi con người đạt đến sự trong sạch giúp họ giải thoát và chứng ngộ Niết bàn:*

“Hỡi các Phật tử, các con có biết là dòng nước đại dương hay những giọt nước mắt mà các con nhỏ xuống trong cuộc hành trình dài sẽ luôn tái sinh rồi lại chết đi, nhập vào những điều mà ta oán ghét và tách ra khỏi những thứ mà ta yêu thương? Chiếc vòng này không có khởi đầu cũng chẳng có kết thúc. Không thể nhận biết cuộc sống của những kẻ nằm trong vô minh bắt đầu từ đâu. Bị thúc đẩy bởi ham muốn dục vọng, họ tái sinh hết lần này đến lần khác và đeo đuổi kiếp luân hồi. Và cứ thế mà từ lâu con người phải chịu nhiều phiền não về thân tâm. Các con đã làm giàu cho các nghĩa trang trong một thời gian đủ dài để có thể cảm thấy chán ghét cuộc sống ấy mà quay lưng lại và thoát ra khỏi đó.”

*Samyutta Nikâva, Bình luận về kinh Bardo.*

Bé nói bé muốn gặp “ba mẹ kia” và đòi chơi những món đồ chơi mà bé chưa từng sở hữu nhưng lại mô tả được rất chi li. Thịnh thoảng bé Shankar lại lộ vẻ kinh hoàng và kể lại câu chuyện hai người đàn ông đã cắt cổ bé ở kiếp trước. Từ lúc mới lọt lòng, dưới cằm bé đã có một vết bớt rất lạ giống như một chiếc sẹo dài nằm vắt ngang cổ.

- ***Những chi tiết lạ lùng***

Đến năm 1954 thì câu chuyện về bé Shankar đã lan truyền khắp thành phố. Bé kể đi kể lại chuyện mình chết như thế nào và tiết lộ những chi tiết mà người ngoài không hay biết nhưng lại trùng khớp với lời khai ban đầu của kẻ tình nghi trước khi hắn phản cung. Khi nghe được chuyện này, ông Jageshwar vô cùng bối rối. Ông đòi gặp bé Shankar nhưng cha bé là Babu Ram không cho vì sợ ông này bắt mất con trai mình. Nhưng vì ông Jageshwar không ngớt nài nỉ nên mãi đến ngày 30 tháng 7 năm 1955 ông mới được cho gặp mặt bé Shankar và mẹ bé. Bé Shankar lúc đó vừa lên 4 tuổi. Vừa nhìn thấy ông Jageshwar, bé đã nhận ngay đó là cha mình và lao vào vòng tay ông.

Năm 1956, giáo sư Atreva từ Bénarès đến và tỏ ra rất chú ý đến câu chuyện về bé Shankar. Cậu bé không những thuật lại được mọi chi tiết trong cuộc sống của bé Munna (điều vốn dĩ chỉ riêng gia đình Munna mới biết được) mà còn kể đi kể lại về cái chết trước đây của mình với những tình tiết không thay đổi. Thấy câu chuyện trở thành thị phi, Babu Ram bực tức đánh con và cấm cậu bé không được nói về tiền kiếp nữa. Ông Jageshwar yêu cầu tòa án mở lại hồ sơ vụ án vì tin rằng Shankar và Munna là một, nhưng tòa án Ấn Độ đã từ chối vì không tin vào “lời chứng lạ lùng của Shankar”.

- ***Có phải là dàn dựng?***

Từ năm 1956 đến năm 1965 câu chuyện này không chỉ được giáo sư Atreva mà cả tiến sĩ Jamuna Prasad và nhà nghiên cứu người Mỹ tên Ian Stevenson để tâm nghiên cứu. Họ cố gắng tìm hiểu liệu có ai ở phía sau đạo diễn hay không.



*Luân hồi*

Giả thuyết đầu tiên của họ là hai gia đình đã thông đồng với nhau dựng lên câu chuyện này. Nhưng họ dựng chuyện để làm chi, bởi lẽ chẳng ai hưởng lợi lộc gì từ câu chuyện ấy. Hay Jageshwar đang tìm cơ để buộc tội những kẻ mà ông cho là đã giết chết con

traì mình, và ông đã đưa ký ức giả vào đầu cậu bé Shankar? Điều này khó có khả năng xảy ra. Và lại đâu dễ gì mà bắt ép một đứa bé ở lứa tuổi ấy thuộc bài trờn tru đến mức lời khai của bé trong suốt mấy năm trời không hề thay đổi. Ngoài ra, cha của Shankar là Babu Ram cũng tỏ ra rất bức tức khi nghe con trai mình kể những điều này cơ mà.

Giả thuyết thứ hai là Shankar đã bịa đặt. Nhưng nếu bịa đặt thì bé không thể nào biết nhiều chi tiết về đời tư của Munna đến thế.

- ***Không có giả thuyết nào logic và hợp lý***

Giả thuyết về một “ký ức ẩn” được đặt ra. Giả thuyết này đòi hỏi việc phân tích tâm lý. Ngay từ khi còn rất nhỏ, đứa bé có thể đã vô tình nghe cha mẹ nói chuyện với nhau về cái chết của Munna và khắc ghi câu chuyện này vào đầu một cách vô thức, sau đó bé nghĩ mình là Munna và kể lại câu chuyện “của mình” khi lớn lên. Nhưng một lần nữa giả thuyết này cũng lại bị bác bỏ vì làm sao giải thích việc bé biết được những chi tiết mà ngay cả cha mẹ bé cũng không biết? Và làm sao lý giải vết bớt trên cổ trông như một vết cắt từ khi Shankar mới lọt lòng? Không một giả thuyết logic và hợp lý nào có thể lý giải câu chuyện của hai bé Munna và Shankar.

Theo một số người thì chìa khóa mở cánh cửa bí ẩn nằm ở hiện tượng thần giao cách cảm: vì một lý do nào không rõ, Shankar đã có thần giao cách cảm với mẹ của Munna, người phụ nữ bị mất thăng bằng tâm lý. Bé đón nhận những suy nghĩ của mẹ Munna một cách vô thức. Nhưng với đa số người dân Ấn Độ thì lời giải đáp cho câu hỏi này vừa bình thường vừa kỳ lạ: Shankar đơn giản là bé Munna sau khi đầu thai.

## P h ầ n 2

# QUÁI VẬT

TRONG THẾ GIỚI LOÀI VẬT CÓ MỘT KHÁI NIỆM ĐẶC BIỆT LUÔN KHIẾN CHÚNG TA KHIẾP HẢI NHƯNG ĐỒNG THỜI CŨNG RẤT LÔI CUỐN CHÚNG TA, ĐÓ LÀ QUÁI VẬT. CHÚNG GIỐNG NHƯ TẤM GƯƠNG ĐỂ LOÀI NGƯỜI SOI VÀO VÀ NHÌN THẤY TRONG ĐÓ LỜI GIẢI ĐÁP LIÊN QUAN ĐẾN BẢN CHẤT CON NGƯỜI.

Ở quái vật có hàm chứa tất cả mọi thú tính mà loài người luôn tìm cách loại bỏ ra khỏi hành vi của chính mình. Những quái vật ghê gớm nhất trong trí tưởng tượng của chúng ta như ma cà rồng và ma sói chẳng phải cũng mang phân nửa bộ mặt con người đó sao? Những quái vật này chẳng phải đã gọi cho chúng ta nhớ lại cái thời kỳ mà loài người còn sống trong hang động và giành giật để sinh tồn giống như các sinh vật khác đó sao? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu như một số sinh vật đang ẩn mình trong những góc khuất tăm tối nhất của trái đất chiến thắng quy luật tiến hóa?





quái nhân



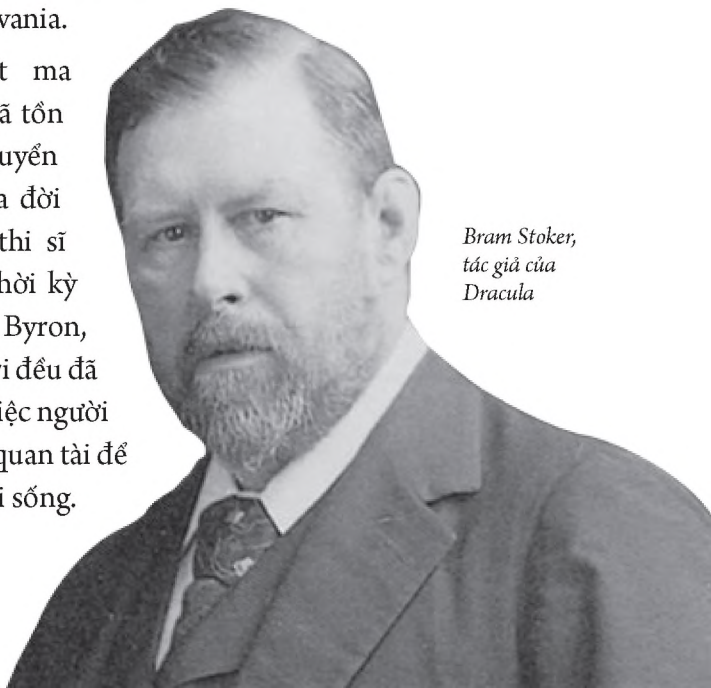
# Bộ mặt thật của Dracula

**K**ể từ khi quyển tiểu thuyết Dracula của tác giả Bram Stoker ra đời vào cuối thế kỷ 19 thì huyền thoại ma cà rồng luôn hằn sâu trong trí tưởng tượng của mọi người. Gương mặt và cái tên của ông hoàng Vlad Dracul, một thủ lĩnh chiến tranh vùng Balkan, luôn hiện về ám ảnh tâm trí của mọi người.

- *Là câu chuyện tưởng tượng...*

Máu và chết chóc luôn giữ một vị trí thống trị trong trí tưởng tượng của con người. Chẳng có gì ngạc nhiên khi đề tài ma cà rồng bất tử luôn thành công vang dội. Đó là vì nó thể hiện ước mơ trường sinh bất tử của con người. Tiểu thuyết của Bram Stoker kể về cuộc đối đầu giữa một nhóm người dẫn đầu bởi giáo sư Van Helsing, một bác sĩ nghiên cứu khoa học huyền bí, với bá tước Dracula, một con ma cà rồng tàn ác đến từ xứ Transylvania.

Truyện thuyết ma cà rồng thực ra đã tồn tại từ trước khi quyển tiểu thuyết này ra đời năm 1897. Các thi sĩ và văn hào của thời kỳ lãng mạn như Byron, Giovanni, Polidori đều đã từng đề cập đến việc người chết chui ra khỏi quan tài để về quây phá người sống.



*Bram Stoker,  
tác giả của  
Dracula*



*Lâu đài của Dracula ở Bran thuộc nước Romania*

Nhưng nguồn gốc ma cà rồng thực ra đã có từ trước. Chúng xuất hiện trong hình hài các yêu nữ mình chim chuyên đi bắt đàn ông ở thời Cổ Đại hay dưới lốt những quái vật khát máu trong truyền thuyết của Nga, của Đức hoặc của Romania thời Trung Cổ.

Điều mới mẻ ở *Dracula* của Stoker là sự khát máu không chỉ tàn bạo mà còn bệnh hoạn. Đồng thời Stoker cũng sáng tác ra được những thứ được xem là có thể tiêu diệt ma cà rồng như tỏi hoặc thánh giá.

• **... nhưng bắt nguồn từ hiện thực**

*Dracula* của Bram Stoker tuy là nhân vật hư cấu nhưng lại được lấy cảm hứng từ một nhân vật có thực. Đó là Vlad IV, người được mệnh danh là *Tepes*, “*Kẻ đóng cọc*”.

Vlad -  
Kẻ đóng cọc



Ở thế kỷ 15, trong số các thống đốc vùng Valachia - một tỉnh dưới sự cai trị của người Thổ Nhĩ Kỳ nằm giữa dãy núi Alpes của xứ Transylvania và sông Danube - có Vlad Dracul (Dracul có nghĩa là rồng, một biểu tượng của vua). Khi con trai ông ta là Vlad IV ra đời năm 1430 và kế vị cha năm 25 tuổi, người này được ban tước hiệu Dracula có nghĩa là “con của rồng”.

Ngay từ thời niên thiếu, Vlad Tepes đã mục kích nhiều cảnh bạo lực. Hắn từng chứng kiến cảnh cha bị giết và anh bị chôn sống. Bản thân hắn cũng bị quân Thổ bắt làm con tin và giam giữ nhiều năm trong một pháo đài.

Mặc dù tính cách hung bạo nhưng Vlad Tepes được nhiều người Romania xem là anh hùng quốc gia vì đã giải phóng ba tỉnh Valachia, Moldavia và Transylvania của Romania khỏi tay quân Thổ xâm lược. Với các binh lính dưới trướng quốc vương *Mehmed*

– *Người Chinh phục* thì Vlad là một dũng tướng đáng gờm. Nhưng đến năm 1462 thì hắn bại trận và bỏ trốn sang Hungary. Tại đây hắn bị bắt giam lần nữa vì lý do chính trị cho đến năm 1473.

- ***Thú vui tàn bạo của Vlad - Ké đóng cọc***

Kiểu giết người mà Vlad ưa thích nhất là đâm cọc gỗ hoặc cọc sắt xuyên qua hậu môn của các tù nhân Thổ Nhĩ Kỳ và những kẻ chống đối. Chính vì thế nên hắn được mệnh danh là Vlad - Ké đóng cọc. Hắn nổi tiếng là kẻ tàn bạo ở thế kỷ 15.

Một bức tranh khắc gỗ của Đức năm 1499 thể hiện cảnh hắn đang ăn uống linh đình giữa những xác người bị đóng cọc la liệt khắp xung quanh. Ước tính số người bị hắn đóng cọc, thiêu chết hoặc lột da sống trong khoảng thời gian 10 năm trị vì ngắn ngủi là từ 50.000 đến 100.000 người. Hắn thường ra lệnh bôi mỡ hoặc mài cùn phần mũi cọc để kéo dài thời gian thoi thóp của tử tội.

Sự tàn bạo của Vlad Dracula không có giới hạn. Các biên niên tại địa phương kể rằng, để trừng phạt các đặc sứ Thổ Nhĩ Kỳ vì tội không bỏ mũ xuống khi đứng trước mặt hắn, hắn ra lệnh lấy cọc đóng dính mũ vào đầu họ. Một lần khác, lấy cơ mời dự tiệc, hắn cho tập trung rất đông người nghèo và người tàn tật vào một căn phòng lớn rồi đóng kín cửa và nổi lửa thiêu chết họ trong đó.

Hai tháng sau ngày Vlad Dracula quay trở lại ngai vàng (vua vùng Valachia) năm 1476, hắn đã bị giết chết nhưng không ai biết tác giả chuyện này là những thế lực đối địch trong vùng hay phe Thổ Nhĩ Kỳ. Hắn bị chặt đầu bêu trên đầu ngọn giáo.

Đến đầu thế kỷ 20, người ta tìm thấy ngôi mộ của hắn bị mở toang và quan tài trống rỗng. Chính sự việc này đã tạo cảm hứng cho Bram Stoker xây dựng nhân vật huyền thoại Dracula.

## Ma cà rồng - Một câu chuyện xưa như trái đất

**Thời Cổ Đại.** Trong lăng danh nhân của người Assyria có ghi tên những con quỷ hút máu người trong đó có con quỷ cái Lilith. Người Hy Lạp thường kể về những con ma khát máu người sống trong ngôi nhà của Hadès, vị thần cai quản địa ngục, còn người La Mã thì có Lamia, một con quỷ cái hung ác chuyên hút máu người và ăn các bào thai.

**Thế kỷ 18.** Từ năm 1730 trở đi, khắp từ Hy Lạp đến Trung Âu đã có hàng ngàn ngôi mộ bị đào xới. Có lúc quân đội phải ra tay can thiệp khi có nhiều xác chết (bị cho là ma cà rồng) bị đào lên để hỏa thiêu và đóng cọc vào tim.

**Ngày nay.** Nhờ có nền điện ảnh chuyên về thể loại phim kinh dị, huyền thoại ma cà rồng vẫn thu hút rất nhiều người xem. Màn ảnh lớn đôi khi còn diễn tả cả những tên sát nhân khát máu khác như Peter Kurten (được mệnh danh là “Ma cà rồng vùng Dusseldorf”), Vlado Makaric, Kuno Hoffman hay những hội viên giáo phái “ma cà rồng”.

**Thời Trung Cổ và Phục Sinh.** Ma cà rồng được chính thức nhắc đến lần đầu tiên ở phương Tây vào thế kỷ 11. Ở nước Anh vào thế kỷ 12, chuyện ma cà rồng phổ biến đến mức rất nhiều người bị đưa lên giàn hỏa (do bị gán ghép là ma cà rồng) để làm nguôi lòng dân. Ở Hungary, nữ bá tước khát máu Elisabeth Bathory (1560-1614) đã ra lệnh giết hàng trăm thiếu nữ để lấy máu uống và tắm rửa nhằm giữ cho nhan sắc của mẹ ta không bị phai tàn theo thời gian.



Bá tước Dracula trong một bộ phim kinh điển về ma cà rồng

# *Gille de Rais - chẵn tinh hay yêu râu xanh?*

---

**“**Nam tước Gilles de Rais, chủ nhân lãnh thổ thuộc địa phận chúng tôi, bị Đức giám mục thành Nantes kết tội là đã giết, cắt cổ và tàn sát man rợ nhiều trẻ em vô tội và thực hiện hành vi giao cấu với các em theo nhiều cách khác nhau một cách vô cùng đồi bại...”

- *Tội ác tày đình của gã thống chế quái dị*

Ngày 26 tháng 10 năm 1440, chưa đầy sáu tuần sau khi nhận được thư triệu tập của tòa án giáo hội, Gilles de Laval (hay còn gọi là Gilles de Rais), một thống chế người Pháp 25 tuổi, bị hành hình vì tội giết người, sử dụng pháp thuật và thực hiện hành vi giao cấu với người cùng giới.

Bản cáo trạng hiện vẫn còn lưu giữ là bằng chứng xác thực cho thấy tội ác của Gilles. Tất cả đều được nói rõ trong bản cáo trạng đó, từ lời chứng của cha mẹ các nạn nhân cho đến lời thú tội của những kẻ tiếp tay cho Gilles.

Tội ác tày trời của Gilles được mô tả chi tiết như sau: Gilles đã lạm dụng khoảng 150 đứa trẻ sau đó tra tấn rồi thủ tiêu chúng. Trong suốt 8 năm trời, rất nhiều trẻ em đã mất tích suốt từ Nantes đến Poitou, nơi Gilles có rất nhiều đất đai dinh thự như các lâu đài Champtocé, Machecoul, Tiffauges, Pouzauges... Những đứa trẻ mất tích thường ở độ tuổi từ 7 đến 12 và đa số là con trai.

Tại vụ xử Gilles de Rais, các ông bố bà mẹ đáng thương cùng láng giềng của họ đều khẳng định rằng những đứa trẻ mà Gilles

lạm dụng rất xinh đẹp. Họ kể rằng trước khi trẻ mất tích không lâu, họ thường nhìn thấy bọn gia nhân của Gilles nói chuyện với chúng. Khi được hỏi tại sao trong suốt 8 năm trời họ không tố giác Gilles de Rais và tiết lộ điều họ nghi ngờ, họ đều trả lời rằng vì Gilles là một lãnh chúa còn họ chỉ là thứ dân, một khoảng cách xã hội quá lớn để họ có thể trông chờ được công lý lắng nghe.

- **Những con môi “ngon xoi” trên các nẻo đường Poitou**

Số trẻ mất tích có cha mẹ đến khiếu nại ở tòa chỉ là một phần nhỏ trong số các thiếu niên phục vụ cho lạc thú đồi bại của Gilles de Rais, đa phần còn lại đều là những nạn nhân vô danh táng. Người ta ước tính Gilles đã giết đến 400 đứa trẻ!



Thời Trung Cổ có rất nhiều trẻ lang thang trên đường phố để kiếm ăn và sống nhờ vào lòng trắc ẩn của những người giàu có. Với những đứa trẻ bất hạnh này thì sự rộng lượng của một chủ lâu đài chẳng khác nào món phước lộc trời ban. Có rất nhiều trẻ từng gõ cửa lâu đài Tiffauges hoặc Champtocé với hy vọng xin được ít bánh lót lòng hoặc nếu may mắn thì được nhận vào làm một chân gia nhân, tiểu đồng hay được nhận vào tốp thánh ca ở các tòa lâu đài của Gilles.

*Chân dung Gilles de Laval, lãnh chúa xứ Rais, một ác nhân nổi tiếng trong lịch sử*



- **Tội ác quá hiển hiện và sự trừng phạt quá dễ dàng**

Các sử gia ngày nay có xu hướng nghĩ rằng câu chuyện về Gilles de Rais đã được nói quá lên và các điều kiện sống thời bấy giờ làm cho nó dễ bị thổi phồng. Tuy bị hành hình vì tội nhiều lần giao cấu với trẻ em và giết người hàng loạt nhưng thật ra tội lớn nhất của Gilles de Rais chính là tội phản nghịch.

Bối cảnh diễn ra vụ án của Gilles de Rais - một lãnh chúa phong kiến đang cản trở công tước vùng Bretagne biến lãnh địa của mình thành một nhà nước có chủ quyền - và phương pháp thẩm tra dựa theo lời đồn đãi cùng với việc bị cáo bị sử dụng nhục hình khiến cho người thời nay ít nhiều nghi hoặc về mức độ tội ác của Gilles.

Về mặt chính trị, Gilles de Rais đã bị triều đình thất sủng, còn về mặt tôn giáo thì Gilles cũng bị Giáo Hội ngờ vực vì không thể hiện lòng tôn kính đối với những người phục vụ Giáo Hội. Liệu có lời buộc tội nào tốt hơn là cáo buộc quái vật để thuận với lòng dân?

Thời đó, hành động phản nghịch (chống vua hay chống Giáo hội) được xem như đi ngược với quy luật tự nhiên. Một khi chống lại trật tự xã hội và tôn giáo thì kẻ nổi loạn chỉ có thể bị xem là quái vật mà thôi. Nhưng những điều này không có nghĩa là Gilles de Rais hoàn toàn vô tội. Không có lửa thì sao mà có khói?

## TỪ “OGRE” (CHẼN TINH) XUẤT XỨ TỪ ĐÂU?

Xét những gì Gilles de Rais làm thì quả thật hẳn là một chằn tinh. Hẳn không thực sự ăn thịt trẻ em nhưng việc hẳn lạm dụng tình dục trẻ em rồi đem giết chúng cũng chẳng khác nào ăn thịt.

Nhưng thực chất thì “ogre” có nghĩa là gì? Phải chăng từ “ogre” có xuất xứ từ một từ Elruria (một ngôn ngữ cổ xuất xứ từ khu vực thuộc Ý ngày nay)? Tuy không chắc chắn lắm nhưng có lẽ từ “ogre” có nguồn gốc Latin là *orcus*, một cái tên có xuất xứ Elruria để chỉ thần chết và cũng là nữ thần cai quản địa ngục.

Nghĩa của từ này trong các ngôn ngữ Roman khác cho thấy cách lý giải này là đúng. Từ *orco* trong tiếng Italia có nghĩa là “ông kẹ” còn từ *orcu* trong tiếng Sardinia thì có nghĩa là “quỷ sứ”. Hay đó là một từ có xuất xứ Hungary? Một giả thuyết khác được đưa ra, đó là từ “ogre” có thể có xuất xứ từ chữ “*hongrois*” (tức Hungarian trong tiếng Anh) hay từ “*hongre*” ở thời Trung Cổ.

Quy luật ngữ âm nghiêng về giả thuyết này: lần đầu tiên từ “ogre” được đưa vào sách vở là vào cuối thế kỷ 12 để ám chỉ một kẻ ngoại đạo hung ác ví như những người Hungary từng xâm lược châu Âu ở thế kỷ 19 và thế kỷ 20. Những kẻ xâm lược Hungary này đặc biệt nổi tiếng về các hoạt động bắt cóc trẻ em. Chỉ đến năm 1300 thì từ này mới có nghĩa là “gã khổng lồ ăn thịt trẻ em”. Hẳn những cuộc xâm lăng của quân Hungary đã làm sống lại một từ cổ gần như bị quên lãng và đem đến cho nó cái nghĩa như hiện nay.



Một hình dung  
về chằn tinh

## CON YÊU RÂU XANH VÀ CẬU BÉ TÍ HON

Du luận thời đó cho rằng Gilles de Rais chắc chắn có tội. Câu chuyện của Gilles dần dần dẫn đến sự ra đời của truyền thuyết *Con yêu râu xanh* có xuất xứ được chứng minh là ở vùng Bretagne và nhất là ở Nantes. Truyền thuyết này sau đó được Charles Perrault lấy đưa vào một trong những câu truyện cổ tích của ông, chỉ duy có một điều thay đổi là kẻ giết trẻ em được đổi thành kẻ giết phụ nữ. Vì cổ tích là thể loại dành riêng cho trẻ em nên không thích hợp cho việc mô tả hành động lạm dụng tình dục một cách hung bạo đối với trẻ vị thành niên...

Trong truyện *Cậu bé tí hon*, một câu truyện cổ tích nổi tiếng khác của Perrault, gã chần tinh vì nhầm lẫn nên đã cắt cổ chính các con của mình.



Tranh khắc của Gustave Doré thể hiện cảnh chần tinh giết con, phỏng theo truyện *Cậu bé tí hon* của Charles Perrault

# Nửa người nửa sói

Sói là con thú nguy hiểm và có sức mạnh kinh người. Mỗi khi mùa đông đến, bị cơn đói thôi thúc, chúng lại mò xuống các ngôi làng, gây kinh hoàng cho cư dân nông thôn. Vì thế chẳng có gì ngạc nhiên khi óc tưởng tượng của con người đã sản sinh ra hình ảnh những kẻ có khả năng hóa sói để ăn thịt người khác.

- **Ông chồng ăn thịt người**

Vào thế kỷ 15 và 16, người ta bàn tán rất nhiều về người sói. Để tài người sói trở thành một cơn sốt thực sự ở các vùng nông thôn châu Âu, nơi tòa án sẵn sàng kết tội những kẻ “ăn thịt người trong lúc đói khát”. Bất cứ ai sống vào thời đó đều tin vào sự tồn tại của người sói, một thứ biểu tượng của ma quỷ. Những người uyên bác nhất cũng thường xuyên tranh luận về các trường hợp nghi ngờ là người sói. Như Pierre Mamor - hiệu trưởng trường đại học Poitiers ở thế kỷ 15 - đã không hề hoài nghi khi bình luận câu chuyện kể về một phụ nữ nông thôn nhìn thấy chồng mình nôn ra cánh tay và bàn tay của một đứa trẻ mà ông ta đã ăn thịt khi hóa sói...

Hồ sơ tòa án cũng ghi lại nhiều vụ kiện mà bị cáo bị tố giác là người sói. Vụ án nổi tiếng nhất diễn ra ở vùng Franche-Comté năm 1574. Kẻ bị xử án là một người tên Gilles Garnier. Ông ta bị tố cáo đã hóa sói giết chết và ăn thịt nhiều người, trong đó có trẻ em.

Người ta cho rằng Garnier đã thỏa hiệp với quỷ nên mới có được khả năng hóa sói đó. Tại tòa, nhiều nhân chứng khai rằng họ có nghe phong thanh về chuyện thỏa hiệp này. Chính bị cáo cũng



*Bức họa của Le Brun ở thế kỷ 17 thể hiện hình ảnh người sói theo trí tưởng tượng của người dân thời đó*

thú nhận đã sử dụng một loại thần dược để bôi lên người trước khi tấn công các nạn nhân. Vụ án Garnier cũng giống như các vụ xử tội phù thủy, hình phạt quen thuộc là giàn hỏa.

- **Cơn sốt hóa sói**

Một vụ tương tự xảy ra ở Đức năm 1589: một nông dân tên Pieter Stumpf bị tố cáo là đã giết và ăn thịt 13 trẻ em khi biến thành

sói, trong số đó có cả con trai ruột của hắn. Hắn đã bị hành hình gần thành phố Cologne.

Không chỉ đàn ông mới có khả năng hóa sói mà cả phụ nữ cũng thế. Năm 1604 ở Lausanne, năm “nữ phù thủy” đã hóa thành sói và bắt một đứa trẻ đem nướng lên ăn thịt. Chuyện nấu nướng nghe chẳng hợp chút nào đối với những kẻ bị xem là có hành động súc vật. Nhưng có vẻ như chúng có đã được tìm ra và thế là năm người phụ nữ kia bị cũng đưa đi nướng sống trên giàn thiêu.

Nỗi ám ảnh về người sói lớn đến nỗi chính quyền tỉnh phải đứng ra tổ chức vây bắt những “sinh vật nhơ nhớp” này. Rất nhiều cuộc lùng sục truy bắt sói đã được ghi nhận cho đến tận năm 1610.

Đến tận thế kỷ của lý lẽ, thế kỷ của triết gia Descartes, chính sách ngu dân và sự mê tín vẫn tiếp tục để lại phía sau nó những xác chết.

## HUYỀN THOẠI VÀ "SỰ THẬT" VỀ NGƯỜI SÓI

Từ thời Cổ Đại đã lưu truyền nhiều truyền thuyết về người hóa sói. Từ "*lycanthropie*" tức "hóa sói" được lấy từ tên một vị vua Hy Lạp là Lycaon. Vị quốc vương xứ Arcadia này bị thần Zeus biến thành sói vì ông ta dám dâng thịt người cho Zeus ăn tại một bữa dạ tiệc.

**Một câu chuyện toàn cầu.** Những mùa đông khắc nghiệt vào cuối thế kỷ 15 và 16 cùng nỗi khiếp sợ đối với những con sói tại các khu rừng châu Âu thời bấy giờ đã giải thích vì sao "con sói người sói" lại lan tràn khắp nơi.

Nhưng chuyện người hóa thành những con thú dữ khác lại có vẻ không mấy thích hợp với phương Tây. Người hổ, người cá sấu hay người báo trong truyền thuyết dân gian Ấn Độ và châu Phi cũng đóng vai trò khác chi người sói.

*Người sói*



**Cách giải thích của khoa phân tâm học.** Dĩ nhiên con người không thể hóa sói, nhưng điều đó không có nghĩa là không có những đầu óc bệnh hoạn tự cho rằng mình có khả năng đó.

Ngoài ra từ "hóa sói" trong phân tâm học ám chỉ chúng bệnh tự nghĩ mình là sói. Sự hoang tưởng này giải thích vì sao một số vụ xét xử có diễn biến rất lạ lùng và vì sao các bị cáo lại có những lời khai kỳ lạ.



Tranh khắc của B.Picart (thế kỷ 18) miêu tả truyền thuyết về vua Lycaon



# Giấc mơ của bác sĩ Frankenstein

---

**N**gay khi vừa được phát hành năm 1818, quyển tiểu thuyết mang tên *Frankenstein* của nữ văn sĩ Mary Shelley đã thành công vang dội. Đó là nhờ nó gợi nhớ đến một huyền thoại cổ xưa cùng câu hỏi: liệu con người có thể giống như Thượng Đế, tạo mà không sinh? Những phát minh mới nhất liên quan đến nhân bản vô tính có thể biến ước mơ đó thành sự thật... hoặc thành con ác mộng.

- **Nỗi ân hận của nhà bác học**

Được ví như “thần Prometheus của thời đại” (Promethee là vị thần trong huyền thoại Hy Lạp đã nhào nặn ra con người rồi đánh cắp lửa thiêng để “thổi hồn” cho sự sống nơi trần gian), bác sĩ Victor Frankenstein cũng bị trừng phạt vì đánh cắp quyền năng sáng tạo sự sống của Thượng Đế. Đó là hình phạt xác đáng cho nhà bác học kiêu căng đã tự cho mình cái quyền đưa sự sống vào một sinh vật tạo ra từ việc ghép các bộ phận cơ thể của nhiều xác chết.

Sự hào hứng ban đầu của Frankenstein nhanh chóng bị dập tắt bởi tuy ông thành công trong việc làm cho cái xác bất động sống lại nhưng tác phẩm của ông lại không hề như ông mong muốn. Nó xấu xí đến nỗi ông muốn vứt bỏ nó ngay khi vừa mới ban cho nó sự sống. Tuy nhiên con quái vật lại mang tính cách rất đỗi dịu dàng và cố gắng tồn tại dù bị loài người ruồng bỏ. Nó không ngừng van xin cha đẻ của nó tạo thêm cho nó một người bạn đời để niềm vui yêu thương giúp nó xoa dịu đau khổ. Frankenstein từ chối vì ý thức được nguy cơ xảy ra nếu chế tạo thêm một con



Nữ văn sĩ Mary Wollstonecraft Shelley là người sáng tạo ra Victor Frankenstein, nhà bác học bị ám ảnh bởi mong ước đẩy lui cái chết.

người nữa. Ông sợ rằng “dòng giống quái vật sẽ lan tràn khắp nơi trên mặt đất và gây hại cho nòi giống loài người.” Bác sĩ Victor Frankenstein sau đó chết đi, mang trong lòng nỗi hối hận giày vò và mặc cảm tội lỗi khi chứng kiến cảnh con quái vật ra tay giết chết những người thân thương nhất của ông để trả thù. Quái vật này sau đó đã mất hút vào những dãy núi băng giá của vùng Bắc cực.

#### • **Nhà bác học tự cho mình là Thượng Đế**

Vào đầu thế kỷ 19, khoa học đã chiếm ưu thế trong cuộc sống mặc dù còn khiêm tốn. Cùng với những công trình khoa học đầu tiên về điện và điện từ, các tiến bộ trong y học, vật lý

và hóa học đã làm thay đổi hình ảnh các nhà bác học, giúp họ vứt bỏ lớp áo “nhà giả kim” bao thuở nay. Nhưng sự nhiệt tình của một thời đại vẫn không thể làm tiêu tan nỗi sợ hãi phi lý của người đời khi mà những tình cảm tôn giáo vẫn còn rất sống động. Tuy câu chuyện *Frankenstein* của Mary Shelly chỉ hoàn toàn là giả tưởng và tác phẩm của bà không hề có chi tiết nào về khoa học, nhưng những thắc mắc mà tác giả nêu lên trong cuốn sách là những thắc mắc đi theo cùng sự tiến bộ khoa học. Các nhà bác học có thể tự cho phép các công trình nghiên cứu của mình đi xa đến mức nào? Các nghiên cứu của họ có nhằm mục đích giúp cuộc sống con

người thoải mái hơn hay đe dọa cuộc sống đó do không lường trước hậu quả? Hình ảnh của nhà khoa học cứu nhân độ thế và nhà khoa học tâm thần vì lẽ đó luôn đi đôi với nhau.

- ***Ước mơ của Frankenstein có thành hiện thực?***

Nỗi day dứt của bác sĩ Victor Frankenstein phản ánh những vấn đề đau đầu mà khoa học hiện đại đang gặp phải. Khi giáo sư Christian Barnard lần đầu tiên thực hiện cấy ghép tim thành công năm 1967, niềm hy vọng mà y học mang lại vẫn không thể làm lắng dịu mối lo ngại bị phê phán là hành động “phản tự nhiên”. Đây cũng là nỗi lo ngại của giới khoa học khi Louise Brown, đứa

### **NỖI SỢ HÃI NHÂN BẢN VÔ TÍNH**

Cho dù việc nhân bản vô tính tế bào động vật đã được tiến hành từ thập niên 1950 nhưng mãi đến năm 1996, khi con cừu cái Dolly ra đời ở Scotland, dư luận mới bộc lộ nỗi lo lắng đối với các thí nghiệm di truyền. Kỹ thuật nhân bản vô tính được xem như một liệu pháp gen hay là khả năng tạo ra một lượng lớn tế bào khỏe mạnh, thậm chí là cả những bộ phận cơ thể hoàn toàn không mang bệnh lý (để thay cho các bộ phận bị hỏng ở người hay vật). Tuy nhiên, vẫn có rất nhiều người lo ngại đối với “thuyết ưu sinh lệch lạc” do việc sử dụng di truyền vào mục đích chọn lọc con người. Họ lo sợ sẽ phải chứng kiến một xã hội mà những người sống trong đó đều được “sản xuất” bằng phương pháp di truyền theo tiêu chuẩn tốt nhất, còn những ai không hoàn hảo thì sẽ bị loại bỏ. Viễn cảnh này gợi nhớ đến những luận đề của chủ nghĩa quốc xã nhằm duy trì dòng giống Aryan.

trẻ đầu tiên ra đời từ ống nghiệm năm 1978 và gây nhiều tranh cãi. Sự lo ngại này càng lớn hơn với sự ra đời năm 1996 của cừu Dolly, con vật đầu tiên được nhân bản vô tính. Ngay sau thành công của ngành di truyền học là hàng loạt thí nghiệm làm xê dịch các ranh giới của kiến thức. Năm 1997 cừu Polly ra đời. Đây là trường hợp nhân bản bằng biến đổi gen. Đến năm kế tiếp thì những con bò biến đổi gen bắt đầu xuất hiện. Rồi đến lượt những con dê biến đổi gen ra đời năm 1999, có khả năng sản xuất ra loại sữa có protein người. Người ta vượt ngưỡng rất nhanh, và thí nghiệm trên thú vật đã mau chóng dẫn tới thí nghiệm trên người. Đến năm 2001 thì giáo sư Severino Antinori, một nhà nghiên cứu người Ý, đã nêu dự định tạo ra con người bằng nhân bản vô tính. Năm kế tiếp, ông tuyên bố: “Đây là chuyện đã rồi”. Đó là lúc ông thông báo với thế giới về việc ba phụ nữ đang mang thai những đứa bé nhân bản vô tính. Phải chăng nhà bác học này đang thực hiện ước mơ điên rồ và đáng lo ngại của Frankenstein?

## RA ĐỜI TỪ MỘT CUỘC CHƠI

Vào một buổi tối tại Thụy Sĩ, trong lúc đang ngồi cùng vị hôn phu - nhà thơ Percy Bysshe Shelley, nhà thơ Lord Byron và văn hào John-William Polidori, nữ văn sĩ Mary Wollstonecraft Shelley chợt nảy ra ý tưởng viết truyện *Frankenstein*.

Trước đó, Lord Byron đã đề nghị các bạn mỗi người tưởng tượng ra một câu chuyện ma rồi viết ra giấy. Thế là tác phẩm *Frankenstein* ra đời, dù tác giả của nó không biết gì nhiều về khoa học. Nhà bác học duy nhất mà bà kể tên trong phần lời tựa là Darwin, cha đẻ của thuyết tiến hóa. Theo *Tạp chí Hội y học hoàng gia*, nhân vật bác sĩ Frankenstein được bà lấy cảm hứng từ một người Scotland. Đó là James Lind, giáo sư trường cao đẳng Eton. Những công trình thí nghiệm về điện của ông đã tạo ấn tượng sâu sắc lên cậu học trò Percy Shelley. Mary đã chia sẻ với vị hôn phu sự ngưỡng mộ dành cho ông giáo sư Scotland này, người đã từng thực hiện nhiều thí nghiệm trên thú vật và làm chủ một phòng thí nghiệm với nhiều máy móc và thiết bị kỳ lạ.



Boris Karloff  
thủ vai “người  
ghép” trong một  
phiên bản phim  
*Frankenstein*.

# những đứa trẻ hoang dã



# Tồn tại giữa thiên nhiên

**Đ**ó là một viễn cảnh vừa hấp dẫn mà lại vừa đáng sợ. Hàng loạt những câu chuyện kể từ thuở rất xa xưa cho đến tận ngày nay đã minh chứng cho điều này. Một trong những câu chuyện nổi tiếng nhất là chuyện về cô bé người Eskimo được tìm thấy tại một vùng nông thôn nước Pháp ở thế kỷ 18.

- ***Cô bé Eskimo lang thang ở vùng Champagne***

Tháng 9 năm 1731 một bé gái khoảng 10 tuổi đến làng Sogny, cách không xa vùng Châlons-sur-Marne của Pháp. Cô bé đi chân đất, khoác một bộ áo da thú, trên đầu đội một mảnh vỏ bầu, tay cầm một cây gậy ngắn. Cô bé đã dùng gậy này để đập chết một con chó khi một người nông dân xua nó đến cắn cô. Sau khi bắt được cô bé, người ta phát hiện thấy ngón cái ở cả tay lẫn chân của cô đều rất phát triển. Dưới lớp quần áo dơ bẩn là một làn da trắng bóc. Những ai thấy cô bé đều bảo rằng cô có nét giống người Eskimo ở gần Bắc cực.

Cô bé không nói tiếng nào trong suốt một thời gian dài. Thức ăn của cô chủ yếu là những sinh vật nhỏ mà cô bắt để ăn sống. Thời gian trôi qua, cô bé từ từ học nói và cuối cùng thì mọi người cũng biết được những tình tiết liên quan đến quá khứ của cô. Theo lời cô bé kể thì trong thời gian sống đời hoang dã, cô từng có một cô bạn gái nhỏ người da đen nhưng cô đã đập vỡ đầu cô bạn này trong lúc cãi nhau.

Một số người dân nông thôn cũng khẳng định là trước đây họ từng nhìn thấy một bé gái da đen và định bắt nó nhưng không được. Cô bé Eskimo cũng kể là cô từng được một phụ

nữ đón về nhà một thời gian và cho cô quần áo chú trước kia cô chỉ trần truồng.

Việc một bé gái có thể sống sót trong tình trạng hoang dã ở vùng nông thôn nước Pháp ở thế kỷ 18 không những là một bí ẩn mà trên hết còn cho thấy con người có sức chịu đựng lớn như thế nào mặc dù trí não có bị suy thoái.

### “TARZAN LÀ TA ĐÂY!”

Năm 1912, với tác phẩm *Tarzan trong thế giới loài khỉ*, tiểu thuyết gia người Mỹ Edgar Rice Burroughs (1875-1950) đã đưa một nhân vật ra khỏi thế giới văn học để trở thành một huyền thoại hiện đại cùng với một thương hiệu.

Tuy lấy phần lớn cảm hứng từ những câu chuyện phiêu lưu mạo hiểm ở châu Phi của nhà văn Anh Henry Rider Haggard (trong đó câu chuyện phiêu lưu nổi tiếng nhất là *Kho báu của vua Salomon*), nhưng

câu chuyện anh chàng “người khỉ” này lại diễn ra trên một đất nước Phi châu hoàn toàn tưởng tượng và không có điều gì là chính xác cả. Đất nước Phi châu này chỉ là nơi diễn ra những cuộc phiêu lưu kỳ thú của Tarzan, trong đó anh gặp những nền văn minh đã mất, nhìn thấy loài khủng long, bị thu thân hình nhỏ xuống còn 50cm, v.v...



Bìa một quyển sách với hình diễn viên Lex Barker trong vai Tarzan - một huyền thoại của thời cận đại. Chàng “người rừng” nổi tiếng này thật ra chỉ là một nhân vật tưởng tượng.





Một nhân vật hư cấu khác đã trở thành huyền thoại là Mowgli - “cậu bé rừng xanh”. Bị bỏ rơi trong rừng, Mowgli được một bầy sói nuôi lớn. Cậu nói được tiếng của nhiều loài vật và kết bạn với muôn loài... Cha đẻ của Mowgli là nhà văn nổi tiếng Rudyard Kipling.

- **Bí ẩn nguồn gốc hai đứa trẻ**

Cô bé hoang dã không thể kể bất cứ điều gì về cuộc sống trước đây của cô trước khi đến Pháp. Những điều ít ỏi còn lưu trong trí nhớ cô bé là hình ảnh một con thú lớn sống dưới nước và ký ức về hai lần vượt biển. Con vật sống dưới nước có thể là bằng chứng bổ sung mong manh cho thấy cô là người dân tộc Eskimo, một dân tộc nổi tiếng với nghề săn bắt hải cẩu và động vật biển có vú. Câu chuyện về người bạn đường da đen cùng lời mô tả về hai chuyến đi biển cho thấy cô là người gốc Bắc Mỹ chứ không phải Bắc Âu.

Nhưng cũng có thể hai đứa bé chỉ là những “món quà lưu niệm” mà một người Pháp nào đó mang về từ Tân Thế giới.

Dù sao đi nữa thì cô bé Eskimo vùng Champagne cũng đã làm rúng động giới báo chí và khiến cho nhà vạn vật học nổi tiếng người Thụy Điển Carl von Linné quyết định đưa cô vào một trong 9 giống *Homo sapiens ferus* - một phân nhánh của loài người do



## Các trường hợp khác

**Bé Leblanc (Pháp).** Tháng 9 năm 1731, người ta tìm thấy một cô bé khoảng 14 tuổi ở cách Châlon thuộc Champagne 4 dặm. Cô đi chân đất, quần áo rách nát và không nói tiếng nào. Được một điền chủ vùng Sogny đem về nuôi dưỡng, cô dần dần học và nói được tiếng Pháp, biết cư xử lịch lãm nhưng vẫn không thể kể lại câu chuyện của mình. Sau khi người bảo hộ của cô qua đời, cô bé "Leblanc" - tên người ta gọi cô - được đưa vào một tu viện ở Paris và trở thành một nữ tu.

**Cô gái ở Over-Yssel (Hà Lan).** Tháng 8 năm 1717, người ta tìm thấy một cô gái hoang dã 19 tuổi trong rừng Kranenbourg. Cô bị bắt cóc và rời xa cha mẹ khi mới 16 tháng tuổi và từ đó sống một mình trong rừng. Da cô nâu thẫm, cứng như thép và đầy lông. Cô không nói được nhưng học được cách xe len và tiếp tục công việc này cho đến cuối đời.

**Những đứa trẻ người sói ở Midnapore (Ấn Độ).** Ngày 9 tháng 10 năm 1920 người ta tìm thấy trong rừng 2 bé gái bên cạnh một con sói cái. Một bé khoảng 8 tuổi rưỡi còn bé kia khoảng một tuổi rưỡi. Chúng di chuyển bằng cả tứ chi và phát ra những âm thanh giống như tiếng thú vật. Chúng được đặt tên là Kamala và Amala, sau đó được linh mục Singh đưa vào cô nhi viện Midnapore.

Bé gái ít tuổi Amala qua đời năm 1921, còn Kamala thì chỉ nói được vài từ. Khi Kamala qua đời năm 1929, trí tuệ của cô chỉ bằng một đứa bé chùng hai, ba tuổi.

## GIỮA BẨM SINH VÀ GIÁO HUẤN

Cuối tháng 3 năm 1797 người ta tìm thấy một bé trai khoảng 12 tuổi ở bờ đông sông Aveyron (Pháp). Cậu bé sống trong một căn chòi làm bằng cây lá và thức ăn của cậu là quả sồi, các loại rễ cây và hạt dẻ. Cậu bé hoàn toàn không mặc quần áo, không nói được và luôn chạy trốn mỗi khi ai đó đến gần. Mãi đến ngày 8 tháng 1 năm 1800 người ta mới “bắt” được cậu.

Sau khi được đưa tới đường Saint-Affrique, cậu bé hoảng hốt và mệt mỏi nên cần bùa bất cứ ai đến gần cậu. Cậu không chịu mặc quần áo và không chịu nằm lên chiếc giường trong phòng cậu. Cậu thỏa mãn nhu cầu tự nhiên của mình ở bất cứ nơi đâu mà không hề thấy ngượng ngùng.

Sau đó không lâu cậu bé được chuyển vào một bệnh viện tâm đĩc ở Paris. Bác sĩ tâm thần Philippe Pinel cho rằng không hy vọng giáo dục được cậu bé hoang dã bởi cậu bị ngu ngốc bẩm sinh, tức một dạng thiếu năng não.

Nhưng bác sĩ Jean Itard vẫn quyết định thử giáo dục cậu. Ông áp dụng phương pháp vừa dạy kiến thức đơn giản vừa đánh thức các giác quan của Victor.

Ông bắt đầu bằng việc xem xét những thành phần chính của các rối loạn nơi cậu bé: rối loạn cảm giác, rối loạn ngôn ngữ hay bất lực do thiếu động cơ. Sau khi quan sát bệnh nhân một cách kiên trì và tỉ mỉ, ông lập một bảng đánh giá trong đó ông ghi lại những gì cậu bé làm được và không làm được trong thời gian sống ở nhà ông. Bà quản gia Guérin đảm nhận việc trò chuyện với cậu. Sau một thời gian quan sát, Itard bắt đầu đánh thức độ nhạy cảm thần kinh của cậu bé bằng cách để cậu chịu nhiều tác động trái ngược nhau, cụ thể là cho cậu tắm nhiều lần bằng nước nóng.

Và rồi Itard nhận thấy thính giác cậu bé có những tiến bộ rõ rệt. Cậu phản ứng rất rõ ràng khi nghe thấy âm O. Thấy cậu thích âm này, ông quyết định đặt cho cậu một cái tên kết thúc bằng vần

O: “Tôi chọn cho cháu cái tên Victor. Mỗi khi có ai gọi lớn tên này, hiếm khi nào mà cháu không quay đầu về hướng đó và chạy lại”.

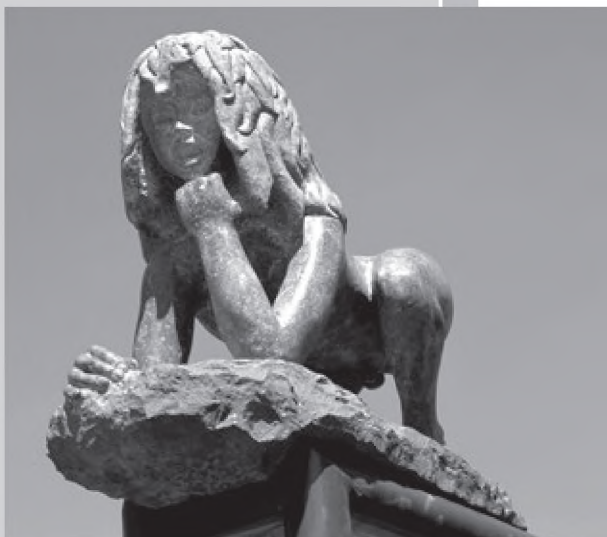
Nhưng Victor vẫn tuyệt nhiên không nói. Và bởi không nói được nên cậu bé phải ra dấu. Cậu thể hiện mong muốn đi chơi hay ăn uống bằng cử chỉ. Cậu xua đuổi những kẻ hiếu kỳ đến thăm quá lâu bằng cách nhét mũ của họ vào tay họ rồi đẩy họ ra ngoài cửa.

Sau năm đầu tiên được dạy dỗ, Victor đã có thể liên hệ giữa một đồ vật với hình vẽ và cả chữ viết ám chỉ đồ vật đó. Nhưng cậu bé vẫn chỉ phát ra được một vài âm tiết.

Bác sĩ Itard tiếp tục theo đuổi công việc này suốt 4 năm trời nhưng sự phát triển trí tuệ của Victor ngừng lại khi đạt đến một mức độ nhất định. Do cậu vẫn không thể tiếp cận ngôn ngữ nói nên việc giáo dục cậu phải ngưng lại sau 5 năm.

Sau đó chàng trai trẻ này sống một mình với bà Guérin trong một căn nhà thuộc sở hữu của Viện câm điếc. Victor qua đời năm 1828 ở tuổi 40.

*Tượng Victor vùng Aveyron tại làng Saint-Sernin-sur-Rance, Pháp. Năm 1970, nhà sản xuất phim Francois Truffaut lấy câu chuyện của Victor dựng thành bộ phim mang tựa đề Đứa trẻ hoang dã.*



dã thú



# Sói - mãnh thú trời Tây?

**T**rong môi trường thiên nhiên chưa khai phá, những vùng đất hoang dã cùng những con thú sống trên đó luôn gây ra nỗi sợ hãi và nghi kỵ cho các cư dân thời Trung Cổ. Hơn tất cả mọi loài thú, sói là loài vật mà người đời khiếp sợ nhất suốt từ cổ chí kim.

- **Rừng: miền đất ngoài vòng pháp luật**

Mối quan hệ giữa người và sói đã tồn tại từ hàng ngàn năm nay. Nhưng có lẽ mãi đến đầu thời Trung Cổ, tức từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 8, mối quan hệ này mới gia tăng sự căng thẳng đến mức trở nên ngột ngạt. Mùa đông, giá rét, tuyết dày, rừng rậm được cộng thêm bởi chiến tranh, nạn đói và sự bần cùng trong một xã hội gắn với nông thôn hơn là thành thị. Những yếu tố đó luôn đi đôi với sự hiện diện của loài sói. Chúng như chiếc hàn thử biểu đo hoàn cảnh khó khăn và sự yếu ớt của loài người.

Sau công nguyên, rừng rậm luôn nằm ngoài vòng cương tỏa của luật pháp loài người. Là những chốn âm u bí hiểm, nơi ẩn mình của những thế lực nguy hiểm, rừng không ngừng được xem là mối đe dọa đối với con người.

Từ gốc *foresta* (rừng) ám chỉ một vùng đất có ít nhiều cây cối, nơi mà dân thường bị cấm cửa và chỉ có các vua chúa mới được quyền lui tới. Đây là nơi tập trung rất nhiều động vật hoang dã nhằm thỏa mãn thú vui săn bắn của các vua chúa và quý tộc. Người ta thậm chí còn lập riêng những khu vực săn bắn bao bọc bởi nhiều hào rãnh và tường rào. Lợn rừng, hươu nai, cáo và thỏ được xem là chủ nhân chọn lọc của những nơi này. Còn sói thì bị tiêu diệt vì bị xem là con vật có hại. Bị đốn ra khỏi nơi cư trú bình

thường của nó trên vùng thảo nguyên và những cánh đồng mênh mông bát ngát thuộc đại lục Âu-Á, loài sói buộc phải tìm nơi trú ẩn trong rừng rậm, cách xa loài người.

### • *Mãnh thú trời Tây*

Sống trong môi trường đó, số lượng bầy sói gia tăng mạnh mẽ ở thế kỷ thứ 9. Những tổn thất về người và của do chúng gây ra khi tấn công con người và gia súc khiến triều đình phải ra tay can thiệp. Vua Charlemagne ban hành nhiều biện pháp nhằm chống lại sự sinh sôi của chúng.

Tuy nhiên việc tổ chức truy giết triệt để loài sói ngay trong thời kỳ sinh sản của chúng đã không đem lại kết quả mong muốn. Hậu quả là vào một mùa đông giá rét năm 846, hàng trăm con sói đã tràn xuống Tây Âu, nhất là vùng Aquitaine, gây kinh hoàng cho tất cả mọi người.

#### *Sự kiện năm 846 tại Aquitaine*

“Gió bắc dữ dội ập xuống các cánh đồng nho suốt mùa đông năm đó cho đến tận đầu tháng 5. Đàn sói tấn công và ăn thịt người không chỉ ở các vùng bên trong xứ Gaule mà ngay cả ở những xứ thuộc Aquitaine cũng có gần 300 con sói tập trung như một đoàn quân, kéo ra đường thành từng đàn. Chúng tấn công tất cả những ai dám kháng cự và chống trả lại chúng”.

*Biên niên của  
Saint-Bertin, 1964.*

Ngoài những vùng đất nằm tít tắp ở phía nam châu Âu thì loài “mãnh thú phương Tây” này không chữa nơi nào, chính vì thế mà chúng luôn được chọn làm đề tài cho các câu chuyện cổ tích để hù dọa trẻ con.



Do đàn sói liên tục từ phương Đông tràn đến nên chúng được xem như sự nối tiếp của những đoàn quân man rợ từ phương Đông. Tuy mang tiếng là loài thú ăn thịt người, thậm chí ăn cả xác chết đào dưới đất lên, nhưng thật ra chó sói rất ít khi tấn công người. Chỉ khi mùa đông thực sự rét buốt, chỉ khi quá đói, sói mới liều lĩnh tấn công những con mồi yếu đuối đi riêng lẻ như các gia súc nhỏ hoặc người già và trẻ con.

- **Sói tràn vào Paris...**

Nhiều nhân chứng đã kinh hoàng thuật lại cảnh đàn sói đi thành từng đoàn dài ngay cả trên đường cái. Gặp cảnh đó cư dân chỉ còn nước đóng chặt cửa trốn trong nhà chẳng khác gì khi giặc tới. Nhưng trong một số trường hợp, ngay cả những khu dân cư đông đúc cũng không cản nổi bước chân bầy sói. Năm 1438-1439, vào một trong những mùa đông lạnh nhất châu Âu, nhiều đàn sói đã tràn vào tận các thành



*Người ta thường phóng đại chuyện sói ăn thịt người. Thật ra, chúng rất hiếm khi tấn công người.*

phố lớn như Paris, gieo rắc kinh hoàng cho mọi người. Để thoát ra khỏi nỗi khiếp nhược đối với loài sói, con người đã tìm cách nhạo báng chúng trong văn học dân gian. Tuy thế huyền thoại về một loài thú ma quái, chuyên ăn thịt người vẫn vượt lên trên hết. Những vụ giết người của “ác thú vùng Gévaudan” thật ra chỉ là cá biệt so với số lượng thực các vụ sói tấn công người. Tuy nhiên, chúng vẫn là đề tài nuôi dưỡng trí tưởng tượng phong phú của người dân Trung cổ.

## Con thú ma quỷ

*Được Chúa gửi xuống trần gian để trừng phạt con người vì những tội lỗi của nó, để xé xác những con cừu đã rời bỏ những người chăn dắt chúng, sói được khoác lên những tính chất ma quỷ, khuếch đại bởi các truyền thuyết và những câu chuyện về tín ngưỡng dị giáo vốn đang sống động lúc bấy giờ.*

**Con sói làng Gubbio.** Một vụ việc nổi tiếng nhất là vụ thánh François d'Assise khuất phục sói vào đầu thế kỷ 13. Ngài đã dùng thánh giá để khuất phục một con sói đang đe dọa làng Gubbio và thuyết phục nó để yên cho dân làng đổi lấy việc họ phải thường xuyên cung cấp thức ăn cho nó.

**Sự can thiệp của các thánh.** Những kẻ hiếm hoi đứng ra bảo vệ loài sói lại chính là những nhân vật thánh thiện trong Thiên Chúa giáo. Họ là những người duy nhất có thể hóa xấu thành tốt, đánh bật quỷ dữ trong thân thể con vật để biến nó thành công cụ của Chúa. Chính vì thế mà nhiều vùng đã chọn những vị thánh giỏi việc thuần phục sói làm vị thánh bảo hộ. Thánh Loup giám mục vùng Bayeux (thế kỷ thứ 5), thánh Nicolas ở Ba Lan và thánh Georges ở Nga đều là những "người chăn sói". Nữ tu viện trưởng vùng Pavilly tức thánh nữ Austreberte (mất năm 704) là người đã thu phục một con sói xanh khi nó mò tới tu viện Jumièges vùng Normandie.

# Ác thú vùng Gévaudan, kẻ giết người hàng loạt ở thế kỷ 18

**D**ưới thời vua Louis XV của Pháp, tại vùng Gévaudan (nay là vùng Lozère), có đến hàng chục người trở thành nạn nhân của một con dã thú. Con thú bí ẩn này sau đó tiếp tục làm mưa làm gió ở Ardèche, Haute-Loire và le Cantal.

- *Con “dã thú” xuất hiện*

Mùa xuân năm 1764, một phụ nữ bị một con thú tấn công gần vùng Langogne nhưng may mắn là đàn bò của bà đã đánh đuổi được con thú này. Ít lâu sau người ta tìm thấy xác một thiếu nữ 14 tuổi, nạn nhân đầu tiên trong danh sách dài dằng dặc của con dã thú.

Theo lời kể của các nhân chứng, con vật tấn công người phụ nữ chặn bò và gây ra cái chết của thiếu nữ không phải là chó sói mà là một con thú khổng lồ có cái đầu rất to, lông hai bên sườn màu đỏ nhạt, trên lưng có vạch đen và đuôi thì xù ra rậm rạp.

- *Ba năm kinh hoàng sống dưới nanh vuốt của dã thú*

Những cuộc tấn công đẫm máu liên tiếp xảy ra và phần lớn những nạn nhân bị sát hại là trẻ em. Một cậu bé đang đưa gia súc từ ngoài đồng trở về thì đột nhiên bị con thú nhảy xổ vào tấn công. Bụng dưới của cậu bị xé toạc và chỉ vài phút sau là cậu tắt thở. Một bé gái đang đi xuống bãi chăn thả gia súc thì bị con thú tấn công ngay dưới mắt của người mẹ. Bà mẹ và hai người em trai của bà lao đến cứu cô bé nhưng khi đến nơi thì xác của bé đã hoàn

toàn biến dạng. Bụng bé bị moi, da đầu bị giứt lia, rơi xuống che lấp một phần khuôn mặt.

Nỗi kinh hoàng bao trùm lên toàn dân trong vùng. Kể từ đó, mỗi khi ra khỏi nhà mọi người đều cầm theo dao găm hay chìa ba. Đã vài lần người ta tổ chức săn lùng con thú nhưng không thành công. Một số tờ báo hiếm hoi thời bấy giờ đã làm náo động chuyện này khiến triều đình phải cử một trung đoàn long kỵ binh đến nơi con vật hoành hành. Như thể cảm nhận được điều này, con dã thú tiến về Aubrac và Margeride, sau khi gieo rắc kinh hoàng cho vùng Vivarais và Gévaudan. Tại những nơi mới, nó tiếp tục tàn sát người dân, để lại vô số xác chết bị xé nát và mất đầu. Những cuộc săn lùng của đoàn long kỵ binh kết hợp với dân làng

*Bức tượng đồng thể hiện cảnh Marie-Jeanne Valet đang giao chiến với con ác thú vùng Gévaudan ở Auvers (Haute-Loire). Tác phẩm của nhà điêu khắc Philippe Kaeppelin.*



## “TRẬN DỊCH” ÁC THÚ

Bất cứ cuộc tấn công nào không thể lý giải (do không nằm trong tập tính thông thường của con vật) cũng đều nhanh chóng lan truyền và làm cho mọi người hoảng loạn. Con ác thú vùng Gévaudan không phải là con vật duy nhất gieo rắc kinh hoàng ở Pháp. Ngoài nó ra, ta còn có thể kể tên một số con vật khác như ác thú vùng Évreux (1633-1634), ác thú vùng Brive (1783), ác thú vùng Cézailler (1946-1951)... Những con thú hung hãn nhất có lẽ là ác thú vùng Auxerrois và ác thú vùng Vivarais. Ác thú vùng Auxerrois xuất hiện năm 1731 và số nạn nhân bị nó giết lên đến 28 người. Nó được mô tả giống như con cọp hay con sói. Ác thú vùng Vivarais thì hoành hành từ năm 1809 đến 1816 ở Gard. Nó cũng được mô tả giống như con sói nhưng lại mang vóc dáng một con lừa với bộ lông nâu, chiếc bờm đen, hai tai dài và hai vú rất lớn. Con vật này liều lĩnh đến mức mò cả vào tận nhà dân. Không ai giết hay bắt được hai con ác thú này.

để truy bắt con vật không đem lại kết quả nào. Con vật thậm chí còn bôn cọt đoàn quân lùng bắt nó bằng cách giết và cắn đứt đầu một nạn nhân ngay sát bên doanh trại của họ.

### • *Tiếp tục tàn sát*

Denneval và con trai ông là hai thợ săn sói đến từ Normandie để lùng bắt con vật nhưng rồi họ cũng đành chịu bó tay. Đến ngày 1 tháng 5 năm 1765 thì hai anh em Martel de la Chaumette sống trong vùng đã làm trọng thương được con sói lớn. Liệu con ác thú vùng Gévaudan đã chết hay chưa? Chưa, vì không lâu sau đó các cuộc tàn sát lại tiếp diễn. Do liên tiếp để xảy ra nhiều cuộc thảm sát và bị dân chúng trong nước chế diễu, vua Louis XV quyết định điều tay súng cừ khôi nhất nước là trung úy François Antoine hay

còn gọi là Antoine de Beauterne đi lòng diệt con ác thú. Sau ba tháng săn lùng, đến tháng 9 năm 1765, Beauterne đã giết được con sói khổng lồ ở gần vùng Sainte-Marie-des-Chazes. Xác con sói sau đó được nhồi rơm và đem về triều đình khiến cả triều xúc động mạnh.

Xác con sói được gìn giữ ở Bảo tàng Paris một thời gian rồi sau đó đưa đi đâu không rõ. Thật ra thì đây là một vụ “dàn cảnh chính trị” đúng nghĩa. Con sói nhồi rơm được “tân trang” trước đó để gây ấn tượng kinh hoàng nhất nhằm mục đích kết thúc những lời dè bủ triều đình, đặc biệt là từ Paris.

- ***Ngày tàn của con ác thú***

Nhưng mọi người quả là đã ăn mừng quá sớm vì chẳng bao lâu sau các cuộc tàn sát lại tái diễn. Trước tình hình đó, hầu tước vùng Apcher, một nhà quý tộc trẻ, đã đứng ra tổ chức vây bắt con thú trong các khu rừng thuộc phạm vi lãnh thổ của ông ta. Đây là nơi sinh sống của Jean Chastel - một ông lão trông coi khu săn bắn - cùng với hai người con trai của ông. Người ta gọi Chastel là “con trai mù phù thủy” vì ông đã từng bị nghi ngờ là phù thủy dù không ai có bằng chứng để buộc tội ông. Ngày 16 tháng 5 năm 1767 một bé gái thân thiết với gia đình nhà Chastel bị con thú tấn công và giết chết. Trong cơn đau khổ, ông lão đã hạ quyết tâm giết chết con quái thú. Trong một cuộc vây bắt diễn ra ngày 19 tháng 6 năm 1767, Chastel đã giết được con sói. Theo lời các nhân chứng thì con sói này có những biểu hiện rất kỳ lạ: khi người thợ săn tiến đến và nhắm bắn thì con thú đã dừng lại chứ không bỏ chạy. Lần này thì cuộc tàn sát chấm dứt hẳn. Theo thống kê chính thức thì con sói đã giết hơn 100 phụ nữ, trẻ em và làm bị thương 30 người khác chỉ trong ba năm hoành hành.

- **Phải chăng có bàn tay của người?**

Những người thời đó cho rằng không phải một con ác thú đã gây ra những tội ác này mà là nhiều con sói lớn đã tham gia vào những vụ giết trong đó có con sói mà Antoine de Beauterne đem nhồi rơm, con sói mà Jean Chastel giết chết và con sói mà anh em nhà Martel đã thương. Nhưng theo nhận xét của một số người thì những con sói đi đơn lẻ thường không có thói quen tấn công người và lại càng không dứt đầu xác chết. Có một giả thuyết cho rằng đây là hành động của một người giả sói nhằm mục đích làm cho dân chúng bất loạn. Đây cũng có thể là hành động của một người huấn luyện thú, biết cách ra lệnh cho con thú nhảy đến tấn công người. Một số nhân chứng đã khẳng định họ nhìn thấy con vật đứng bằng hai chân sau để băng qua một con suối.

*Con ác thú vùng Gévaudan đã tàn sát hơn 100 phụ nữ và trẻ em (tranh vẽ của họa sĩ người Thụy Điển Johanna Öst), những cuộc tấn công hung hãn này chỉ dừng lại khi Jean Chastel giết được con thú. Ngày nay, một tấm bia được dựng lên ở La Besseryre-Saint-Mary (Haute-Loire) để tưởng niệm ông.*



Quan điểm “bàn tay con người” này lan truyền rộng rãi trong giới nông dân vào thời điểm đó. Chính vì thế mà gia đình ông lão Chastel thường xuyên bị quy kết là đã đạo diễn các vụ giết người vì gia đình ông có nuôi rất nhiều chó ngao. Những con chó ngao này (trong số đó có một con lai sói) có thể đã được đưa trở lại cuộc sống hoang dã sau khi được huấn luyện để giết người. Đây là điều được ghi trong biên bản giám định thực hiện gần đây bởi các nhà khoa học của viện bảo tàng căn cứ theo báo cáo về kết quả giải phẫu tử thi thời bấy giờ. Lập luận này lý giải được nguyên nhân vì sao con thú đã khựng lại khi Chastel tiến đến gần: nó nhận ra người đã huấn luyện nó!

• ***Con ác thú đã hành động một mình?***

Không ai biết điều đó. Nhưng dù sao thì con ác thú này cũng không gây tội ác một mình. Đằng sau những tội ác này ắt hẳn phải có một hay nhiều cái đầu biết suy nghĩ và biết cách hóa trang. Có thể những người này thỉnh thoảng vẫn đưa một con chó ngao đi săn mỗi và cho nó mặc một loại trang phục bằng da để giảm tác dụng của những viên đạn khi bị các tay thợ săn bắn trúng.

Một nhân chứng trẻ thời đó đã viết cho đức vua như sau: “Con vật này không phải là sói. (...) Mặt của nó bị che khuất bởi một bộ lông đen dơ bẩn. (...) Con thú này là một con người, một người đã không còn là người nữa. (...) Một người mà tất cả mọi người ở đây đều biết nhưng thần xin không nói tên ra vì hẳn ta đã trả xong món nợ cho những tội lỗi kinh tởm của hẳn”.

Câu hỏi đặt ra hiện nay là tại sao ở vùng nông thôn đó cũng như ở các vùng có nhiều thú dữ lộng hành khác người ta lại để chuyện này kéo dài quá lâu như thế. Nhưng đây chẳng là thắc mắc mà mọi người thường nêu lên trong những vụ giết người hàng loạt đó sao?



# Cọp tinh Champawat và cuộc săn lùng của Jim Corbett

**N**ếu như người Âu cho rằng sư tử là biểu tượng của quyền uy và sói là con vật đáng sợ nhất thì, trong quan niệm của người châu Á, cọp là sự kết hợp của cả hai điều này: cọp là chúa tể rừng xanh và đồng thời cũng là nỗi khiếp sợ. Trong quan điểm truyền thống của châu Á, khi con người đối mặt với cọp thì có nghĩa là đối mặt với tử thần; diệt được một con cọp thì coi như lập được chiến công hiển hách, trừ họa cho dân. Câu chuyện về con cọp cái Champawat nói lên tất cả những điều này. Đó cũng là vụ “động vật giết người hàng loạt” nổi tiếng và kinh hoàng nhất mọi thời đại.

- *Ma quỷ hiện nguyên hình*

Vào đầu thế kỷ 20, gần dãy núi Himalaya ở Tây Tạng đã diễn ra những vụ giết người tàn bạo trong một khu rừng rậm và ở các vùng lân cận đó. Hàng chục người đàn ông, phụ nữ và trẻ em bị phục kích giết chết một cách thảm thiết. Những cuộc tấn công diễn ra thường xuyên, đẫm máu và man rợ đến mức những người dân ở đây bắt đầu nghĩ tới những thế lực ma quỷ. Điều này càng dễ tin hơn khi kẻ sát nhân không để lại chút manh mối nào ngoài những cái xác nát nhừ.

Câu chuyện đi đến một bước ngoặt khi một người thợ săn ở địa phương bắt gặp một con cọp Bengal đang rình rập trong khu rừng. Xét về kích cỡ thì đó là một con cọp cái (cọp Bengal đực nặng trung bình 220kg, trong khi cọp cái chỉ nặng 140kg) đã già. Trong lần chạm trán đầu tiên với một thợ săn, con cọp này đã bị bắn trúng hai phát đạn và bỏ chạy. Đến đây thì thủ phạm những

vụ thám sát đã lộ nguyên hình. Nhưng cuộc chạm trán này cũng gây ra những hậu quả vô cùng nghiêm trọng.

Những phát đạn đã không giết chết con cọp mà chỉ khiến nó gãy hai chiếc răng. Nó đau đớn và không thể săn mỗi một cách bình thường. Cộng thêm với tuổi tác, và nổi tức giận, có vẻ như nó quyết tâm từ đó chọn loài người – vốn không nhanh nhẹn bằng các loài thú khác – làm con mồi thường xuyên.

Trong thời gian sau đó, số nạn nhân đã tăng lên vùn vụt, đạt đến khoảng 200 người. Các quan chức địa phương và người dân đã chiêu mộ về nhiều thợ săn để truy lùng con thú. Nhưng càng bị truy lùng thì nó càng trở nên khôn ngoan và ẩn náu rất giỏi, đến mức hiếm ai nhìn thấy nó. Nó thoát ẩn thoát hiện và tiếp tục gây ra những cái chết bi thảm.



### • *Từ Nepal sang Ấn Độ*

Cuối cùng thì chính phủ Nepal buộc phải huy động quân đội vào cuộc. Có lẽ sau vụ ác thú ở Gévaudan, đây là trường hợp duy nhất trong lịch sử mà quân đội được cho là cần thiết phải can thiệp vào sự cố động vật tấn công người hàng loạt.

*Cọp Bengal là một trong những giống cọp to lớn nhất thế giới, có lẽ chỉ sau cọp Siberi. Tiếp gặm của nó vang xa đến 3km.*

Nhưng ngay cả quân đội cũng không diệt được con thú ăn thịt người. Trước sự truy diệt, nó rời lãnh thổ của nó, vượt qua biên giới, băng sông Sarda để đến Ấn Độ, tiếp tục hoành hành ở khu vực thị trấn Champawat và huyện Kumaon. Quy mô những cuộc tàn sát của nó tại đây khiến cái tên “cọp Champawat” bắt đầu nổi tiếng khắp Ấn Độ và cả thế giới.



*Jim Corbett bên xác con báo ăn thịt người Rudraprayag (Ấn Độ) năm 1925*

Người ta kể rằng, cứ sau mỗi vụ giết người nó càng trở nên tàn bạo, lì lợm và liêu lĩnh hơn. Nó bắt đầu rình mò và tấn công các ngôi làng ngay cả giữa ban ngày (về sau, hầu hết các cuộc tấn công đều diễn ra vào ban ngày). Nỗi kinh hoàng mà nó reo rắc khủng khiếp đến mức những câu chuyện mê tín và hoang đường bắt đầu được dựng lên quanh con thú. Người ta gọi nó là cọp tinh và bắt đầu lan truyền những câu chuyện tưởng tượng về một phụ nữ hóa cọp để trả thù đàn ông (phần lớn các nạn nhân của nó là đàn ông).

Vào thời điểm cọp Champawat hoành hành dữ dội nhất, thậm chí đàn ông cũng không dám ra khỏi nhà để đi làm bởi tiếng gầm gừ của con cọp ngày ngày vẫn vang lên từ khu rừng như một điềm gở. Những người dũng cảm nhất muốn kết thúc cuộc sống sợ hãi đã lên đường đi săn nó để rồi trở thành những nạn nhân kế tiếp.



*Jim Corbett bên xác con cọp tinh ở Champawat*

- ***Jim Corbett vào cuộc***

Không biết số lượng nạn nhân của cọp Champawat sẽ còn lên đến bao nhiêu nếu như không xuất hiện người thợ săn tài năng người Anh Jim Corbett.

Sinh ra ở Nainital (Ấn Độ), nơi cha ông làm giám đốc bưu điện, Jim Corbett lớn lên cùng niềm đam mê rừng và đời sống hoang dã. Ông có năng khiếu bẩm sinh trong việc săn bắn và lần theo dấu vết. Người ta đồn rằng ngay từ tám bé ông chỉ cần lắng nghe là có thể phân biệt được hầu hết các loài chim và động vật. Trước khi lên 19, ông đã rời trường học để đi làm. Sau khi làm nhân viên hỏa xa, rồi làm thanh tra chất đốt, ông chọn công việc áp tải hàng

hóa qua sông Hằng ở khu vực Bihar. Công việc này cho phép ông có nhiều thời gian tham gia vào các cuộc săn bắn.

Đĩ nhiên là cạp Champawat đã lọt vào tầm ngắm của ông. Về chi tiết cuộc đi săn, việc lần ra dấu vết và tiêu diệt con cạp thành tinh này, Jim Corbett đã viết trong cuốn sách *Man-eaters of Kumaon* (Những con thú ăn thịt người ở Kumaon). Trong sách, Corbett cho biết ông thường đi săn một mình, thích đi bộ chứ không dùng phương tiện và thường dẫn theo một con chó nhỏ tên là Robin mà ông nhắc đến rất nhiều.

Corbett đã lần theo vết máu nạn nhân cuối cùng của cạp Champawat (một cô gái 16 tuổi) để tìm ra nơi ẩn náu của nó. Dù là người dũng cảm nhưng Corbett phải thú nhận rằng ông cảm thấy bàng hoàng về những gì ông chứng kiến trong hang ổ của con dã thú.

Cạp Champawat bị tiêu diệt năm 1911. Tổng cộng nó đã giết chết 436 người và có thể còn có rất nhiều người chết khác không được thống kê. Với Jim Corbett thì từ năm 1907 đến năm 1938, ông đã lùng diệt được cả thảy 19 con cạp và 14 con báo, tất cả đều có thành tích giết người. 33 con thú này được cho là đã lấy đi sinh mạng của ít nhất 1.200 người!

Trớ trêu thay, chính Corbett sau này lại trở thành một nhà hoạt động bảo tồn loài cạp. Ông đóng vai trò then chốt trong việc thành lập công viên quốc gia đầu tiên của Ấn Độ trên đồi Kumaon, nơi chính thức mang tên ông từ năm 1957. Về phần cạp Champawat thì ngày nay, ở thị trấn Champawat, gần cây cầu Chataar, có một tấm bảng bằng xi-măng đánh dấu nơi mà nó đã bị giết, tuy nhiên nơi nó bị giết thực sự ở cách đó đến 1km.

Một huyền thoại kinh hoàng đã kết thúc như thế.

# Nghĩa địa voi

**K**hi người châu Âu khám phá ra châu Phi đen và phát hiện ra nhiều đàn voi lớn trên khắp lục địa này thì họ cũng nghe thấy nhiều chuyện lạ. Người ta kể rằng khi một con voi biết mình sắp chết, nó sẽ lui về một nơi bí ẩn để sống nốt những chuỗi ngày còn lại bên cạnh thi thể đồng loại. Những khu nghĩa địa này vì thế chừa đầy ắp ngà voi.

- *Cả núi ngà voi trong rừng già sâu thẳm*

Một trong những du khách ở thế kỷ 19 kể về những nơi như thế là nhà thám hiểm lừng danh David Livingstone, người đã rong ruổi khắp châu Phi không hề mệt mỏi. Người đời hẳn phải nhớ ơn ông vì đã để lại nhiều công trình nghiên cứu về những điều kỳ thú trên khắp lục địa châu Phi. Những câu chuyện của ông đã góp phần tạo nên một huyền thoại.

Theo một số truyền thuyết châu Phi thì khi con voi cảm thấy mình gần chết, nó sẽ rời bỏ bầy đàn và, theo bản năng hoặc trí nhớ, tìm đến một nơi mà chỉ riêng loài voi mới biết được. Khi đến được cái nghĩa trang trải dài trên nhiều hecta và chất đầy những bộ xương trắng hếu của ông bà tổ tiên, loài vật da dày này sẽ nằm

xuống đó để ngủ giấc cuối cùng. Những con voi làm chuyện này thường là những con khôn ngoan nhất tức



*Vì cặp ngà quý của mình  
mà voi thường bị giết hại.*

những con đực già nặng hơn 100kg và có ngà dài hơn 3 mét. Đó là lý do vì sao từ nửa sau của thế kỷ 19 rất nhiều tay thợ săn đã mạo hiểm cả tiền bạc lẫn tính mạng để thực hiện những cuộc thám hiểm tìm kiếm nghĩa địa voi với hy vọng làm giàu hoặc thỏa mãn tính hiếu kỳ.

### • Những “nghĩa địa” gây thất vọng

Do thỉnh thoảng lại phát hiện vài đồng xương voi nên các nhà thám hiểm tin rằng các nghĩa địa chứa đầy ngà voi là chuyện có thực. Tuy nhiên sự hiện diện của các đồng xương voi không có nghĩa đây là hành động có suy tính của loài voi.

## NGÀ - MỘT CHẤT LIỆU ĐẶC BIỆT

Vì là một mô có độ khoáng rất cao nên ngà rất dễ hóa thạch. Những chiếc ngà mà con người hay sử dụng thường có xuất xứ từ những chiếc nanh mà voi và ma mút dùng làm vũ khí phòng vệ, chính vì thế mà ngày nay ngà voi bị chính phủ các nước triệt để cấm mua bán.

### Biểu tượng của sự trong trắng:

Người công giáo gắn ngà với Đức Mẹ đồng trinh Maria. Trong suốt thời gian dài, người ta gán cho ngà những phẩm chất kỳ diệu, nhất là ngà của con kỳ lân biển, một bộ cá voi sống ở vùng biển cực. Chiếc ngà duy nhất dài đến 3m của loài này từng bị mọi người nhầm với chiếc sừng của con kỳ lân trong thần thoại. Thời Trung Cổ, ngà kỳ lân biển được xem là có thể giúp phát hiện độc tố trong thức ăn.

### Công dụng nghệ thuật:

Từ thời tiền sử, ngà và xương đã thường xuyên được sử dụng trong nghệ thuật trang trí. Sau này người ta tìm thấy nhiều tác phẩm nghệ thuật chạm khắc trên ngà voi khắp từ Groenland đến Trung Quốc dọc theo con đường Địa Trung Hải.

Nếu như không tìm thấy dấu vết chiếc ngà nào thì người ta sẽ kết luận rằng đồng xương này là tàn tích của một cuộc tàn sát voi do những tay săn trộm thực hiện từ lâu trước đây. Việc tàn sát voi trở nên khả thi là nhờ những “cây gậy lửa” được đưa vào châu Phi vào cuối thế kỷ 19.

Còn nếu như, ngược lại, ngà voi vẫn còn cắm trên sọ những con voi chết thì có nghĩa là chúng chết tự nhiên. Quả thật, khi xảy ra hạn hán lớn, đàn voi khó đi tiếp được đến nơi có khí hậu ôn hòa hơn. Chúng buộc phải bỏ xác ngay đó vì kiệt sức và đói khát.

Ngoài ra, những khu vực cát lún cũng có thể trở thành mồ chôn những con voi khổng lồ, trong đó có nhiều con nặng đến hơn 5 tấn.

#### • *Những con voi nằm chờ chết*

Đến thế kỷ 20, nhờ được tăng cường kiến thức về hành vi loài voi nên người ta đã tìm ra lời giải thích hợp lý cho truyền thuyết này. Christian Zuber, một người chuyên chụp ảnh động vật hoang dã đã nhận xét rằng bộ răng của các con voi già bắt đầu cùn đi nhiều từ độ tuổi từ 55 đến 60, và chính vì răng bị cùn nên chúng thường bị chết đói. Các con voi già cũng thường bị sâu răng rất nặng khiến chúng vô cùng đau đớn. Và giống như nhiều con thú lớn khác ở châu Phi (như hà mã chẳng hạn), loài voi cũng theo bản năng sục miệng vào đầm lầy với hy vọng nước đầm lầy sẽ giúp chúng trị thương và giảm đau.

Do kiệt sức nên sau khi ngậm chiếc miệng đau xuống đầm nước bùn lầy một lúc lâu, nhiều con voi đã không thể ra khỏi đó mà đành nằm chờ chết. Do ở vùng đồng cỏ savan rất ít nơi có nước nên người ta thường tìm thấy nhiều bộ xương voi ở cùng một chỗ. Những con voi chết kiểu này thường là những con rất già và vì thế bộ ngà của chúng cũng khổng lồ.



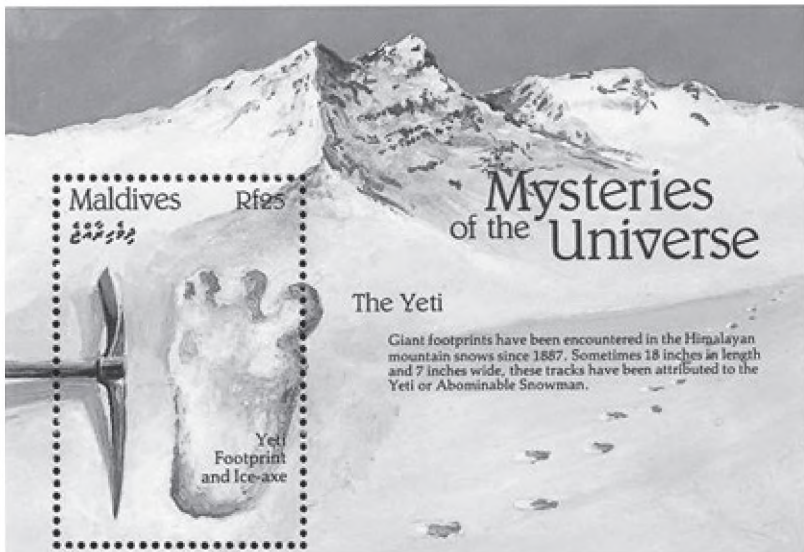
# Yeti, mi ở đâu?

**N**gười Tây Tạng tin rằng có những sinh vật mặt khỉ với dáng đi thẳng đứng đang sinh sống tại những vùng hoang dã bạt ngàn quanh năm tuyết phủ trên dãy Himalaya. Niềm tin này có vẻ như được đặt cơ sở trên rất nhiều sự việc thật.

- **Săn lùng dấu vết người tuyết**

Năm 1951, khi vận động viên leo núi Eric Shipton còn cách dãy Everest 60km về phía Đông thì ông để ý thấy có những dấu chân kỳ lạ trên tuyết. Dấu chân rất lớn, dài hơn 30cm và ngập sâu trong tuyết (tức lực đè phải rất lớn), đặc biệt hình dáng một ngón chân nổi rõ hơn các ngón khác. Sau khi nghiên cứu khuôn bàn chân lấy

*Một con tem của Maldives thể hiện dấu chân người tuyết phát hiện trên đỉnh Everest năm 1951*



## HẬU DUỆ CỦA MỘT GIỐNG Vượn KHỈ?

Nhiều giả thuyết được đưa ra để giải thích sự hiện hữu của người tuyết.

Có thể đó là một giống khỉ khổng lồ chưa từng được phát hiện, hậu duệ của loài vượn khổng lồ sống ở Nam Trung Quốc cách đây 500.000 năm mà mãi đến năm 1937 hài cốt mới được phát hiện. Hoặc có thể đó là một giống đười ươi sống trên mặt đất chứ không phải trên cây. Giống đười ươi này sở dĩ đi bằng hai chân là vì nó phải băng ngang những đồi dốc ngập tràn tuyết phủ.

Nhiều giả thuyết cho rằng người tuyết là một dạng người tiền sử. Một số người lại nghĩ đến loài *Paranthropus* sống ở châu Phi cách đây từ 3 đến 5 triệu năm trước và cho rằng một vài chi của loài này vẫn tiếp tục tồn tại đến ngày nay.

từ dấu chân này, nhà vạn vật học W. Tschernetzsky kết luận đây là dấu chân của “một động vật linh trưởng lớn đi bằng hai chân, có thể thuộc loài *Gigantopithecus* hóa thạch”.

Năm 1955, cha xứ Bordet đến từ Viện Địa chất Paris đã lần theo ba dấu chân hằn rõ trên một đoạn đường dài hơn 1km. Hai chuyên gia nghiên cứu động vật có vú cho rằng đây là dấu chân của một sinh vật chưa từng được ghi trong danh mục các loài.

### • Những kẻ từng nhìn thấy và ngửi thấy mùi người tuyết

Dấu chân không phải là bằng chứng duy nhất chứng tỏ sự hiện hữu của người tuyết. Nhiều người còn khẳng định rằng họ đã tận mắt nhìn thấy người tuyết. Qua lời kể của họ, ta có thể phác họa chân dung người tuyết như sau:

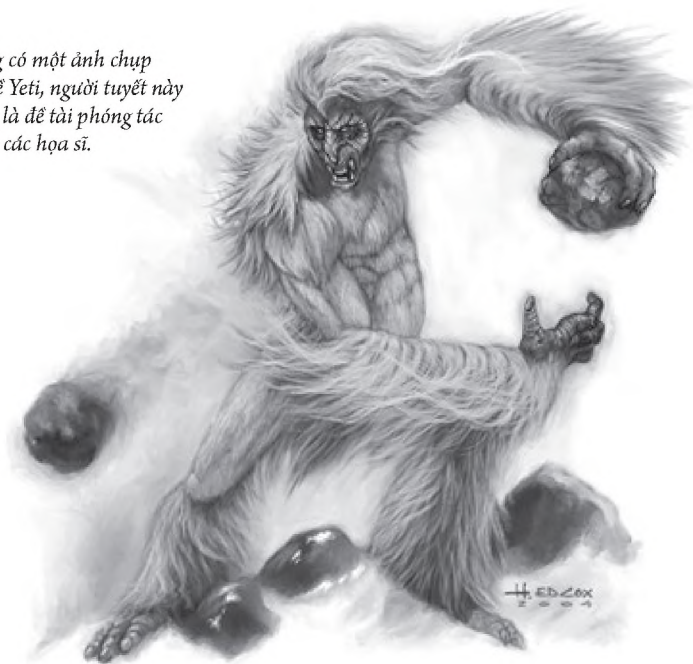
Người tuyết có thân hình cao lớn vạm vỡ và bộ lông nâu sậm. Nó có chiếc trán hớt, cặp mắt sâu, chiếc cằm dô và hàm răng lớn. Khi đi, nó dang rộng cả hai tay hai chân, dáng khuểnh khoàng. Tay nó dài đến tận đầu gối. Các nhân chứng đều nói là cơ thể nó bốc mùi rất hôi.

Năm 1954, một đoàn thám hiểm do nhà khoa học người Anh Charles Stonor dẫn đầu đã vào dãy Himalaya để truy tìm tông tích người tuyết nhưng chỉ tìm thấy những đồng phân rất to mang hình dạng bất thường. Họ lấy các mẫu phân về nghiên cứu. Qua số thức ăn và những mẫu rau xanh tìm thấy trong phân, có thể nói người tuyết thuộc loại ăn tạp.

- ***Không có người tuyết!***

Cuộc truy tìm người tuyết rầm rộ nhất do Desmond Doig và ngài Edmund Hillary - người đầu tiên chinh phục đỉnh Everest

*Do không có một ảnh chụp rõ ràng về Yeti, người tuyết này vẫn đang là đề tài phóng tác tự do của các họa sĩ.*



- tiến hành vào năm 1960. Cuộc thám hiểm kéo dài 10 tháng và được trang bị cả máy quay phim tự động. Đoàn thám hiểm được người bản địa cung cấp các mảng da đầu mà họ nghĩ là của người tuyết. Tuy nhiên qua phân tích thì các mảng da đầu này thuộc về loài gấu xanh, một loài động vật rất hiếm khi xuất hiện. Sau khi kết thúc sứ mệnh, hai người trong đoàn thám hiểm đi đến kết luận rằng không hề có người tuyết.

- ***Có người tuyết chứ, và đến những ba người!***

Nhiều năm sau, Doig thay đổi ý kiến. Ông cho rằng không nhìn thấy người tuyết không có nghĩa là người tuyết không tồn tại.

Theo như ông nhớ thì các hướng dẫn viên Tây Tạng phân người tuyết ra làm 3 loại. Một là *dzuteh*, một sinh vật khổng lồ lông lá chuyên tấn công gia súc (theo Doig thì đây có thể là loài gấu xanh). Thứ hai là *thelma*, một dạng sinh vật có vóc dáng của một người bé nhỏ và thường hay vừa chạy vừa hú vừa lượm củi khô (một số người cho đây là loài vượn). Thứ ba là *mih teh*, một sinh vật giống khỉ nhưng có vóc dáng khổng lồ cùng bộ lông đen rậm rạp.

Dù thế nào thì dấu chân trên tuyết cũng giống với dấu chân của một sinh vật đi trên hai chân và nặng hơn con người rất nhiều. Sinh vật này không giống bất kỳ loài động vật nào mà ta biết từ trước đến nay.



*Desmond Doig và ngài Edmund Hillary đã thu thập được những mảng da đầu tưởng như của người tuyết nhưng hóa ra là của loài gấu.*

## Họ hàng của người tuyết ở châu Mỹ và Nga

Yeti không phải là sinh vật bí ẩn duy nhất được nhìn thấy tại những khu vực hẻo lánh và hoang dã nhất hành tinh.

**Sasquatch.** Đây là cái tên mà người da đỏ đặt cho "người ghê rợn ở Canada". Khu vực ưa thích của sinh vật này là British Columbia, tức khu vực nằm ngay phía Bắc của nơi mà con *big-foot* thường xuất hiện.



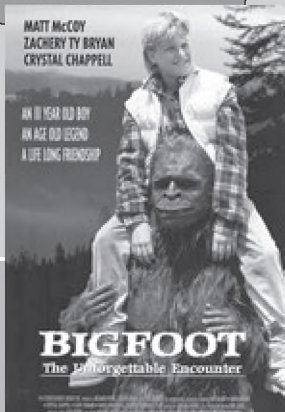
Tượng Sasquatch ở British Columbia

**Alma.** Rất nhiều người từng nhìn thấy sinh vật này. Nhiều nhà nghiên cứu cũng đã thử làm sáng tỏ bí ẩn về người tuyết phiên bản Nga này. Trong số những lời chứng thu thập được có lời chứng của trung tá V.S. Karapetyan, người từng quan sát một *alma* năm 1941 ở vùng Buinask (Caucas) khi sinh vật này bị thuộc hạ của ông bắt giữ vì lầm tưởng là một gián điệp nguy trang. Theo trung tá Karapetyan thì sinh vật này không phải là thú mà là một "dạng người hoang dã".

**Big-foot.** Với hình thức bên ngoài gần giống như *yeti*, *big-foot* là sinh vật đến từ Tây Bắc Hoa Kỳ. Người ta nhìn thấy những con *big-foot* từ năm 1830 và kể từ đó đến nay tính ra đã có tới hàng nghìn người nhìn thấy chúng.

Tu liệu gây hoang mang nhất là một đoạn phim chỉ dài vài phút của một người quay nghiệp dư. Đoạn phim có chất lượng hình ảnh không tốt và bị giật liên tục, nhưng người ta vẫn nhìn thấy hình ảnh một con *big-foot* đang đi trong rừng. Đoạn phim này được Roger Patterson quay năm 1967 ở Bluff Creek phía Bắc bang California. Nhiều nhà khoa học sau khi xem xong đoạn phim đều thừa nhận là người quay phim không sử dụng bất kỳ kỹ xảo dàn dựng nào.

Một cuốn sách của nhiều tác giả viết về con *big-foot*



# thủy quái



# Mỹ nhân ngư, nàng là ai?

**M**ỹ nhân ngư, hay nàng tiên cá, là nhân vật huyền thoại có tiếng hát du dương hấp dẫn các chàng thủy thủ rồi đưa họ vào cõi chết. Cho dù cách quyến rũ của các nàng tiên này có khác nhau qua từng câu chuyện kể, nhưng tất cả các câu chuyện đó đều có sức cuốn hút mãnh liệt đối với người đi biển.

- **Tiếng hát du dương khó cưỡng và chết chóc**

Các mỹ nhân ngư xuất hiện lần đầu tiên trong tác phẩm *Odyssey* của Homer. Thiên anh hùng ca này kể về những cuộc phiêu lưu mạo hiểm của Ulysses, một anh hùng Hy Lạp trong hành trình dài quay về Ithaque sau cuộc chiến thành Troy.

Các mỹ nhân ngư trong thần thoại Hy Lạp sống trên một hòn đảo ở Địa Trung Hải. Tiếng hát ngọt ngào của chúng khiến bất kỳ chàng thủy thủ nào khi nghe thấy đều không thể cưỡng lại và đắm thuyền vào bãi đá ngầm. Nếu ai sống sót thì cũng đều bị giết không thương tiếc. Cái tên “mỹ nhân ngư” đến từ một từ Latin là *siren* và từ này có gốc Hy



*Các nàng tiên cá nuôi dưỡng trí tưởng tượng của rất nhiều thủy thủ trong các hành trình dài trên biển.*



Hình ảnh các mỹ nhân ngư thường xuất hiện trong thần thoại Hy Lạp, nhất là trong các cuộc phiêu lưu của Ulysses trong tác phẩm *Odyssey*. Trên hình là tranh ghép của La Mã ở thế kỷ thứ 3

Lạ là *seirên* lấy từ chữ *seira*, có nghĩa là sợi dây hay “công cụ có khả năng bắt giữ”.

Khi Ulysses rời nơi ở của tiểu thần phép thuật Circe, chàng biết mình sẽ phải đi qua hòn đảo của các mỹ nhân ngư. Nhờ được tiểu thần Circe dặn dò kỹ lưỡng nên người hùng khôn ngoan của chúng ta đã sử dụng một mẹo nhỏ giúp chàng nghe được tiếng hát của các nàng tiên cá mà vẫn không đẩy con tàu cùng đồng đội vào chỗ hiểm nguy. Chàng ra lệnh cho các thủy thủ lấy sáp nhét chặt lỗ tai của họ rồi trói chàng vào cột buồm. Nhờ thế chàng đã thỏa mãn được tính hiếu kỳ của mình mà vẫn không bị tiếng hát hạ gục.

Tiếng hát của các mỹ nhân ngư vừa thống thiết vừa kêu gọi, ngụ ý rằng chúng “biết tất cả những chuyện sẽ xảy ra trong tương lai trên trần thế”. Khi nghe chúng hát, Ulysses kêu gào đòi đồng đội cởi trói nhưng các thủy thủ không nghe được tiếng chàng.



Con thuyền qua khỏi khu vực đó và các nhân vật trong truyện thoát khỏi số phận bi thảm của những thủy thủ đi trước.

• **Người chim và người cá**

Hình dáng các mỹ nhân ngư thay đổi theo từng thời đại. Dưới thời Hy Lạp, các “nàng tiên” này được mô tả như những sinh vật có cánh, mặt người thân chim, giống như những hình vẽ trên các ấm nước thời Hy Lạp cổ.



Đến thời Đế chế La Mã, người ta lẫn lộn mỹ nhân ngư với các nữ thủy thần, tức 50 nàng con gái của thủy thần Nérée và nữ thần Doris, hậu duệ của thần đại dương Titan. Các nữ thủy

### NGƯỜI CÁ BẮC ÂU

Trong truyện huyền thoại của Ireland và Anh luôn có sự hiện diện của các mỹ nhân ngư ngoài khơi xa, còn trong truyện thần thoại của Đức thì hình ảnh các nàng tiên cá thường hay xuất hiện ở đầu ngọn sóng.

Theo truyền thuyết của vùng Bretagne, công chúa Ahez, con gái vua Grallon, vì phạm tội thỏa hiệp với quỷ dữ để đim thành Ys trong biển nước nên đã bị đày xuống biển sâu, trở thành người cá.



*Một điều khắc thể hiện người chim tại một cung điện trên sông Rhine*

thần xinh đẹp là thần tiên chốn biển khơi, chính vì thế nên cũng không lạ gì khi họ bị lẫn lộn với các mỹ nhân ngư vốn cũng sống ở biển khơi.

Trong các câu chuyện thần thoại thời Trung Cổ lẫn trong thần thoại của người Celtic và người Đức, các nữ thủy thần cũng được biến thành những thiếu nữ nửa người nửa cá, với phân nửa thân dưới phủ đầy vây.

- ***Người răn và nữ quý***

Thời Trung Cổ, mỹ nhân ngư thường bị nhầm với những nữ yêu mình chim ăn thịt người. Như mọi quái vật mang hình dáng nửa người nửa thú, nữ yêu mình chim vừa thuộc hành khí vừa thuộc

hành thủy. Văn hóa Trung Cổ cho phép sinh vật mang bản chất kép này tạo thành người cá hiện nay tức một sinh vật có nửa thân trên là của một cô gái còn nửa thân dưới là đuôi và vây cá. Nàng người cá thường hay bị nhầm lẫn với nàng người rắn mà người địa phương gọi là vouivre.

Phần thân trên của những phụ nữ nửa người nửa vật này tượng trưng cho lạc thú và nữ tính còn thân dưới của họ thì biểu trưng cho nhục dục và thú tính. Đạo Cơ Đốc xưa vốn thành kiến với phụ nữ nên xem mỹ nhân ngư là biểu hiện của quỷ, tuy nhiên trong các câu chuyện dân gian châu Âu hiện đại (như truyện cổ Andersen) thì hình ảnh các mỹ nhân ngư lại không hề tiêu cực.

- **Lợn biển và cá nước - những người cá vô hại**

Khi rong ruổi trên các vùng biển xa thuộc khu vực quần đảo Antilles, Christopher Colombus cho rằng ông đã nhìn thấy ba nàng tiên cá đang khiêu vũ trên mặt nước. Tuy các nàng tiên này đều xấu xí và không biết nói nhưng ông nhìn thấy trong ánh mắt họ toát lên “niềm nuối tiếc đất nước Hy Lạp”.

Các nhà vạn vật học ngày nay đều nghĩ rằng huyền thoại mỹ nhân ngư xuất phát từ hình dáng loài lợn biển. Trong một thời gian dài những người đi biển thường lầm tưởng loài động vật này là người cá. Ngược lại, dựa vào truyền thuyết nàng tiên cá mà các nhà động vật học đã chọn cái tên *Siren* để đặt cho bộ động vật có vú sống dưới nước này. Lợn biển và cá nước là hai đại diện duy nhất còn tồn tại của bộ này.

## Điều vũ cuối cùng của những “nàng tiên cá”

**Lợn biển.** Với vóc dáng to lớn, thân hình dài đến 2 hoặc 3 mét, lợn biển còn được gọi là “bò biển”. Với chiếc đầu khổng lồ gắn trên một thân hình thuôn dài nhẵn nhụi, tiếng kêu du dương của lợn biển góp phần đưa chúng vào những câu chuyện huyền thoại và trở thành “tiếng hát của các mỹ nhân ngư”. Chúng được so sánh với mỹ nhân ngư còn do con cái có cặp vú giống như ngực phụ nữ. Chúng sống ở những con sông ven biển ở Hoa Kỳ, giữa bắc Carolina và vịnh Mexico, nhưng cũng xuất hiện cả ở bờ Tây châu Phi, nơi mà từ xa xưa người ta đã nhìn thấy chúng.

**Cá nược.** Cá nược được tìm thấy chủ yếu ở Ấn Độ Dương và Bắc Úc. Cá nược là những con vật hiền hòa nhưng đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.



*Những người đi biển rất có thể đã nhầm lẫn lợn biển với mỹ nhân ngư.*

# Rắn biển khổng lồ ở vịnh Hạ Long

**T**háng 7 năm 1897, trong chuyến tuần tra phía Bắc vịnh Hạ Long của Việt Nam, pháo thuyền *Avalanche* của Pháp đã tìm cách bắn hạ hai con “rắn biển”.

- **Quái vật trôi lên mặt nước**

Theo số báo ra ngày 5 tháng 3 năm 1898 của tờ *Courrier d’Hai Phong* thì trận chiến giữa đại úy hải quân Lagrésille và thủy thủ đoàn với các quái vật biển khởi đầu vào tháng 7 năm 1897 trong một chuyến tuần tra ngoài khơi vịnh Hạ Long. Nếu đúng như lời kể của viên sĩ quan thì hai con vật này mỗi con dài khoảng 20m, đường kính thân mình khoảng từ 2 đến 3m. Chúng đột ngột trôi lên mặt nước trong tư thế vừa di chuyển vừa uốn lượn theo chiều thẳng đứng, nhưng lại bơi theo chiều dọc. Lagrésille lập tức nạp pháo vào khẩu đại bác nhưng đường đạn đi không đủ xa. Hai con vật hoảng sợ lặn ngay xuống biển, vừa lặn vừa rít âm ỉ, để lại trên mặt nước những xoáy nước như những con sóng bạc đầu.

- **Truy tìm quái vật**

Nhưng câu chuyện không dừng ở đó. Ngày 15 tháng 2 năm 1898, khi tàu *Avalanche* đi qua vịnh Bái Tử Long phía Bắc vịnh Hạ Long thì lại gặp hai con vật tương tự với những con gặp lần trước. Lần này thì đại úy Lagrésille cho tàu phóng thẳng về phía chúng. Khi cách mục tiêu ba bốn trăm mét, các nòng pháo lại rền vang và ít nhất là có hai quả pháo đã trúng một trong hai con rắn biển nhưng rõ ràng là không có viên đạn nào làm con vật bị thương.



đầu con hải cẩu nhưng lớn hơn gấp đôi còn dọc sống lưng của nó thì có một đường hình răng cưa.

- **Cơ hội thứ hai**

Ngày 26 tháng 2 năm 1898, Lagrésille mời thiếu tá Joannet cùng 9 sĩ quan của tàu thiết giáp *Bayard* lên tàu *Avalanche* vì bọn họ đã điều cốt ông về câu chuyện mà ông kể cho họ nghe trong bữa tiệc ngày hôm trước. Khi chiếc pháo thuyền đang ở trên vịnh Bái Tử Long, trong lúc mọi người đang ăn trưa thì một thủy thủ bỗng chạy vào báo là nhìn thấy hai con “rắn biển”. Tàu *Avalanche* liền lên đường truy đuổi một trong hai con vật này suốt trong 35 phút. Lần này thì cả Lagrésille cùng các vị khách mời đều nhìn thấy rõ con vật ở khoảng cách 200m. Trong số các sĩ quan có hai người mang máy ảnh nhưng họ chưa kịp lên phim thì con vật đã vọt đi quá xa nên không chụp được.

*Vịnh Hạ Long – Cái nôi của loài rắn biển khổng lồ?*



Khi quay về tàu *Bayard*, thiếu tá Joannet thông báo ngay cho đô đốc de la Bédollière biết. Ông này lập tức đánh điện cho Toàn quyền Paul Doumer, vị tổng thống tương lai của nước Cộng hòa Pháp, để báo cho Doumer biết chuyện họ nhìn thấy mấy con quái thú, đồng thời ông cũng thông báo cho Doumer về ý định dùng pháo thuyền và ca-nô hơi nước để truy bắt một con rắn biển. Nhưng vì một số lý do, dự định này cuối cùng đã không thực hiện được. Một lần nữa các con rắn biển lại mang bí ẩn của chúng đi vào lòng biển sâu...

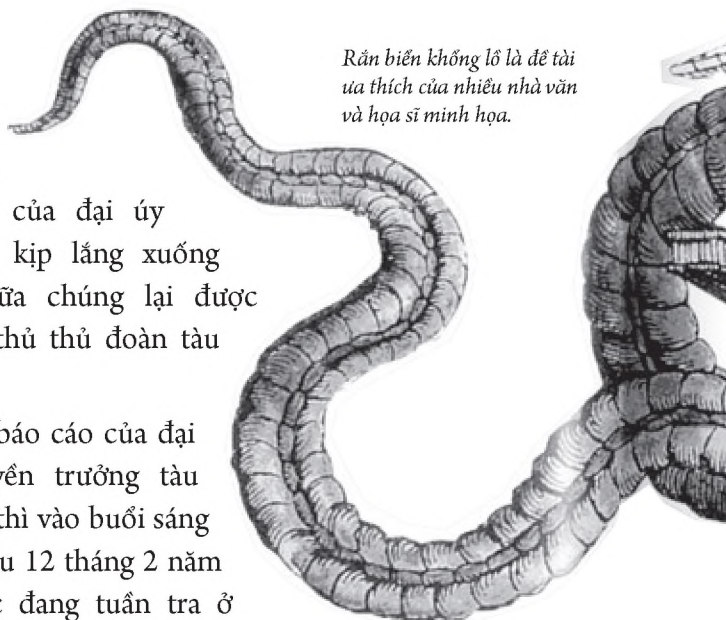
Nói chung, những con thủy quái mà nhiều người cho là loài rắn biển khổng lồ do tàu *Avalanche* phát hiện đã được thủy thủ đoàn thống nhất mô tả như trên. Giải thuyết về một loài thuộc bộ cá voi (cetacea) bị bác bỏ do chiếc bờm dài hình răng cưa ở trên lưng mà nhiều người thấy (một cơ quan không tìm thấy ở bộ cá voi).

### • *Chuyện kể của Peron*

Những mẫu chuyện về rắn biển khổng lồ của đại úy Lagrésille chưa kịp lắng xuống thì một lần nữa chúng lại được hâm nóng bởi thủ thủ đoàn tàu *Chateaurenault*.

Căn cứ theo báo cáo của đại úy Peron, thuyền trưởng tàu *Chateaurenault*, thì vào buổi sáng sớm ngày thứ sáu 12 tháng 2 năm 1904, trong lúc đang tuần tra ở

*Rắn biển khổng lồ là đề tài ưa thích của nhiều nhà văn và họa sĩ minh họa.*





mỏm Con Cóc (nguyên văn trong báo cáo là Crapaud), ông được báo là phía trước có một mỏm đá. Peron tin đó là một con cá to và cho tàu tiến về nó. Khi tàu đến gần, con vật biến mất.

Peron thả một ca-nô xuống để chạy về hướng mỏm Con Cóc, hy vọng nhìn thấy con vật tái hiện. Khi đi vào gần vùng đảo Cát Bà, ông nhìn thấy hai con vật có lưng giống nhau, trông như hai con cá chình khổng lồ, màu da của chúng tương tự màu sắc các mỏm đá, có thêm các đốm vàng nhạt. Chúng xuất hiện trong tầm mắt của những người ngồi trên ca-nô rồi đồng loạt biến mất.

Buổi chiều ngày 25 tháng 2 năm 1904, trên đường rời khỏi vịnh Hạ Long, đại úy L'East cùng các thủy thủ đoàn của tàu Décidée lại nhìn thấy những con vật giống như trong báo cáo của đại úy Lagrésille đăng trên tạp san của Hội Động vật học Pháp năm

1902. Trong báo cáo cho cấp trên, L'East

viết: “Trước tiên tôi thấy cái lưng của

con vật ở khoảng chừng 300m có

hình dáng một khối đen tròn

như một mỏm đá, nhưng rồi

tôi nhìn thấy nó cử động lần

này lại giống một con rùa

khổng lồ có đường kính từ 4

đến 5m. Ít lâu sau, tôi thấy cái

khối đó trải dài ra và nổi lên mặt

nước liên tục. Tất cả các bộ phận

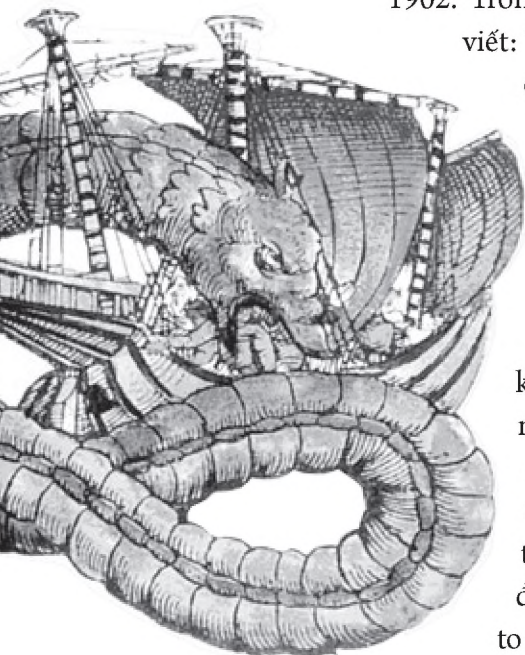
cơ thể của con vật có bề ngoài

trông như một con rắn dẹt mà

tôi ước đoán chiều dài cũng phải

đến khoảng 30m, chiều rộng nó

to nhất từ 4 đến 5m...”



Một lần khác, L'Éost và các thủy thủ có dịp quan sát tương đối gần hơn đầu con vật. Nó nhô cao khỏi mặt nước, trông giống đầu của một con rùa, phần rộng nhất chừng 40-80cm, hơi lớn hơn một chút so với cái cổ. Khi bơi, con vật phun ra hai tia bụi nước. Nó di chuyển với tốc độ chừng 8 hải lý (độ 14,5km/h).

- **Cuộc hội ngộ của hai con quái vật**

Tháng 10 năm 1936 đã diễn ra một cuộc hội ngộ bất ngờ giữa hai con quái vật: một con quái vật bằng kim loại của Hãng hàng không Air France và con quái vật kia là loài rắn biển khổng lồ. Câu chuyện được đăng trên báo Ouest-Eclair (Tia chớp Phương Tây) số ra ngày 13 tháng 12 năm 1936 và nhân vật chính là Laurent Pelletier, một cựu chiến binh, kỹ sư cầu cống Đông Dương, đang làm chủ một đồn điền cao su ở Cần Lố (một địa danh xưa ở miền Tây Nam bộ). Ngày 1 tháng 10 năm 1936, trên chuyến bay rời Sài Gòn về Pháp nghỉ ngơi, Pelletier tình cờ phát hiện con rắn biển khổng lồ trên biển khơi. Trước tiên, ông nhìn thấy những bọt khí tung lên giữa cái xô bồ của mặt biển, con vật bơi từ Tây sang Đông, thân mình uốn khúc, cổ và đuôi rất dài. Không muốn làm gián đoạn việc theo dõi con vật trên biển, Pelletier không báo cho

những người đồng hành biết. Tuy nhiên, sẵn chiếc máy ảnh Contax trên tay, ông chìa ống kính xuống mặt biển bên dưới và bấm nút. Đây có lẽ là bức ảnh đầu tiên về loài rắn biển khổng



lồ. Tuy nhiên, do ở cự ly xa và không kịp chuẩn bị mà hai tấm ảnh Pelletier chụp chỉ nhìn thấy mờ.

Những thông tin về loài vật kỳ bí này có đủ sức hấp dẫn để lôi cuốn Hội Động vật học Pháp vào cuộc. Họ vạch ra một chương trình săn tìm công phu, chủ yếu ở Hạ Long, nơi mà loài Megophias thường xuất hiện từng

cặp do điều kiện khí hậu ẩm áp thích hợp cho sự sinh sống của chúng. Về phương cách hoạt động, do loài vật này nhút nhát và nhanh nhẹn, họ không chủ trương sử dụng tàu lớn vì sẽ dễ khiến chúng sợ hãi và trốn biệt. Phương tiện săn tìm thích hợp là xuồng nhỏ, vừa cơ động, vừa ít gây xáo động trong khu vực tìm kiếm. Về vũ khí, họ không sử dụng súng bắn đạn sát thương mà dùng loại lao móc phóng bằng tay hay bằng súng, có tác dụng giữ cho con vật nổi trên mặt nước. Các nhà thám hiểm giàu kinh nghiệm xác định là việc theo dõi loài rắn khổng lồ này ở cự ly gần không nguy hiểm vì chúng chưa hề tấn công người. Một khi bắt được chúng, họ sẽ chụp ảnh và cố giữ cho chúng sống càng lâu càng tốt. Trong trường hợp các điều kiện môi trường không cho phép, nếu cần, họ sẽ lột da chúng, lấy đi hộp sọ hoặc nếu được, bảo quản toàn thể bộ xương của chúng.

Những ai đi thuyền dọc bờ biển Na Uy đều xác nhận từng trông thấy một con vật đáng kinh sợ, dài khoảng 60m, thân mình dày 6m, thường xuất hiện vào những đêm trăng sáng để ăn thịt những con cừu, lợn và nhiều thủy sản... Chúng lao vào những tàu thuyền để ăn tươi nuốt sống những gì trên đó. Cổ chúng có một túm lông dài chừng 55cm, thân mình có những lớp vảy màu đen, mắt đỏ chói những tia lửa...

Theo ghi chép năm 1555 của giám mục người Na Uy Olaus Magnus.



Ảnh chụp của Robert Le Serrec  
đăng trên một tạp chí của Úc

Những năm Chiến tranh thế giới lần thứ hai và giai đoạn tái thiết sau đó ở Pháp có lẽ đã làm dang dở chương trình này. Sự quan tâm của thế giới đối với loài rắn biển khổng lồ ở Hạ Long cũng giảm dần cùng với sự xuất hiện thưa thớt hơn của chúng. Thế nhưng, người ta vẫn biết rằng loài rắn biển khổng lồ vẫn còn đó. Tháng 12 năm 1964, nhà nhiếp ảnh Robert Le Serrec đã có cuộc hội ngộ với rắn biển khổng lồ và những bức ảnh chụp của ông khá độc đáo. Tháng 7 năm 1978 chúng xuất hiện qua lời chứng của một du khách đăng trên tờ *East Anglian Magazine*.

Tháng 6-2002, thủy thủ đoàn một chiếc tàu đi trên Thái Bình Dương cho biết họ đã gặp rắn biển khổng lồ...

Cuối cùng thì những câu chuyện về loài rắn biển khổng lồ vẫn tiếp tục được phủ trong màn sương khói của những nỗi hoài nghi. Nhưng dù sao, đó cũng là điều thú vị mà tạo hóa dành tặng cho chúng ta. Bởi lẽ nếu mọi chuyện đều dễ dàng vượt qua thì còn gì là những bí ẩn kích thích trí tò mò ham khám phá sự thực của môi chúng ta nữa?



Con thủy quái do  
tàu *Zuiyo Maru* lưới được



## QUÁI VẬT ĐẦY DẪY NGOÀI BIỂN KHƠI

Loài rắn biển khổng lồ được ghi nhận trong nhiều tài liệu xưa của nhân loại, chúng thoắt ẩn thoắt hiện, kêu gọi trí tò mò của những người đi biển và được khoác cho nhiều hình tượng khác nhau.

**Năm 1876**, tại eo biển Malacca, tàu hơi nước *Nestor* của Anh đã gặp một con thủy quái dài khoảng 65m nhưng chỉ riêng cái đuôi của nó đã lên đến 45m. Chiều dài kinh hoàng này khiến ta nghĩ rằng phải chăng các thủy thủ đã nhìn thấy một con rắn lớn cùng đàn con của nó nối đuôi nhau.

**Ngày 30 tháng 12 năm 1947**, chiếc tàu khách *Santa Clara* của Mỹ va vào một con vật dài 15m có hình dáng giống như một con lươn sống ở ngoài khơi phía Bắc bang Carolina. Con vật giãy giụa trong vũng máu một lúc rồi chìm xuống đáy biển.

**Tháng 10 năm 1969**, ở ngoài khơi của khu vực tam giác Bermuda tại độ sâu 270m, chiếc tàu ngầm nhỏ mang tên *Alvin* bất chợt đối diện với một con vật khổng lồ có cái đầu của loài bò sát cùng với chiếc cổ dài và rất nhiều vây. Con vật biến mất trước khi tàu *Alvin* kịp quay phim nó.

**Ngày 30 tháng 7 năm 1915**, tàu ngầm *U-28* của Đức đánh chìm tàu hơi nước *Iberia* của Anh. Con tàu này nổ tung ở độ sâu từ 10 đến 200m dưới biển, các mảnh tàu bắn tung lên trời và trúng vào một con sấu biển khổng lồ dài khoảng 20m, hất con vật tung lên không trung rồi rớt xuống giãy giụa trong nước.

**Ngày 10 tháng 4 năm 1977**, tàu đánh cá *Zuiyo Maru* của Nhật lưới được một xác quái thú dài hơn 10m gần New Zealand. Do xác con vật bốc mùi hôi thối khủng khiếp nên viên thuyền trưởng ra lệnh vớt nó trở xuống biển. Các hình ảnh chụp con vật cho thấy đó là một con thú có chiếc cổ và chiếc đuôi dài giống như thằn lằn đầu rắn. Tuy nhiên các nghiên cứu gần đây cho rằng mặc dù mang hình dáng đó nhưng con vật này có thể chỉ là một con cá mập trắng bình thường...

# Có gì ở dưới hồ Loch Ness?

**N**ằm ở phía Bắc Scotland, gần thành phố Inverness, Loch Ness là một hồ nước êm ả sâu hơn 200m và dài 39km. Sẽ chẳng ai quan tâm đến chiếc hồ này nếu như đó không phải là nơi trú ngụ của một con thủy quái nổi tiếng.

- **Con vật có chiếc cổ dài và cái đầu của loài bò sát**

Sự xuất hiện của *Nessie*, cái tên mà người ta đặt cho con thủy quái vào thế kỷ 20, đã được báo động từ rất lâu trước đó. Nhưng phải chờ đến ngày 2 tháng 5 năm 1933, khi một bài báo xuất hiện trên tờ báo địa phương nổi tiếng *Inverness Courier* thì công chúng mới chú ý đến con vật.

Trong bài báo, Alex Campbell thuật lại chuyện con quái thú xuất hiện ngay trước mắt cặp vợ chồng Mac Kay ngày 14 tháng 4. Khi ông bà Mac Kay đang lái xe trên con đường mới xây dọc bờ hồ, nơi có thể nhìn thấy mặt hồ rất rõ ràng, thì họ đột nhiên thấy mặt hồ xao động mạnh, sau đó một con vật trồi lên. Họ quan sát nó cả một phút trước khi nó biến mất. Alex Campbell nhấn mạnh là “thân hình con vật làm ta liên tưởng đến một con cá voi. Nước xoáy quanh nó như thể đang sôi lên”.

Ngày 8 tháng 5 kế tiếp, tờ *Northern Chronicle*, đối thủ của tờ *Inverness Courier*, lần đầu tiên sử dụng cụm từ “quái vật hồ Loch Ness” và khiến con vật trở nên nổi tiếng dưới cái tên này. Hàng trăm du khách đổ xô ra hồ, đồng đến nổi Hội đồng thành phố Inverness buộc phải ban hành một nghị định nhằm “bảo vệ” con quái thú và ngăn không cho người ta làm hại nó.

- ***Ai mà chẳng thấy con quái vật ấy?***

Số người nhìn thấy *Nessie* tăng nhanh (từ đó đến nay có đến mấy nghìn người nhìn thấy nó) giúp ta có thể phác họa chân dung con vật như sau: con vật có cái đầu của loài bò sát và một chiếc cổ dài ngoẵng thò hẳn ra ngoài mặt nước, trên chiếc đầu đó là cặp mắt sáng rực. Nó có hai cái bướu và thậm chí có thể là ba cái ở trên lưng, đuôi nó luôn quẫy mạnh, tạo ra những vòng nước lớn xung quanh. Một số nhân chứng quan tâm đến tốc độ di chuyển

*Năm 1977, Antony Shielf đã chụp được tấm ảnh nổi tiếng nhất về Nessie.*



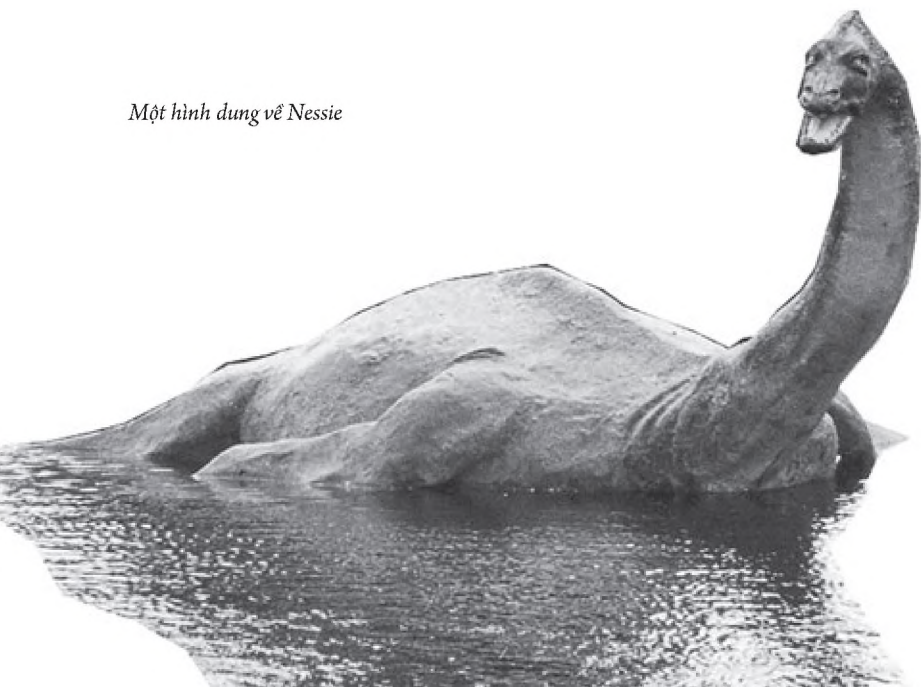
của nó còn một số khác thì quan tâm đến tiếng kêu lanh lảnh mà thỉnh thoảng nó phát ra. Tuy bản chất khá hung tợn nhưng con vật tỏ ra vô hại.

Thỉnh thoảng hình như nó cũng rời khỏi hồ vì có một sinh viên y khoa tên Arthur Grant đã gặp nó trên con đường dọc bờ hồ. Theo như mô tả của chàng trai này thì đây là loài vật lai hải cẩu và thằn lằn đầu rắn, một loài bò sát thời tiền sử.

- ***Thủy quái thích chụp ảnh***

Năm 1933, một người tên Hugh Gray chụp được tấm ảnh đầu tiên của con thủy quái ở khoảng cách 800m. Sau khi nghiên cứu các tấm phim âm bản, nhân viên kỹ thuật của hãng phim Kodak khẳng định rằng các tấm ảnh này là thật. Nhiều tấm ảnh khác được chụp sau đó, trong số này tấm ảnh ấn tượng nhất được chụp năm 1934 bởi đại tá Robert Wilson, một bác sĩ quân y người London.

*Một hình dung về Nessie*







*Một ảnh ghép vui  
về Nessie*

Trên ảnh là hình con thủy quái đang thò đầu cùng chiếc cổ dài ra khỏi mặt nước. Đến năm 1951, Lachlan Stuart - một người đón củi làm việc cho hạt kiểm lâm - lần đầu tiên chụp được mấy cái bấu ló ra khỏi mặt nước của con *Nessie*.

Con thủy quái cũng được một người tên Malcom Irvine quay phim vào năm 1933 và sau đó là năm 1936. Nhưng tư liệu nổi tiếng nhất về con vật là tư liệu do Tim Dinsdale, một kỹ sư hàng không, thực hiện năm 1960. Ông này đã bỏ cả công việc mình làm để dành thời gian tìm kiếm con vật. Trên đoạn phim mà ông quay được, ta có thể nhìn thấy một cái bấu màu nâu đỏ di chuyển ngang mặt hồ rồi quay lại và di chuyển dọc bờ đối diện.



*Một tranh vẽ Nessie lấy cảm hứng từ tấm ảnh chụp của Antony Shielf*

Các chuyên gia đã xem xét kỹ đoạn phim và không phát hiện ra bất cứ kỹ xảo nào, tuy nhiên họ cũng không thể kết luận hình dáng mà họ nhìn thấy trong phim có đúng là Nessie hay không.

Đến đầu thập niên 1960 thì Phòng điều tra hiện tượng hồ Loch Ness được lập ra.

- ***Thiết bị định vị sóng âm vào cuộc***

Phòng điều tra hiện tượng hồ Loch Ness cùng nhiều người quan tâm nghiên cứu quái vật Nessie đã không ngần ngại nhờ đến sự hỗ trợ của những kỹ thuật tiên tiến nhất. Nhưng địa hình đặc biệt của hồ đã gây khó khăn cho cuộc điều tra. Do đáy hồ có rất nhiều bùn nên không thể đặt máy quay phim dưới hồ. Các thợ lặn được cử xuống hồ cũng không thể nhìn rõ ràng do nước đục.

Ngoài ra do điều kiện tài chính hạn chế nên việc thuê tàu ngầm lặn xuống hồ cũng không khả thi.

Tuy nhiên, năm 1972 và năm 1975, máy quay phim đặt ngầm dưới hồ do giáo sư Edgerton của Viện kỹ thuật Massachusetts cải tiến cũng đã quay được hình ảnh con vật. Những hình ảnh này sau đó được một viện chuyên môn thuộc trung tâm NASA xem xét và phân tích. Một trong những hình ảnh này cho thấy chiếc cổ và phần thân trên cao khoảng 6m của một con vật. Ngoài ra, ngay từ năm 1962, một chiếc micro đặt dưới hồ cũng đã ghi được âm thanh do con vật gây ra khi đụng vào đáy hồ. Bộ định vị sóng âm cũng đã ghi âm được tiếng vọng của những vật thể lớn di chuyển dưới nước.

Với các chuyên gia sóng âm thì những đoạn ghi âm này rõ ràng đã chứng minh được sự tồn tại của những con thủy quái có kích thước lớn trong hồ Loch Ness. Sở dĩ người ta cho rằng có nhiều con thủy quái sống dưới hồ là vì *Nessie* đã được nhìn thấy xuất hiện từ thuở rất xa xưa. Saint Coloman, một linh mục người Ireland đã nhìn thấy nó năm 565. Nhưng bản chất đích xác của những con vật này như thế nào thì vẫn hoàn toàn nằm trong vòng bí ẩn.

#### • *Nessie là ai?*

Trong số vô số giả thuyết được đặt ra có nhiều giả thuyết hoàn toàn hoang tưởng, chẳng hạn nhiều người cho rằng con vật sống dưới hồ là chim nước, là lươn khổng lồ, cá mập hay sên biển khổng lồ, những con vật hoàn toàn không giống chút gì với hình ảnh con thú mà nhiều người nhìn thấy.

Giả thuyết nghe hấp dẫn hơn cho rằng *Nessie* là một con thần lặn đầu rắn, một loài bò sát khổng lồ sống cách đây khoảng 70

triệu năm. Điều chắc chắn là những hình chụp quái vật *Nessie* rất giống với loài thần lằn đầu rắn mà người ta tìm thấy tàn tích ở châu Âu. Nếu đúng như thế thì *Nessie* quả là một trường hợp sống sót hi hữu. Các nhà khoa học bác bỏ khả năng này dựa vào luận cứ cho rằng sinh vật máu lạnh không thể sống được ở hồ Loch Ness vì nhiệt độ hồ rất thấp. Nhưng các phát hiện mới đây cho thấy loài bò sát thời tiền sử có thể có máu nóng chứ không phải máu lạnh.

Cuối cùng, các chuyên gia giải mã động vật thiên về ý kiến cho đây là một động vật gần với loại “rắn biển khổng lồ”. Nó cũng có thể là một loài động vật chân vây có cổ dài mà chưa ai biết đến (động vật chân vây là động vật có vú như hải cẩu). Một số người thì khẳng định nó là một loài động vật mới, đang trong quá trình biến đổi.

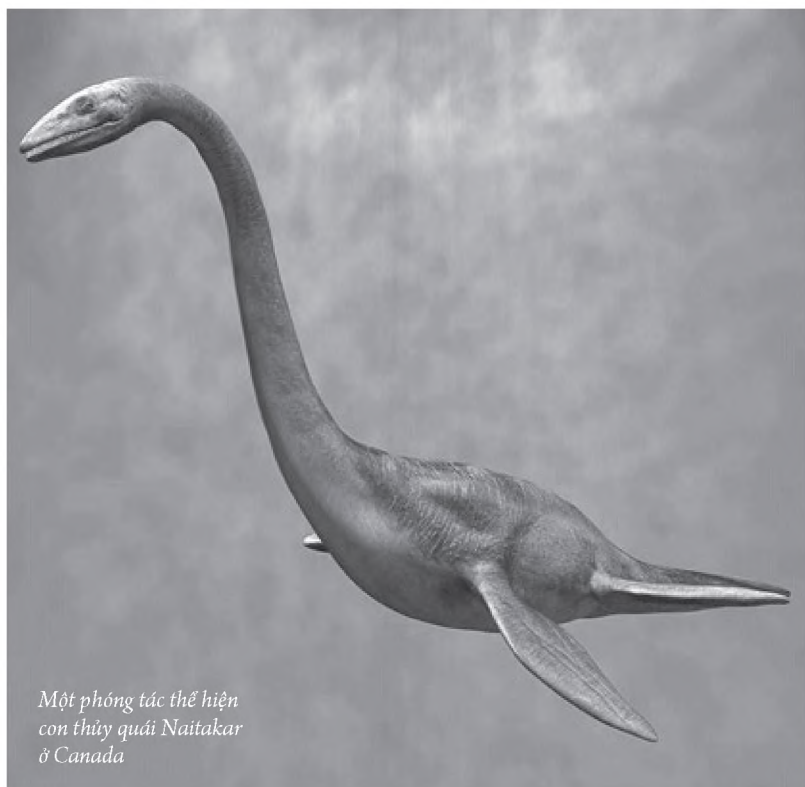
#### • *Họ hàng của Nessie ở châu Mỹ*

Cho dù là con gì thì *Nessie* cũng không phải là con thủy quái duy nhất trên thế giới.

Nhiều con thủy quái trông khủng khiếp khác cũng đang sống tại các hồ lớn trên thế giới như con *Bunyip* ở Úc, con *Issie* ở Nhật Bản, con *Soe-orm* và con *Skrimsl* ở Bắc Âu.

Ở châu Phi và Viễn Đông, nhiều người từng nhìn thấy những con vật trông không khác mấy so với quái vật hồ Loch Ness.

Sau *Nessie*, con thủy quái được nhiều người biết đến nhất là con *Ogopogo* mà người da đỏ gọi là “*Naitaka*”. Con quái vật này sống ở hồ Okanagan. Đây là một hồ nước dài 128km nằm ở British Columbia (Canada). Từ năm 1850 đến nay, con quái vật này đã được nhìn thấy hàng trăm lần, thậm chí đã được một người tên Art Folden quay phim và chụp hình vào năm 1968. Phim cho thấy



con Ogopogo dài khoảng 18m, vòng cổ của nó rộng 0,9m ở phần nối với đầu. Nhiều nhân chứng cho biết nó có một cái đuôi nhỏ, thân có vảy và ba chiếc bướu.

Nhưng Ogopogo cũng là con vật khó gặp, giống như quái vật hồ Loch Ness. Năm 1977, 60 thợ lặn trang bị bình oxy, máy quay phim và đèn chiếu lớn đã thay phiên nhau xuống hồ trong một cái chuồng rộng 9m nhưng vẫn không gặp được nó. Tại hồ Okanagan người ta cũng thành lập Văn phòng điều tra phụ trách việc này.

Ngoài ra, tại Candada cũng có nhiều con thủy quái khá lớn khác. Không kể con rắn biển “*Caddy*” nhìn thấy ngoài khơi British Columbia và con thú đen ngòm ở hồ Ponenegamook phía đông thành phố Québec, còn có hai con vật khác gọi là *Manipogo* trông gần giống với con *Ogopogo* ở hồ Winnipeg và hồ Manitoba. Theo ông A.R. Adams, người từng nhìn thấy một trong hai con thủy quái năm 1960 thì đó là “những con vật giống những con rắn lớn” với cái đầu hình thoi rộng khoảng 20cm.

Ở Hoa Kỳ cũng có những quái thú bí ẩn sống trong hồ. Chúng sống trong các ao hồ ở bang Wisconsin, ở vùng đồng bằng bang Nebraska và ở các hạt miền núi phía Đông Bắc. Tất cả những con thủy quái này đều được mô tả giống như những con rắn hay thằn lằn khổng lồ có khả năng di chuyển rất nhanh với thân hình uốn lượn. Chúng gợi cho các nhân chứng nhớ đến quái vật hồ Loch Ness. Một trong những con vật này được nhìn thấy nhiều lần từ năm 1930 đến năm 1940 tại hồ Payette (bang Idaho) và được đặt tên “*Slimy Slim*” tức “mảnh dẻ và nhầy nhụa”. Tuy nhiên, chưa ai chụp hay quay phim được những con quái thú đó. Điều này khiến người ta luôn hoài nghi về sự tồn tại của chúng.

## Quái vật huyền thoại

Các câu chuyện dân gian châu Âu thường kể về những con thủy quái reo giắc kinh hoàng ở vùng sông hồ.

**Scotland.** Truyền dân gian Scotland luôn tràn ngập hình ảnh những “con rồng”. Huyền thoại nổi tiếng nhất kể rằng từ cuộc thập tự chinh trở về, ngài John Lambton đã chiến đấu với một con quái vật khổng lồ có hình dáng giống một con giun. Ngài đã chiến thắng con quái thú đó một cách vẻ vang nhờ vào lời khuyên của một nữ phù thủy. Đó là con vật mà ngài câu được từ nhiều năm trước nhưng đã thả nó trở xuống nước.

Ở phía Bắc quận Pembrokeshire gần vùng Bryberian có một ngôi mộ nổi tiếng được gọi là “*Bedd yr Alfanc*” tức *mộ phần của thủy quái Alfanc*. Theo truyền thuyết thì con vật nguy hiểm này bị dân làng bắt được ngoài sông và giết chết.

Người ta kể rằng đầu thế kỷ 13 có một người đang bơi qua hồ Liyn-Goder phía Đông Nam núi Snowdon thì bị một con vật có thân hình dài và uốn lượn đuối theo. Ngay khi anh chàng bắt hạnh này sắp vào được bờ thì bị con vật bắt kịp và lôi xuống đáy hồ.

**Iceland.** Hòn đảo chứa đầy núi lửa và mạch nước phun này cũng sở hữu nhiều truyện kể về những con “hải mã” có thói quen lôi xuống hồ các du khách đi riêng lẻ.

**Ireland.** Tất cả những hồ nước ở Ireland đều có những câu chuyện huyền thoại tương tự nhau. Ví dụ, tại hạt Connaught thì có chuyện thánh Mochua de Balla đã giết một con thủy quái gớm guộc sống tại một trong các hồ trong vùng. Tương tự là chuyện con lươn khổng lồ bơi ngang hồ Ramor và cuối cùng bị bắt, hoặc chuyện về một con cá sấu cổ dài sống ở hồ Mask.

**Pháp.** Vào thế kỷ thứ 7 ở Rouen, thánh Romain đã cứu vùng Normandie thoát khỏi con Gargouille, một con rắn khổng lồ sống ở vùng đầm lầy. Mỗi địa phương có những huyền thoại khác nhau, chẳng hạn thành Travaux nằm trên bờ sông Doubs có con quái thú “*Drac*” chuyên lôi người xuống sông và chìm chết.

TRONG THẨM SÂU  
CỦA BÍ ẨN (TẬP 1)

Nguyễn Thị Kim Anh *biên soạn*

---

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: TUẤN VIỆT - THU NHI

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: NHẬT VI

Trình bày: NGUYỄN VĂN

---

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)

Website: [www.nxbtre.com.vn](http://www.nxbtre.com.vn)

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: [chinhanh@nxbtre.com.vn](mailto:chinhanh@nxbtre.com.vn)

---



